



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 0866-7322

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 59 - KỲ II - 3/2020



PHƯƠNG ÁN

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2020
MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU



VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG
DỊCH BỆNH COVID-19



XUẤT KHẨU

SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC GẶP KHÓ



ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ QUẢNG UYÊN VÌ SỰ NGHIỆP “TRỒNG NGƯỜI”



Tập thể sư phạm Trường Phổ thông DTNT Quảng Uyên

Những năm học vừa qua, Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú (PT DTNT) Quảng Uyên, Cao Bằng luôn phát huy vai trò là mái nhà giáo dục tốt cho con em các dân tộc thiểu số (DTTS) trong sự nghiệp chăm lo đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao dân trí trên địa bàn.

đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc rèn luyện “mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”. Cùng với các buổi học ngoại khóa, nhà trường dạy kỹ năng sống cho học sinh với các nội dung thiết thực, phù hợp tâm lý, lứa tuổi và đặc điểm văn hóa địa phương, bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp, giá trị sống, khát khao học tập, khát vọng cống hiến cho các em; tạo môi trường thuận lợi để học sinh rèn đức, luyện tài... Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực từ phụ huynh để nâng cấp điều kiện ăn, ở, sinh hoạt của học sinh, xây dựng cảnh quan sư phạm...

Bằng việc thực hiện nhiều biện pháp tích cực vì sự nghiệp “trồng người”, chất lượng giáo dục của nhà trường không ngừng nâng lên, năm sau cao hơn năm trước, nhà trường được chính quyền, nhân dân và phụ huynh tin tưởng, mến yêu.

Cô giáo Lô Thị Huyền, Hiệu trưởng nhà trường chia sẻ: “Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ trọng tâm của trường là ra sức xây dựng khối đoàn kết thống nhất, quan tâm xây dựng đội ngũ, cơ sở vật chất nhà trường phát triển theo hướng chuẩn hiện đại, coi trọng giáo dục toàn diện, phát triển năng lực, giáo dục mũi nhọn; khơi dậy tiềm năng, xác định giá trị, mục tiêu, tầm nhìn, xây dựng nhà trường ngày càng phát triển bền vững”./.

Kiều Thị Thủy

Nhà trường có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học, nuôi dưỡng học sinh cùng nguồn nhân lực giáo viên chất lượng, có trình độ đào tạo trên chuẩn khá cao (78,2%). Năm học 2018-2019, nhà trường có gần 230 học sinh, thì có 46 học sinh (HS) đạt giải HS giỏi cấp huyện (đứng thứ nhất trong khối trường THCS của huyện), 16 HS giỏi cấp tỉnh (đứng thứ nhất trong khối các trường PTDTNT các huyện trong tỉnh); 90,4% HS đạt học lực khá, giỏi; 97,8% HS đạt hạnh kiểm khá, tốt; 100% HS lớp 9 tốt nghiệp THCS, tỷ lệ các em được trúng tuyển vào Trường Vùng cao Việt Bắc, Trường Hữu nghị Việt - Lào T78, Trường Hữu nghị Việt Nam - Lào - Campuchia T80, Trường THPT Chuyên tỉnh Cao Bằng, Trường PTDTNT tỉnh... đạt kết quả cao; nhiều thầy cô giáo được công nhận Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Chiến sỹ thi đua cơ sở, được Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng tặng Bằng khen.

Để đạt được những kết quả như vậy, Trường PT DTNT Quảng Uyên

luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện nhiệm vụ với trọng tâm: “Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục” theo tinh thần Nghị quyết số 29 của Bộ chính trị về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, nhà trường đẩy mạnh “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”, đổi mới trong công tác quản lý và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, đề xuất sáng kiến cải tiến, kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, biên soạn giáo án, tìm nguồn tư liệu hỗ trợ bài giảng trên lớp. Tổ chức dạy học phân hóa, bồi dưỡng kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh, đồng thời khơi gợi tính tích cực và tư duy sáng tạo cho học sinh qua từng bài học...; xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” thi đua “Dạy tốt, học tốt”; học tập và làm theo tư tưởng,



Thầy và trò Trường Phổ thông DTNT Quảng Uyên thăm quan, trải nghiệm tại Di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc, Hà Tĩnh, Hè năm 2019



Lễ ra trường của học sinh lớp 9 Trường Phổ thông DTNT Quảng Uyên

HỘI THẢO GÓP Ý SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA



Sáng ngày 28/02/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo xin ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình Điều tra thống kê Quốc gia. Bà Nguyễn Thị Hương - Phó Tổng cục trưởng TCTK tham dự và chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng; cùng đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc cơ quan TCTK.

Tại Hội thảo, các đại biểu được nghe đại diện Vụ Phương pháp chế độ và công nghệ thông tin trình bày Báo cáo Đánh giá thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Theo đó, Chương trình Điều tra thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm 50 cuộc điều tra

các loại; trong đó, Tổng cục Thống kê có trách nhiệm chủ trì 35 cuộc điều tra thống kê và các bộ, ngành chủ trì 15 cuộc điều tra.

Sau hơn 3 năm thực hiện, Chương trình điều tra thống kê quốc gia đã phát sinh một số bất cập, do đó cần có sửa đổi, bổ sung. Đơn cử, hiện nay, một số cuộc điều tra thống kê đã được ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các khâu thực hiện nên rút ngắn được thời gian thu thập, xử lý thông tin để có thể công bố kết quả sớm hơn. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện các cuộc điều tra này có sự không đồng bộ và thiếu thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê. Do đó đã đặt ra yêu cầu cần phải rà soát thời điểm, thời kỳ điều tra của một số cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia cho phù hợp.

Bên cạnh đó, Chương trình điều tra thống kê quốc gia được xây dựng trên cơ sở Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, là cơ sở phân công, phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thì Chương trình điều tra thống kê quốc gia cần sửa đổi, bổ sung nội dung thông tin thu thập trong các cuộc điều tra thống kê. Đồng thời, bổ sung một số cuộc điều tra thống kê mới vào danh mục các cuộc điều tra thống kê quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê phục vụ biên soạn,

tổng hợp một số chỉ tiêu thống kê, bảo đảm thực hiện cam kết giữa Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quốc tế. Điều này cũng xuất phát từ chính nhu cầu theo cơ cấu mới của Tổng cục Thống kê.

Hội thảo đã diễn ra trên tinh thần cởi mở, góp ý thẳng thắn xung quanh các nội dung liên quan đến mục đích, yêu cầu, phương pháp, kế hoạch thực hiện sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Việc sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia dự kiến có 2 phương án thực hiện: (i) Phương án 1: Sửa đổi triệt để thông qua việc trình Bộ trưởng để trình Chính phủ kế hoạch sửa đổi Hệ thống chỉ tiêu quốc gia, trên cơ sở đó sửa đổi Chương trình điều tra thống kê quốc gia. (ii) Phương án 2: Sửa đổi nhỏ thông qua việc sửa đổi thời điểm, thời kỳ điều tra; lồng ghép nội dung điều tra nhằm phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu mới ban hành. Cả hai phương án thực hiện đều dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính đầy đủ, tính khả thi, tính không trùng lặp và tính kế thừa. Quan điểm của đa số đại biểu là tán thành với phương án 1 với mong muốn việc bổ sung, sửa đổi sẽ được thực hiện toàn diện một cách triệt để nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các chỉ tiêu và các cuộc điều tra thống kê.

Bế mạc Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương giao Vụ Phương pháp chế độ và Công nghệ thông tin phối hợp với các đơn vị chuyên môn trong cơ quan TCTK và các bộ, ngành xây dựng kế hoạch cụ thể, bài bản trên cơ sở đánh giá từng chỉ tiêu, ý kiến sửa đổi để thể hiện rõ nhất những bất cập trong thực trạng thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Đồng thời xây dựng lộ trình rõ ràng, từ ngắn hạn đến dài hạn để thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại một cách toàn diện, triệt để./

Thu Hiền

HỘI THẢO

XIN Ý KIẾN VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA

Căn cứ pháp lý Điều 12 và Điều 18 của Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và thực tế nhu cầu thông tin thống kê ngày càng cao của Đảng, Chính phủ, Nhà nước và các đối tượng dùng tin khác, ngày 5/3/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo xin ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê Quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13. Bà Nguyễn Thị Hương - Phó Tổng cục trưởng TCTK chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có ông Nguyễn Trung Tiến - Phó Tổng cục trưởng TCTK; đại diện các Bộ, ngành và các đơn vị có liên quan thuộc TCTK.

Phát biểu chỉ đạo Hội thảo, bà Nguyễn Thị Hương - Phó Tổng cục trưởng TCTK cho biết: Sau một thời gian có hiệu lực thi hành (7/2016), một số chỉ tiêu quy định trong Luật Thống kê, cụ thể là trong Nghị định 97/2016/NĐ-CP không còn phù hợp do bị thiếu hụt hoặc cần được rà soát xem xét lại. Do đó tại Hội thảo này TCTK muốn xin ý kiến của đại diện các bộ, ngành về sự cần thiết phải sửa đổi danh mục Quyết định 43 (Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia) với nhiệm vụ ban đầu là sửa đổi, bổ sung

danh mục chỉ tiêu thống kê Quốc gia ban hành trong Luật Thống kê năm 2015.

Tại Hội thảo, đại biểu đã được nghe đại diện các Bộ, ngành chia sẻ kết quả và vướng mắc trong thực hiện các chỉ tiêu thống kê do Bộ, ngành chủ trì thực hiện thời gian qua và cho ý kiến tán thành về sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung danh mục Hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia. Tại Hội thảo, các đại biểu cũng đã chỉ ra những nội dung cần rà soát, bổ sung trong các chỉ tiêu do Bộ, ngành chủ trì thực hiện.

Kết thúc Hội thảo, bà Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh: Mục đích của Hội thảo nhằm thống nhất triển khai đánh giá thực trạng và trên cơ sở đó sẽ quyết định hình thức và cách thức sửa đổi, cũng như mức độ sửa đổi các chỉ tiêu thống kê. Vì vậy, Bà Hương yêu cầu chậm nhất 1 tuần các bộ, ngành phải có ý kiến phản hồi để đảm bảo trong 1 tháng sẽ có đánh giá chi tiết về chỉ tiêu nào giữ nguyên, chỉ tiêu nào cần bổ sung, sửa đổi và chỉ tiêu nào cần bỏ. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện khái niệm nguồn thông tin, phương pháp và cách thức tính phân tổ, nguồn lực thực hiện để làm căn cứ đưa vào xây dựng ngân sách, xây dựng nguồn lực phục vụ cho công tác thu thập thông tin tổng hợp./

M.T

HỘI THẢO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ NĂM 2020

Thực hiện Quyết định số 1695/QĐ-TCTK ngày 31/12/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc tiến hành Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 01/7/2020, chiều ngày 06/3/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo Phương án điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020. Bà Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng TCTK tham dự và chỉ đạo Hội thảo. Tham dự Hội thảo còn có đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo một số Vụ, đơn vị liên quan thuộc TCTK, thành viên Tổ công tác chỉ đạo cuộc điều tra cấp Trung ương.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, bà Nguyễn Thị Hương – Phó Tổng cục trưởng TCTK cho biết, đây là cuộc điều tra đầu tiên thực hiện theo Chương trình điều tra thống kê quốc gia mới – Quyết định 43/2016/QĐ-TTg. Do vậy, điều tra này sẽ có nhiều điểm mới so với những cuộc điều tra trước. Theo đó, cuộc điều tra lần này sẽ triệt để ứng dụng công nghệ thông tin; có sử dụng địa bàn mẫu chủ từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và thực hiện kết nối dữ liệu điều tra. Bên cạnh đó, phạm vi của cuộc điều tra này cũng thu hẹp hơn so với những lần trước (không điều tra các hộ phi nông, lâm nghiệp và thủy sản để phù hợp với thông lệ quốc tế), nội dung của điều tra sẽ tập trung thu thập thông tin về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, lồng ghép nhiều thông tin, tập trung đánh giá phát triển bền vững (SDGs)... Do vậy, Tổ công tác cũng như các đơn vị



có liên quan cần thảo luận để hoàn thành việc xây dựng kế hoạch, phương án phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tiến hành điều tra đạt hiệu quả tốt nhất.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe Tổ trưởng Tổ công tác chỉ đạo cuộc điều tra cấp Trung ương báo cáo một số nội dung chính của Dự thảo Phương án điều tra, quy trình lập bảng kê và kế hoạch thực hiện. Theo đó, điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 01/7/2020 sẽ thu thập thông tin cơ bản về nông thôn và sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản với việc điều tra khoảng 1,4 triệu hộ thông qua hình thức phiếu ngắn và trên 45 nghìn hộ với hình thức phiếu dài; trên 33 nghìn trang trại; gần 9.000 xã tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước trong vòng 20 ngày bắt đầu từ ngày 01/7/2020.

Hội thảo cũng đã dành thời gian thảo luận các vấn đề liên quan tới nội dung phương án điều tra, hình thức thu thập thông tin; thời gian và hình thức triển khai tập huấn các cấp; kinh phí điều tra, công tác giám sát, kiểm tra và phúc tra...

Kết luận tại Hội thảo, bà Nguyễn Thị Hương đánh giá cao những công việc Tổ công tác đã hoàn thành, tuy nhiên để có thể triển khai tốt cuộc điều tra lần này, Bà đề nghị Tổ công tác cần rà soát lại phương án điều tra, phiếu hỏi, cách chọn mẫu và đặc biệt là có kế hoạch chi tiết và phân công công việc một cách cụ thể. Cùng với đó Tổ công tác cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan như Vụ kế hoạch Tài chính để có được sự thống nhất đảm bảo nguồn lực để triển khai; với Trung tâm Tin học khu vực I để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào cuộc điều tra; Vụ Thống kê Dân số và Lao động cũng sẽ có những trao đổi và phối hợp với Tổ công tác nhằm hoàn tất các nội dung liên quan dựa trên những kinh nghiệm đã được triển khai trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Đặc biệt, đối với công tác phối hợp, giám sát, kiểm tra, Bà Hương yêu cầu Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê có sự phân quyền và hướng dẫn cụ thể, đảm bảo tiến hành các công việc một cách hiệu quả nhất./

Thu Hòa

Năm 2019 với sự chủ động của ngành Thống kê, công tác xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động thống kê đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm cả mặt tiến độ và chất lượng. Qua đó, công tác phương pháp chế độ thống kê đã được thể chế, cải tiến và hoàn thiện; phương pháp thống kê mới được ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng của các sản phẩm thống kê. Bước sang năm 2020, một số nhiệm vụ trọng tâm cần được lưu ý, trong đó nổi bật là triển khai năm gốc so sánh 2020.

Một số kết quả đạt được năm 2019

Công tác phương pháp chế độ thống kê luôn được coi là công tác quan trọng của ngành Thống kê. Năm 2019 công tác phương pháp chế độ thống kê đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, nội dung về phương pháp chế độ thống kê đã được thể chế, pháp lý hóa là cơ sở quan trọng cho hoạt động thống kê.

Công tác xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động thống kê đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm về tiến độ và chất lượng. Năm 2019, Tổng cục Thống kê đã trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư một số Thông tư quan trọng để hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê trong những năm tới như: Thông tư về khu vực thể chế Việt Nam.

thống kê phát triển giới của quốc gia; Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê đang tiếp tục triển khai biên soạn và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư một số Thông tư quan trọng để hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê trong những năm tới như: Thông tư về khu vực thể chế Việt Nam.

Hai là, nghiên cứu, áp dụng các phương pháp luận mới, các hình thức thu thập thông tin mới. Cụ thể như: Tổng cục Thống kê phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu áp dụng khái niệm mới về lao động việc làm theo khuyến nghị của ILO trong Điều tra lao động việc làm 2019 và các năm tiếp theo để tiến tới biên soạn các chỉ tiêu lao động việc làm theo khái niệm mới tại Việt Nam. Tổng cục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng phương pháp mới trong các cuộc điều tra, tổng điều tra. Tiếp tục nghiên cứu,

cải tiến nhiều phương án điều tra như phương án điều tra giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025, các phương án điều tra trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản...

Ba là, xây dựng Khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016-2020. Tổng cục Thống kê đã biên soạn tài liệu hướng dẫn Bộ, ngành xây dựng Khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá việc thực hiện các đề án, chương trình của Bộ, ngành được Chính phủ giao thực hiện trong Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020.

Bốn là, ban hành Kế hoạch điều tra đối với các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia năm 2020. Công tác thẩm định Dự thảo Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê và phương án điều tra của các Bộ, ngành, địa phương được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định của Luật Thống kê.

Ngoài ra, Tổng cục Thống kê luôn cập nhật, áp dụng các bảng phân loại cho hoạt động thống kê như: Cập nhật và thông báo

CÔNG TÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ ĐỘ THỐNG KÊ NĂM 2019 VÀ TRIỂN KHAI NĂM GỐC SO SÁNH NĂM 2020

danh mục các đơn vị hành chính; xây dựng danh mục nghề nghiệp...

Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

Thứ nhất, tập trung xây dựng các văn bản pháp lý của ngành về công tác phương pháp chế độ, cụ thể: Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016-2020; Xây dựng các tiêu chuẩn thống kê để thực hiện Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định về khu vực thể chế Việt Nam; Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng phân loại nghề nghiệp, bảng danh mục dịch vụ xuất nhập khẩu; Sửa đổi và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Thứ hai, triển khai thực hiện Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh. Theo đó:

(i) Hoàn thiện hệ thống chỉ số giá theo hướng: Thay đổi thời gian cung cấp chỉ số giá để đáp ứng

tốt hơn việc cung cấp hệ thống chỉ số giá phục vụ biên soạn các chỉ tiêu giá trị theo giá so sánh; Xác định các quyền số chi tiết phục vụ biên soạn chỉ số giá kịp thời vào năm đổi rổ (năm 2020) và các năm có cập nhật quyền số, nhất là quyền số của các ngành công nghiệp và các ngành dịch vụ; Bổ sung kỳ công bố “tháng” đối với chỉ số giá bán của người sản xuất công nghiệp; Chỉ số giá sản xuất cần được bổ sung, cập nhật danh mục ngành, sản phẩm, mặt hàng mới đồng thời có quy định riêng, đặc thù cho các sản phẩm công nghiệp hạch toán toàn ngành như sản xuất, truyền tải và phân phối điện, khai thác dầu thô...

(ii) Xác định hệ số chi phí trung gian mới với năm 2020 là năm gốc: Năm 2020 cần cập nhật và xác định hệ số chi phí trung gian mới thông qua cuộc điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian.

(iii) Hướng dẫn và biên soạn chỉ tiêu giá trị sản xuất (GTSX) của các ngành, cụ thể: Hướng dẫn và thực hiện biên soạn chỉ tiêu GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành công nghiệp chi tiết ít nhất đến ngành cấp 4; Hướng dẫn và thực hiện việc biên soạn chỉ tiêu GTSX ngành xây dựng.

(iv) Hướng dẫn và thực hiện chuyển giá trị của các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh theo các gốc 2010 và 2020: Hướng dẫn và thực hiện chuyển giá trị của chỉ tiêu từ các năm 2011 đến 2019 theo giá so sánh gốc 2010 về gốc 2020; Hướng dẫn và thực hiện chuyển giá trị của các chỉ tiêu từ năm 2021 trở đi theo gốc so sánh 2020 về gốc 2010.

(v) Xây dựng và áp dụng Bảng ma trận chuyển đổi từ hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 (VSIC2007) sang hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018 (VSIC2018) và ngược lại.

Thứ ba, tiếp tục triển khai các công việc khác: (i) Tiếp tục nghiên cứu cải tiến phương án điều tra, nghiên cứu và ứng dụng phương pháp thống kê mới; thực hiện dự án do cơ quan Thống kê Nhật Bản hỗ trợ kỹ thuật, tiếp nhận hệ thống điều tra trực tuyến. Phối hợp với Tổng cục Thuế ban hành quy định vận hành hệ thống cầu nối dữ liệu thuế, tiếp tục vận hành hệ thống để nhận, gửi dữ liệu giữa hai cơ quan. (ii) Theo dõi và hướng dẫn triển khai Luật Thống kê; thẩm định, góp ý và trả lời công văn thuộc các lĩnh vực phương pháp chế độ khi có yêu cầu./.

(Nguồn: Vụ Phương pháp chế độ và Công nghệ thông tin - TCTK)

NGÀNH THỐNG KÊ VỚI CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Mai Phương

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Ngành Thống kê cũng đã và đang có những bước chuyển mình rõ rệt, từ quyết tâm chính trị mạnh mẽ của đội ngũ lãnh đạo Ngành đến ý thức của mỗi cá nhân hướng tới việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực từ quản lý điều hành đến chuyên môn nghiệp vụ...

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ - câu chuyện không mới

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các hoạt động thống kê không phải là câu chuyện mới đối với ngành Thống kê. Cách đây vài chục năm, Thống kê là một trong những ngành dẫn đầu cả nước về ứng dụng CNTT trong các hoạt động nghiệp vụ, như: Sử dụng các phần mềm trong phân tích, xử lý dữ liệu hoặc cập nhật phiếu dữ liệu thu thập được từ các cuộc điều tra thống kê với các bài toán phức tạp.... Tuy nhiên,

với nhu cầu và trào lưu, xu hướng phát triển của xã hội hiện đại thì ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ dừng lại ở đó, mà cần yêu cầu cao hơn, đó là tích hợp, chia sẻ dữ liệu, là sử dụng dữ liệu lớn trong điều tra thống kê, là ứng dụng các thiết bị công nghệ thông minh trong điều tra thống kê, là sử dụng các phần mềm thông minh để phân tích và chạy dữ liệu...

Trước thực trạng đó, khi xây dựng Luật Thống kê sửa đổi năm 2015, các nhà làm Luật đã đưa ra những điểm mới căn bản trong Luật, đó là các điều khoản

liên quan đến sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động thống kê. Điều 36, Mục 2, Chương III Luật Thống kê nêu rõ: Sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể từ dữ liệu hành chính. Cơ sở dữ liệu hành chính được sử dụng trong hoạt động thống kê gồm: Cơ sở dữ liệu về con người, đất đai, cơ sở kinh tế, thuế, hải quan, bảo hiểm... Đi theo đó là các điều khoản liên quan



quy định việc cung cấp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu như: Danh mục các trường dữ liệu có liên quan và dữ liệu; Định dạng dữ liệu, định nghĩa và các thuộc tính có liên quan của trường dữ liệu; Phương thức, tần suất và thời gian cung cấp dữ liệu. Để thực hiện được điều này rất cần các điều kiện bảo đảm cho việc cung cấp, tiếp nhận dữ liệu gồm cơ sở hạ tầng thông tin, nguồn nhân lực và tài chính.

Tại Chương V của Luật Thống kê, Điều 51 có quy định về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động thống kê Nhà nước, trong đó nêu rõ: Ưu tiên đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiên tiến trong hoạt động thống kê nhà nước bao gồm: (i) Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống tổ chức thống kê nhà nước; (ii) Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất do cơ quan thống kê trung ương quản lý, gồm các cơ sở dữ liệu thống kê của hệ thống thống kê tập trung và các cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành từ nguồn dữ liệu hành chính quy định tại Luật này; kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu bộ, ngành để cung cấp, cập nhật thông tin; (iii) Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê của bộ, ngành và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; (iv) Phần mềm ứng dụng; (v) Các phương tiện, phương pháp thu thập và phổ biến thông tin tiên tiến gồm máy tính bảng, điện thoại thông minh, máy tính xách tay, phiếu điện tử, phiếu thu thập thông tin trực tuyến, công nghệ ảnh vệ tinh, hệ thống thông tin địa lý và các phương tiện, phương pháp thu thập, phổ biến thông tin thống kê tiên tiến khác.

Đó là những cơ sở pháp lý quan trọng để ngành Thống kê có căn cứ triển khai xây dựng nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động thống kê. Đặc biệt, gần đây nhất Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết này đã nhấn thêm sức mạnh và quyết tâm ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi mặt công tác từ quản lý điều hành đến nghiệp vụ chuyên môn của ngành Thống kê nói riêng và các ngành khác trong cả nước nói chung.

Ngành Thống kê trên con đường số hóa

Ngày 10/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 501/QĐ-TTg phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động thống kê Nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đề án 501 đưa ra mục tiêu chung là ứng dụng mạnh CNTT-TT và các phương pháp khoa học dữ liệu để nâng cao chất lượng hoạt động thống kê Nhà nước hướng đến hệ thống thông tin thống kê quốc gia tích hợp và hiện đại trong giai đoạn 2020-2025. Mục tiêu đến năm 2020 xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia, từng bước kết nối với hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành, địa phương; sử dụng công nghệ thông minh (webform và thiết bị điện tử cầm tay) thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử trong các cuộc điều tra thống kê, cụ thể: 80% trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, 75% trong điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020, 75% trong điều tra doanh nghiệp và hộ cá thể, 80% trong các cuộc điều tra khác...Bên cạnh đó, tích hợp,

tiếp nhận hoàn chỉnh các dữ liệu hành chính trong các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc, bảo hiểm xã hội và cơ sở dữ liệu một số bộ, ngành để biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam... Xa hơn nữa, mục tiêu của năm 2025 là hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê nhà nước và hệ cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất theo quy định của Luật Thống kê; sử dụng 85% phiếu điều tra điện tử trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và 90% trong các cuộc điều tra khác; tích hợp hoàn chỉnh dữ liệu hành chính có liên quan trong các ngành, lĩnh vực...

Theo đó, một số bộ, ngành và Tổng cục Thống kê đã thực hiện chia sẻ dữ liệu hành chính trong công tác thống kê. Việc sử dụng nguồn dữ liệu hành chính từ ngành Thuế, Kho bạc Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác như y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao, thông tin truyền thông trong Tổng điều tra kinh tế 2017 là một ví dụ điển hình. Đặc biệt, sự chia sẻ dữ liệu của ngành Thuế trong rà soát điều tra khối doanh nghiệp đã đóng góp rất lớn vào thành công của cuộc tổng điều tra này. Trong vài năm trở lại đây, các đơn vị nghiệp vụ thuộc Tổng cục và một số Cục Thống kê địa phương đã đẩy mạnh nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng một số phương thức mới trong thu thập thông tin như: Sử dụng thiết bị điện tử thông minh (CAPI) trong điều tra giá tiêu dùng, lao động - việc làm, điều tra bằng webform trong điều tra doanh nghiệp; ứng dụng phần mềm blockchain điều tra chăn nuôi; ứng dụng phần mềm điều tra chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá bất động sản bằng dữ liệu lớn hay ứng dụng bài giảng

điện tử trong công tác tập huấn điều tra mức sống dân cư...

Đặc biệt, việc áp dụng hình thức thu thập thông tin bằng CAPI trong các cuộc điều tra mẫu vài năm gần đây và mới nhất là trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 cho thấy việc sử dụng thiết bị điện tử di động như máy tính bảng, điện thoại thông minh để thu thập thông tin sẽ làm tăng chất lượng dữ liệu do kiểm soát được các lỗi lờ - gic trong quá trình thu thập thông tin, giám sát được quy trình điều tra; bên cạnh đó tiết kiệm được thời gian hoàn thành phiếu điều tra... nhờ đó rút ngắn thời gian xử lý và công bố dữ liệu (do không phải làm sạch phiếu và nhập tin). Phương pháp này sẽ tiết kiệm một khoản kinh phí lớn để in phiếu giấy, thuê người nhập tin và các chi phí liên quan khác. Đã có trên 99,9% hộ dân cư được điều tra bằng hình thức CAPI trong TĐT dân số và nhà ở 2019, vượt mục tiêu Đề án 501 đề ra.

Tiếp nối thành công từ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cũng ứng dụng CNTT trong tất cả các khâu điều tra. Và điểm đặc biệt hơn trong cuộc điều tra này là việc kết nối các thông tin sẵn có của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Có khoảng hơn 20 trường dữ liệu từ kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được kết nối với chương trình điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. Các thông tin này được kiểm tra, đối chiếu trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn của điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 và được sử dụng để tổng hợp số liệu và phân tích

báo cáo kết quả điều tra. Đây là lần đầu tiên ngành Thống kê thực hiện kết nối chuỗi dữ liệu mảng (panel data) ngay trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn giúp thuận tiện cho quá trình điều tra, nâng cao chất lượng thông tin, giảm bớt thời gian để thu thập các thông tin đã sẵn có.

Có thể thấy, áp dụng hình thức thu thập thông tin bằng CAPI và Webform là một bước tiến trong cải tiến phương pháp điều tra thống kê, giúp nâng cao chất lượng số liệu, giảm thời gian xử lý và công bố kết quả và phù hợp với xu hướng phát triển chung của thống kê trên thế giới và trong khu vực.

Việc sử dụng dữ liệu lớn trong điều tra thông tin cũng được một số đơn vị của ngành Thống kê nghiên cứu, thử nghiệm. Gần đây, Vụ Thống kê Giá thử nghiệm điều tra chỉ số giá bất động sản từ dữ liệu lớn hay Viện Khoa học Thống kê đã bước đầu thử nghiệm tính chỉ số giá tiêu dùng cũng qua sử dụng dữ liệu lớn của các trang web bán hàng trực tuyến có uy tín. Dù việc sử dụng dữ liệu lớn để thu thập thông tin cũng bộc lộ một số bất cập như chỉ số giá tiêu dùng tính từ nguồn big data không tính được theo vùng địa lý kinh tế, địa phương, khu vực thành thị, nông thôn và cũng không tính được cho tất cả các ngành hàng... Tuy nhiên, kết quả thu được từ những nghiên cứu này cũng là gợi ý rất đáng lưu tâm trong quá trình hoàn thiện công tác thống kê trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay.

Bên cạnh việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thu thập, xử lý dữ liệu, ngành Thống kê còn đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động phổ biến thông tin. Hiện, ngành đã hoàn thành giai đoạn 1 việc xây dựng trang thông tin

điện tử Tổng cục Thống kê mới với sự giúp đỡ kỹ thuật của các chuyên gia thống kê Ý. Trang web mới sẽ khắc phục những hạn chế của trang web hiện tại và hướng đến những phương tiện phổ biến dữ liệu hiện đại, thân thiện và thuận lợi cho cả phía người sử dụng thông tin thống kê và phía quản trị nội dung. Trang web mới đang được chạy thử nghiệm (tại địa chỉ <https://thongke.gov.vn>); Bước đầu sử dụng bộ công cụ hình ảnh hóa dữ liệu trong phổ biến dữ liệu góp phần tăng cường hiệu quả thông tin thống kê; Tiếp tục xây dựng và cập nhật các CSDL thống kê kinh tế - xã hội vĩ mô để phổ biến làm nền tảng cho việc xây dựng trung tâm dữ liệu đầu ra; Tiếp tục xây dựng các kho dữ liệu kết quả các cuộc tổng điều tra và điều tra lớn để phổ biến đến người sử dụng thông tin; Tiếp tục xây dựng các kho dữ liệu vi mô phục vụ người dùng tin khai thác, như kho kết quả: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số; điều tra lao động việc làm; khảo sát mức sống dân cư... Ngoài ra, việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động điều hành cũng đang được Ngành tiếp tục đẩy mạnh.

Rõ ràng, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê đã đem lại những lợi ích to lớn, tuy nhiên để việc ứng dụng này đạt hiệu quả to lớn rất cần sự đầu tư cơ bản từ hạ tầng thông tin, hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nhân lực và trên hết là ý thức của đội ngũ lãnh đạo các cấp từ trung ương đến địa phương quyết tâm đưa số hóa, công nghệ hóa vào thực tiễn công tác từ quản lý điều hành đến chuyên môn nghiệp vụ nhằm hướng tới nâng cao chất lượng số liệu thống kê trong thời đại kỷ nguyên số./.

PHƯƠNG ÁN

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2020

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU

Mục đích điều tra

- Thu thập các thông tin cơ bản phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp);

- Tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, các chỉ tiêu trong báo cáo chính thức hàng năm của ngành Thống kê;

- Tổng hợp và biên soạn ấn phẩm "Sách trắng doanh nghiệp năm 2021";

- Đánh giá tình hình về ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp;

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hàng năm, lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hàng năm; điều tra thường xuyên và các yêu cầu thống kê khác.

Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2020 bao gồm: (i) Các doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động theo Luật Hợp tác xã và các doanh nghiệp được thành lập, chịu sự điều tiết bởi các Luật chuyên ngành như Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán...

hoạt động sản xuất kinh doanh trước thời điểm 01/01/2020 hiện đang hoạt động¹. (ii) Các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp.

Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là doanh nghiệp, bao gồm:

(1) Doanh nghiệp không có cơ sở trực thuộc đóng tại địa điểm khác (doanh nghiệp đơn) là doanh nghiệp chỉ có một địa điểm cố định duy nhất để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh;

(2) Doanh nghiệp có cơ sở trực thuộc đóng tại địa điểm khác là doanh nghiệp có trụ sở chính và ít nhất một cơ sở trực thuộc đóng ở nơi khác, cụ thể: Trụ sở chính của doanh nghiệp là nơi điều hành chung hoạt động của toàn doanh nghiệp. Trụ sở chính chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có ít nhất 01 cơ sở trực thuộc đóng ở địa điểm khác; Cơ sở trực thuộc là cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài trụ sở chính của doanh nghiệp.

(3) Đối với tập đoàn, tổng công ty:

- Đối với 62 tập đoàn, tổng công ty có hoạt động hạch toán toàn ngành thuộc các lĩnh vực: Bưu chính, viễn thông, điện lực, bảo hiểm, hàng không, đường sắt, ngân hàng có nhiều đơn vị

1. Bao gồm: Các doanh nghiệp đang hoạt động là những doanh nghiệp trong năm 2019 có hoạt động sản xuất kinh doanh, có phát sinh doanh thu/ chi phí SXKD và thuế VAT.

chi nhánh đóng trên phạm vi cả nước, Tổng cục Thống kê sẽ tổ chức điều tra khối văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiến hành thu thập thông tin đối với các doanh nghiệp hạch toán độc lập, không thuộc hoạt động hạch toán toàn ngành, trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty này có địa điểm đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Danh sách các tập đoàn, tổng công ty được đề cập tại phụ lục 1);

- Đối với các tập đoàn, tổng công ty còn lại (không bao gồm 62 tập đoàn, tổng công ty nêu trên): Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều tra, đơn vị điều tra là: (1) Văn phòng tập đoàn, tổng công ty (báo cáo phần hoạt động của Văn phòng tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Văn phòng tập đoàn, tổng công ty); (2) các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty hạch toán kinh tế độc lập đóng trên địa bàn;

- Đối với các tập đoàn, tổng công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con: Đơn vị điều tra là công ty mẹ và các công ty thành viên là công ty con hạch toán kinh tế độc lập.

Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra bao gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra có địa điểm đóng trên phạm vi toàn quốc, hoạt động trong tất cả các ngành quy định trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018) (trừ ngành O- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc; và ngành T- Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này).

Thời điểm, thời kỳ số liệu

- Các thông tin về lao động, giá trị hàng tồn kho: Thu thập thông tin tại hai thời điểm 01/01/2019 và 31/12/2019.

- Các thông tin thu thập theo thời kỳ (kết quả sản xuất kinh doanh, sản phẩm,...): Là số liệu chính thức của cả năm 2019.

Nội dung điều tra

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra, bao gồm: Tên doanh nghiệp; Địa chỉ, điện thoại, fax, email; Loại hình doanh nghiệp; Ngành hoạt động SXKD.

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động, bao gồm: Lao động; thu nhập của người lao động.

- Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, bao gồm: Kết quả sản xuất kinh doanh; hàng tồn kho; vốn đầu tư; năng lực mới tăng.

- Thông tin về các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, bao gồm: Tên cơ sở; ngành hoạt động SXKD; sản lượng/sản phẩm; lao động; doanh thu.

- Ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp, bao gồm:

Những loại công nghệ đã được ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh; mức độ tiếp cận CMCN 4.0 của doanh nghiệp; doanh nghiệp đánh giá mức độ tác động của CMCN và kỹ năng của người lao động trong thời đại số.

Loại điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2020 được thực hiện theo phương pháp điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

Phương pháp thu thập thông tin

Đối với những doanh nghiệp thuộc đối tượng thực hiện phiếu 1A/ĐTĐN-DN: Doanh nghiệp tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp: Doanh nghiệp được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự cung cấp thông tin vào phiếu web-form (phiếu điều tra trực tuyến) trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp.

Đối với những doanh nghiệp thực hiện phiếu 1B/ĐTĐN-DS: Áp dụng các hình thức thu thập thông tin sau: Doanh nghiệp tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp: Doanh nghiệp được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự cung cấp thông tin vào phiếu web-form (phiếu điều tra trực tuyến) trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp; Điều tra viên tiến hành thu thập thông tin bằng các hình thức khác: e-mail, điện thoại...

Xử lý thông tin phiếu điều tra

- Thông tin trên phiếu điều tra sẽ được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra sẽ được kiểm tra, làm sạch, xử lý, tổng hợp và phổ biến Thông tin theo quy định của Phương án điều tra.

- Xử lý dữ liệu quản lý Điều tra doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử: Tổng cục Thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý và xử lý, phổ biến thông tin tập trung trên trang Thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp. Trong đó, tiến hành xử lý và tổng hợp báo cáo tiến độ định kỳ về kết quả điều tra doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc và các địa phương.

Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp theo hệ thống biểu mẫu ra chung cho toàn bộ khu vực doanh nghiệp và các chuyên ngành, bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện của khu vực doanh nghiệp,...

Triển khai thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra: Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/5/2020.

Đối với những doanh nghiệp thực hiện hình thức tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp, Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê cấp tỉnh sẽ chỉ đạo tiến hành các công việc sau: Lập tài khoản và mật khẩu đăng nhập cho từng doanh nghiệp; Triển khai cung cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập đến từng doanh nghiệp; Hướng dẫn doanh nghiệp truy cập và sử dụng phiếu trực tuyến (web-form) trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp; Kiểm soát tiến độ, đôn đốc và hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện phiếu điều tra trực tuyến.

Đối với những doanh nghiệp thực hiện phiếu 1B/ĐTĐN-DS áp dụng hình thức thu thập thông tin qua điện thoại, email,... Tổng cục Thống kê sẽ tiến hành lập tài khoản và mật khẩu đăng nhập cho các cán bộ có liên quan tới Điều tra doanh nghiệp tại các Cục Thống kê cấp tỉnh và các Chi cục Thống kê cấp quận/huyện.



Các loại phiếu điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2020 sử dụng 18 loại phiếu điều tra, cụ thể gồm:

(1) Phiếu số 1A/ĐTDN-DN: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp, HTX - Áp dụng chung cho các DN nhà nước, DN ngoài nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã được chọn vào mẫu điều tra;

(2) Phiếu số 1A.2/ĐTDN-CN: Kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động công nghiệp;

(3) Phiếu số 1A.2m/ĐTDN-DVGC: Phiếu thu thập thông tin về dịch vụ gia công hàng hóa với nước ngoài - Áp dụng cho các DN có thực hiện hoạt động gia công, lắp ráp hàng hóa trực tiếp với nước ngoài;

(4) Phiếu số 1A.3/ĐTDN-XD: Kết quả hoạt động xây dựng - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động xây dựng;

(5) Phiếu số 1A.4/ĐTDN-TN: Kết quả hoạt động thương mại - Áp dụng cho DN đơn/cơ sở có hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;

(6) Phiếu số 1A.5.1/ĐTDN-VT: Kết quả hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở

có hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát;

(7) Phiếu số 1A.5.2/ĐTDN-KB: Kết quả hoạt động kho bãi, bốc xếp, hỗ trợ vận tải - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kho bãi, bốc xếp, hỗ trợ vận tải;

(8) Phiếu số 1A.5.3/ĐTDN-LGT: Kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có các hoạt động dịch vụ logistics gồm: hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa;

(9) Phiếu số 1A.6.1/ĐTDN-LTAU: Kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú;

(10) Phiếu số 1A.6.2/ĐTDN-DL: Kết quả hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành và các hoạt động hỗ trợ du lịch;

(11) Phiếu số 1A.7/ĐTDN-TC: Kết quả hoạt động dịch vụ tài chính và một số chỉ tiêu về tín dụng, huy động vốn, lãi suất - Áp dụng cho các cơ sở thuộc các tổ chức tín dụng: ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;

(12) Phiếu số 1A.8/ĐTDN-BH: Kết quả hoạt động kinh doanh

bảo hiểm và môi giới bảo hiểm - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm;

(13) Phiếu số 1A.9.1/ĐTDN-BĐS: Kết quả hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh, tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;

(14) Phiếu số 1A.9.2/ĐTDN-TT: Kết quả hoạt động thông tin và truyền thông - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động thông tin và truyền thông;

(15) Phiếu số 1A.9.3/ĐTDN-DVK: Kết quả hoạt động dịch vụ khác - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động thuộc ngành dịch vụ được liệt kê trong phiếu;

(16) Phiếu số 1A.10/ĐTDN-VĐT: Vốn đầu tư thực hiện - Áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư thực hiện trong năm 2019;

(17) Phiếu số 1B/ĐTDN-DS: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp, HTX - Áp dụng cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc mẫu điều tra phiếu 1A/ĐTDN-DN;

(18) Phiếu số 2/ĐTDN-CMCN: Phiếu thu thập thông tin về ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp - Áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra.

Nhập tin, xử lý và nghiệm thu số liệu

Thời gian thực hiện từ ngày 01/6/2020 đến ngày 31/7/2020, gồm các công việc: Cục Thống kê cấp tỉnh triển khai chỉnh lý, đánh mã, kiểm tra, làm sạch, xử lý số liệu và nghiệm thu cấp huyện; gửi báo cáo giải trình về Tổng cục Thống kê: Trước ngày 30/6/2020;

Đối với những doanh nghiệp thực hiện phiếu 1B/ĐTDN-DS áp dụng hình thức thu thập thông tin gián tiếp qua điện thoại, email,...: Cục Thống kê cấp tỉnh

triển khai nhập tin trực tiếp trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp.

Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương triển khai kiểm tra, xử lý số liệu và nghiệm thu kết quả của các Cục Thống kê cấp tỉnh trên hệ thống hoặc trực tiếp tại Cục Thống kê: Trước ngày 01/8/2020.

(Xem tiếp trang 25)

VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

Bích Ngọc



Xuất hiện đầu tiên ở thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, miền Trung Quốc vào giữa tháng 12/2019, dịch bệnh đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút corona (Covid-19) là một thách thức rất lớn đối với Việt Nam khi tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, nguy hiểm, tốc độ lây lan nhanh, số quốc gia và vùng lãnh thổ nhiễm covid ngày một nhiều hơn, trong khi toàn thế giới chưa có vaccine, thuốc điều trị đặc hiệu. Theo thống kê, tính đến ngày 09/3/2020, dịch bệnh Covid-19 đã lan ra 101 quốc gia, vùng lãnh thổ trên cả 5 châu lục; toàn thế giới đã có khoảng 111,3 nghìn người nhiễm bệnh, số ca tử vong lên tới gần 4 nghìn người. Riêng tại Việt Nam ghi nhận đã có 31 người nhiễm bệnh. Trước tình hình đó, Việt Nam đã chủ động, kịp thời thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ để phòng, tránh dịch bệnh với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhằm bảo vệ sức khỏe cho người dân cũng như thúc đẩy, phục hồi kinh tế trong và sau dịch bệnh.

Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong phòng, chống dịch

Mặc dù dịch bệnh Covid-19 bắt đầu lây sang Việt Nam vào thời điểm cả nước đang trong dịp nghỉ lễ Tết Nguyên đán, song Chính phủ đã khẩn cấp, liên tiếp tổ chức nhiều cuộc họp với các bộ, ngành để bàn và đưa ra các giải pháp chỉ đạo quyết liệt phòng, chống dịch bệnh, gồm cả các biện pháp thể giới đã áp dụng và các biện pháp mới để các ngành, địa phương triển khai tốt nhất, nhanh nhất và đồng bộ nhất. Cùng với đó, một loạt các văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra được ban hành như: Công văn số 79-CV/TW ngày 29/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/01/2020; Công điện số 121/CP-CP ngày 23/01/2020 và Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ... Nội dung các văn bản đều đưa ra những nhiệm vụ cụ thể đối với từng bộ, ngành, địa phương và thể hiện sự quyết liệt của Chính phủ Việt Nam.

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch; đội phản ứng nhanh và các tiểu ban chống dịch (Tiểu ban Giám sát; Tiểu ban Điều trị; Tiểu ban Truyền thông; Tiểu ban Hậu cần) được thành lập, để giải quyết kịp thời các vấn đề cấp bách trong thời gian dịch bệnh diễn ra.

Đặc biệt, do dịch bệnh Covid-19 có sức lây lan chóng mặt trên toàn thế giới và vượt qua tầm kiểm soát của một quốc gia, thể hiện trách nhiệm của vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, đảm bảo các hoạt động của Năm Chủ tịch ASEAN diễn ra trong điều kiện an ninh, an toàn ở mức cao nhất, Việt Nam đang tích cực triển khai các biện pháp để ứng phó và kiểm soát dịch; chủ động đề xuất và thúc đẩy các nỗ lực chung của ASEAN nhằm phối hợp ứng phó hiệu quả với dịch bệnh bằng việc gửi thư đến các nước ASEAN đề nghị thành lập Nhóm công tác chung cấp bộ trưởng với sự tham gia của các cơ quan về vận tải, xuất nhập cảnh, kiểm soát biên giới, lãnh sự..., qua đó tăng cường hợp tác, chia sẻ thông tin, điều phối hành động ứng phó với dịch bệnh trong khu vực.

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) gây ra, sau khi trao đổi với các nước thành viên ASEAN, để thể hiện rõ hơn vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 của Việt Nam, ngày 15/2/2020, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ra Tuyên bố của Chủ tịch ASEAN về Ứng phó chung của ASEAN trước bùng phát của dịch bệnh. Trong đó, một số nội dung được nhấn mạnh là: Đoàn kết ASEAN và tinh thần "Gắn kết và Chủ động thích ứng" của Cộng đồng, các nhà lãnh đạo ASEAN khẳng định cam kết mạnh mẽ chung tay kiểm soát và ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh, bảo đảm cuộc sống bình yên cho người dân; ASEAN sẽ tăng cường phối hợp ở cả cấp quốc gia và khu vực, điều phối các hoạt động hợp tác chung giữa các kênh chuyên ngành liên quan để thống nhất cách tiếp cận đồng bộ, hiệu quả của Cộng đồng ASEAN cũng như tăng cường hợp tác



với Tổ chức Y tế thế giới (WHO), các đối tác, các tổ chức quốc tế trong phòng chống và kiểm soát dịch bệnh; Các nước ASEAN tiếp tục duy trì chính sách mở cửa, nhất trí phối hợp trong công tác kiểm tra y tế tại các cửa khẩu của các quốc gia thành viên. Tại bản Tuyên bố, các nhà lãnh đạo ASEAN cũng cam kết dành ưu tiên cao của ASEAN ứng phó với dịch bệnh và kêu gọi sự chung tay từ cộng đồng quốc tế.

Bên cạnh những hành động của Chính phủ là sự chung tay quyết liệt của các bộ, ngành và địa phương. Là một trong những cơ quan đi đầu trong "trận chiến" phòng chống dịch Covid-19, thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế đã nhanh chóng xây dựng kịch bản ứng phó với từng tình huống dịch bệnh; bảo đảm thuốc, trang thiết bị phục vụ phòng, chống dịch cũng như kích hoạt

toàn bộ hệ thống giám sát, điều trị tuyến trung ương, tuyến tỉnh và các bệnh viện thuộc ngành Công an, Quân đội, sẵn sàng chống dịch Covid-19 ở mức cao nhất. Thông qua những buổi hội nghị trực tuyến và nhiều văn bản ban hành, Bộ Y tế đã có những chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể các địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm việc giám sát, phát hiện, cách ly và điều trị các trường hợp nghi ngờ nhiễm bệnh. Đồng thời tổ chức ứng trực, cập nhật liên tục diễn biến tình hình dịch Covid-19 và đưa ra các khuyến cáo về các biện pháp phòng bệnh phù hợp. Bộ Y tế cũng khẩn trương thành lập 45 đội cơ động phản ứng nhanh và công bố 22 đường dây nóng tiếp nhận thông tin về dịch bệnh.

Đáng mừng là với sự phát triển mạnh mẽ trong nghiên cứu khoa học, chỉ sau 2 tuần kể từ sau khi ghi nhận bệnh nhân đầu tiên dương tính với chủng mới của virus corona, ngành Y nước ta đã nuôi cấy và phân lập thành công virus nCoV trong phòng thí nghiệm. Việc này sẽ tạo điều kiện cho công tác xét nghiệm những trường hợp nhiễm và nghi nhiễm nCoV thông qua các mẫu thử,

qua đó, mỗi ngày Việt Nam sẽ có khả năng xét nghiệm hàng nghìn mẫu bệnh phẩm trong trường hợp cần thiết. Với thành công này, Việt Nam trở thành quốc gia thứ 3 trên thế giới nuôi cấy thành công virus corona, giúp nước ta có một phác đồ điều trị hiệu quả đối với Covid-19.

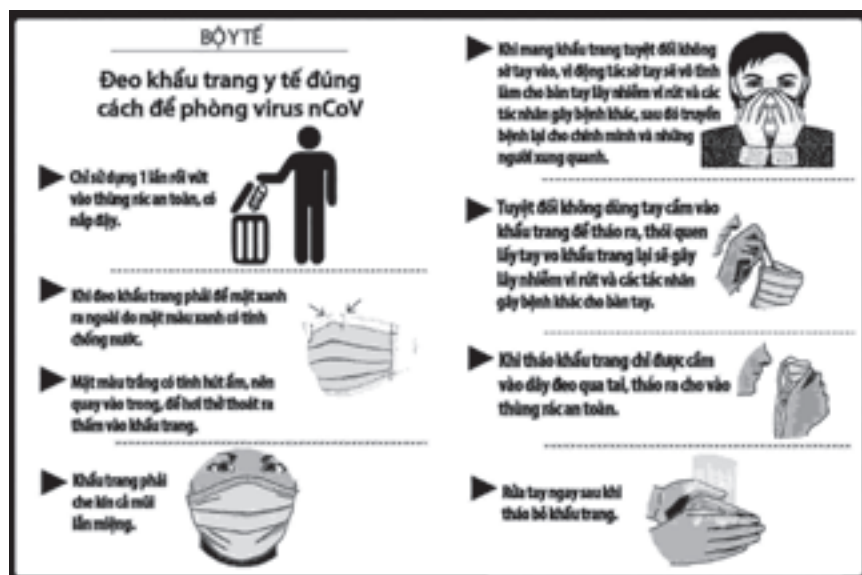
Sát cánh cùng Bộ Y tế là sự chung sức của nhiều bộ, ngành với nhiều hành động cụ thể như: Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thực hiện nghiêm việc giám sát, kiểm soát chặt chẽ dịch ngay tại cửa khẩu, đảm bảo an ninh tại các vùng có dịch; Bộ Ngoại giao phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hải quan, Tổng công ty Hàng không Việt Nam xác định số lượng người Việt Nam tại khu vực có dịch và đưa công dân Việt Nam ở vùng có dịch về nước... Để hạn chế sự lây lan dịch bệnh ra cộng đồng, công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác phòng, chống dịch đến người dân được chú trọng. Cùng với đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo thường xuyên cập nhật, đánh giá tình hình dịch bệnh, khuyến nghị thời gian nghỉ học phù hợp với từng thời điểm

đối học sinh các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông và sinh viên cả nước, điều chỉnh lùi thời điểm kết thúc năm học 2019-2020 và các mốc thời gian kế hoạch năm học chung của ngành.

Dịch bệnh Covid-19 không chỉ là mối nguy đến sức khỏe con người mà còn tác động tiêu cực, gây nên sự mất cân đối cung - cầu trên thị trường của những mặt hàng thiết yếu cho phòng, chống dịch bệnh như khẩu trang, nước rửa tay kháng khuẩn... Giải quyết tình trạng này, Bộ Công Thương đã nhanh chóng bình ổn thị trường, chỉ đạo Cục Quản lý thị trường các địa phương tổ chức các đoàn kiểm tra cao điểm, không để các cơ sở bán hàng đầu cơ, trục lợi và xử lý nghiêm nếu có các hành vi vi phạm. Đồng thời chỉ đạo các doanh nghiệp trong nước tăng cường sản xuất, cung ứng các sản phẩm trên và ưu tiên đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Cùng với các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trên cả nước thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm ứng phó với dịch viêm Covid-19 như: Tăng cường kiểm dịch y tế tại các cửa khẩu; Thành lập đội phản ứng nhanh, lập bệnh viện dã chiến, huy động hàng nghìn giường bệnh sẵn sàng tác chiến phòng, chống dịch; Tạm dừng hoặc giảm quy mô các lễ hội đã tổ chức để hạn chế tập trung đông người; Tổ chức phun khử trùng trường học, các địa điểm công cộng...

Với sự chủ động, quyết liệt và hiệu quả trong phòng, chống dịch bệnh của toàn hệ thống chính trị trên cả nước, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ghi nhận Việt Nam đã xử lý rất tốt dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra, ngày 27/2/2020, Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Mỹ (CDC) cũng đưa Việt Nam



ra khỏi danh sách có nguy cơ lây nhiễm Covid-19 ra cộng đồng, khi tất cả 16/16 bệnh nhân nhiễm Covid-19 tại Việt Nam đã hoàn toàn được chữa khỏi. CDC đã đánh giá cao năng lực y tế của Việt Nam, đồng thời lên kế hoạch cử đoàn công tác sang Việt Nam trong tháng 3/2020 để trao đổi hợp tác và việc thành lập Văn phòng CDC khu vực tại Việt Nam.

Nhiều giải pháp đảm bảo thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội

Cũng giống như nhiều quốc gia trên thế giới, dịch bệnh Covid-19 đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam với những tác động tiêu cực đến nhiều lĩnh vực. Theo Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của dịch do virus corona đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về ảnh hưởng của Covid-19 tổ chức vào ngày 12/2/2020, dịch bệnh Covid-19 đang tác động nặng nề đến ngành nông nghiệp nước ta, đặc biệt là nhóm hàng rau quả, nông sản, thủy sản là những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn. Về sản xuất công nghiệp, các biện pháp kiểm dịch sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn cung ứng đầu vào phục vụ sản xuất cũng như thị trường tiêu thụ cho ngành điện tử Việt Nam, đặc biệt là ảnh hưởng đến nguồn linh kiện đầu vào cho sản xuất trong nước. Đối với ngành dệt may, da giày, nếu dịch diễn biến phức tạp kéo dài sẽ ảnh hưởng đến nguồn nguyên phụ liệu đầu vào do trước đây nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, làm tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu. Trong trường hợp dịch kéo dài hết quý II/2020, ước tính quý II kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 58,5 tỷ USD, giảm 8,1%; kim ngạch

nhập khẩu đạt 61,0 tỷ USD, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

Về đầu tư, khi dịch Covid-19 ảnh hưởng khu vực sản xuất trong nước, hoạt động đầu tư sẽ ngay lập tức bị tác động làm giảm đầu tư của toàn nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là đầu tư của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài nhà nước. Các nhà đầu tư mới sẽ dừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, nhất là đầu tư FDI, ảnh hưởng tới thu hút đầu tư trong thời gian tới. Đối với các dự án đã đầu tư có khả năng sẽ hoãn lại việc tăng vốn đầu tư.

Bên cạnh đó, ngành du lịch của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nặng nề do lượng khách quốc tế đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc và nhiều quốc gia khác giảm mạnh. Ước tính số lượng khách từ các quốc gia này sẽ giảm khoảng 50%-60% trong giai đoạn có dịch.

Ngoài ra, dịch bệnh còn ảnh hưởng đến khả năng thu ngân sách nhà nước, thị trường chứng khoán, lao động, việc làm, đời sống, sinh hoạt và tâm lý của người dân, đặc biệt là lực lượng lao động, gây thiếu hụt lao động tức thời.

Cũng theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong trường hợp khống chế được dịch trong Quý I/2020 thì tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2020 dự báo đạt 6,25%, giảm 0,55 điểm phần trăm so với nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ, trong đó quý I tăng 4,52%; quý II tăng 6,08%; quý III tăng 6,92% và quý IV tăng 6,81%. Trường hợp dịch được khống chế trong Quý II/2020 thì tăng trưởng năm 2020 dự báo đạt 5,96%, giảm 0,84 điểm phần trăm so với nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và giảm 0,29 điểm phần trăm so với kịch bản khống chế được dịch trong Quý I/2020,

trong đó quý I tăng 4,52%; quý II tăng 5,1%; quý III tăng 6,70% và quý IV tăng 6,81%.

Trên cơ sở đánh giá trên, với quan điểm không thay đổi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng các kịch bản phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương mình, chủ động ứng phó hiệu quả và có các giải pháp quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu đạt các mục tiêu đã đề ra, phù hợp với tình hình, diễn biến của dịch Covid-19, giảm thiểu tác động, ảnh hưởng, thiệt hại; thực hiện nhất quán mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; có kế hoạch tổ chức lại sản xuất, cơ cấu lại thị trường, đa dạng hóa, mở rộng thị trường quốc tế, tận dụng tốt cơ hội của các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết; đồng thời đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước; lập phương án để kịp thời nhập khẩu nguyên liệu cho sản xuất; thúc đẩy sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng; kiểm soát tốt thị trường, giá cả; Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phù hợp với tình hình dịch Covid-19 và diễn biến thị trường, bảo đảm tín dụng phục vụ nhu cầu vay vốn cho đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh; có chính sách tín dụng phù hợp để hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh...

Với các giải pháp này, Chính phủ đang lan tỏa tinh thần quyết tâm vượt qua những thử thách từ dịch bệnh Covid-19 và hoàn thành mọi chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội đã đề ra./

TRIỂN VỌNG KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Học viện Ngân hàng

Báo cáo “Nền kinh tế số Đông Nam Á 2019” do Google, Temasesk và Brain thực hiện cho thấy, năm 2019, nền kinh tế số Việt Nam đạt trị giá trên 12 tỷ USD, gấp 5 lần so với năm 2015 và dự báo sẽ đạt đến 42 tỷ USD vào năm 2025. Việt Nam là một trong hai nền kinh tế số có sức tăng trưởng dẫn đầu các quốc gia Đông Nam Á với mức tăng 38% năm, vượt qua mức tăng trung bình 33% của khu vực. Kinh tế số đã trở thành một trong những chủ đề trọng tâm được ưu tiên và là động lực phát triển mạnh mẽ của cả nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.

bắt kịp các nước phát triển. Mặc dù còn nhiều khó khăn thách thức, nhưng cơ hội để bứt phá được chia đều cho tất cả các quốc gia và Việt Nam cũng có nhiều lợi thế làm tiền đề cho thúc đẩy kinh tế số.

Việt Nam cùng các nước trong ASEAN6 được đánh giá là một trong những thị trường năng động, ổn định và có sức tăng trưởng nhanh nhất khu vực với mức tăng GDP bình quân cao hơn mức tăng trung bình của thế giới. Năm 2019, bất chấp những bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, thậm chí một số nền kinh tế lớn có dấu hiệu thụt lùi thì GDP của Việt Nam vẫn đạt được kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt qua mục tiêu của Quốc hội đề ra (6,6-6,8%). Cùng với đó, Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam được Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đánh giá đã tăng 3,5 điểm, xếp hạng tăng 10 bậc lên 61,5/100 điểm và xếp vị trí thứ 67 trên tổng số 141 quốc gia và nền kinh tế. Trong đó, chỉ số về Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông tăng hẳn 54 bậc, xếp thứ 41 thế giới; vượt qua cả chỉ tiêu

Báo cáo “Nền kinh tế số Đông Nam Á” là chương trình nghiên cứu kéo dài nhiều năm được Google và Temasesk khởi xướng thực hiện từ năm 2016, đến năm 2019 có sự tham gia của Brain Company với tư cách là đối tác nghiên cứu chính. Báo cáo Nền kinh tế số Đông Nam Á năm 2019 bao gồm 5 lĩnh vực chính của nền kinh tế số được nghiên cứu tập trung tại 6 quốc gia phát triển nhất của khu vực Đông Nam Á, gồm: Du lịch trực tuyến (chuyến bay, khách sạn, cho thuê nhà nghỉ); Truyền thông trực tuyến (quảng cáo, chơi game, đăng ký nhạc và video theo yêu cầu); Gọi xe (vận chuyển, giao thực phẩm); Thương mại điện tử, và Dịch vụ tài chính kỹ thuật số (thanh toán, chuyển tiền, cho vay,

đầu tư, bảo hiểm) là lĩnh vực dẫn đầu tiên được góp mặt trong Báo cáo này.

Việt Nam và nền tảng phát triển kinh tế số

Nền kinh tế số hiểu theo nghĩa rộng là nền kinh tế bao gồm tất cả các doanh nghiệp, dịch vụ có mô hình kinh doanh chủ yếu dựa trên việc mua bán hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số hoặc các thiết bị và cơ sở hạ tầng hỗ trợ. Với sự bùng nổ và sức ảnh hưởng như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), kinh tế số được nhận diện là một xu thế tất yếu và là yếu tố quan trọng tăng cường sức mạnh cho nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, CMCN 4.0 đã trở thành cơ hội lớn cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam thu hẹp khoảng cách,

đề ra của Nghị quyết 02 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

Trong mối tương quan với nền kinh tế toàn cầu, kinh tế số Việt Nam có nhiều lợi thế khi đang dẫn đầu một số lĩnh vực, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng số hóa. Điển hình, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới thử nghiệm mạng 5G và báo cáo "5G tại Đông Nam Á" của Cisco - Cơ quan Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khối thịnh vượng chung nhận định, Việt Nam là một trong hai quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á triển khai 5G dự kiến vào năm 2020-2021 và dự báo sẽ có khoảng 6,3 triệu thuê bao 5G vào năm 2025. Trong khi đó, xu hướng chuyển đổi số tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ với nhu cầu về công nghệ số của người dân ngày càng tăng. Mạng không dây với băng thông rộng ngày càng được ưa chuộng hơn băng thông cố định. Thống kê từ Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy, tính đến tháng 1/2020, Việt Nam có trên 125,5 triệu thuê bao điện thoại di động có phát sinh lưu lượng, trong đó hơn 64,6 triệu thuê bao di động đang hoạt động có sử dụng dữ liệu, tương ứng với 64,6 triệu người dùng sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) có kết nối internet, chiếm trên 67,2% dân số cả nước. Đây là một lợi thế cực kỳ to lớn bởi những lĩnh vực chính của kinh tế số như: Du lịch trực tuyến, truyền thông trực tuyến, gọi xe, thương mại điện tử, dịch vụ tài chính kỹ thuật đều đã được các nhà sản xuất tích hợp trên các chủng loại

smartphone để cạnh tranh về tính tiện dụng.

Với trị giá trên 12 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng đứng thứ 2 khu vực ASEAN với tỷ lệ 38%, kinh tế số đóng góp tới 5% GDP quốc gia trong năm 2019. Trong đó, Thương mại điện tử được coi là động lực chính của sự tăng trưởng với trị giá 4,6 tỷ USD, mức tăng trưởng lên đến 81% và tiếp tục được kỳ vọng sẽ là cánh chim đầu đàn cho tăng trưởng kinh tế số Việt Nam (dự đoán qui mô sẽ đạt đến trị giá đạt đến 23 tỷ USD vào năm 2025). Các trang thương mại điện tử của Việt Nam như Sendo, Tiki, Lazada, Shopee đã cho thấy sức trỗi dậy ấn tượng khi cạnh tranh với một số thương hiệu của khu vực. Tiếp theo là Dịch vụ du lịch trực tuyến đạt 4,1 tỷ USD, tăng 16%; Truyền thông trực tuyến đạt 2,8 tỷ USD và Gọi xe trực tuyến dù chỉ đạt trị giá 1,1 tỷ USD nhưng tốc độ tăng trưởng lại đứng thứ 2 trong các lĩnh vực của kinh tế số, với 57% cùng với sự xuất hiện của các ứng dụng gọi xe trong nước như GoViet, Bee... Sự xuất hiện của thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh trên internet trong những năm qua đã làm thay đổi mạnh mẽ hành vi tiêu dùng và giữ vai trò thể hiện những bước phát triển kinh tế số hóa của người dân Việt Nam.

Ngoài ra, Việt Nam đã và đang trở thành điểm đến đầu tư kinh tế số hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á và là điểm sáng đầu tư ở châu Á. Đơn cử, năm 2018, nguồn vốn đầu tư vào các hạng mục số của Việt Nam đạt mức kỷ lục với 350 triệu USD cho 137 dự án, tăng 250% về trị giá và 165% dự án so với năm 2017. Top ngành thu hút vốn đầu tư lần lượt thuộc về bán lẻ, thanh toán và chuyển tiền, giáo dục, công nghệ quảng cáo và du lịch. Mặt khác, Công nghệ thông tin

và truyền thông là một trong những ngành công nghiệp đang bùng nổ và tăng trưởng nhanh nhất tại Việt Nam, trong đó, công nghiệp phần cứng là nhánh lớn nhất trong ngành. Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao ở Việt Nam được đánh giá đứng hàng đầu khu vực và tăng trưởng mạnh qua các năm. Năm 2019, chỉ số sản xuất công nghiệp sản phẩm điện tử, máy tính và quang học tăng 6,6%; sản xuất điện thoại di động tăng 12,3%. Điện thoại và linh kiện là hai mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 51,8 tỷ USD, chiếm 19,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 5,3% so với năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 35,6 tỷ USD, tăng 20,4% (số liệu từ Tổng cục Thống kê).

Một số yếu tố quan trọng nữa cấu thành nên nền tảng của nền kinh tế số là sự phát triển của Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nghề nghiệp ứng dụng công nghệ mới. Điều đáng mừng là nguồn nhân lực và các lao động công nghệ từ làn sóng khởi nghiệp ban đầu tại Việt Nam đã hội tụ được kinh nghiệm dày dặn đang có xu hướng nổi lên dẫn dắt các dự án và truyền đạt lại kinh nghiệm, cách thức cho thế hệ đi sau tự tin hơn trong khởi nghiệp. Báo cáo đầu tư công nghệ Việt Nam năm 2019 do ESP Capital và Cento Ventures thực hiện đã chỉ ra, trong vòng 2-3 năm trở lại đây, Việt Nam đã có bước cải thiện từ hệ sinh thái khởi nghiệp ít hoạt động thứ 2 trong số 6 quốc gia lớn nhất ASEAN lên vị trí thứ 3 sau Indonesia và Singapore.

Các chính sách hỗ trợ phát triển nền kinh tế số kịp thời và sát thực

Chính phủ Việt Nam đã sớm thể hiện rất rõ quyết tâm mạnh mẽ

trong việc thúc đẩy kinh tế số trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và bùng nổ các thành tựu. Từ năm 2005 đến nay, hàng loạt bộ luật được ban hành bao gồm các điều khoản, Nghị định, Chỉ thị, Nghị quyết liên quan đến việc phát triển kinh tế số. Trong đó phải kể đến các bộ luật như: Luật Giao dịch điện tử (2005), Luật Công nghệ thông tin (2006), Luật Công nghệ cao (2008), Luật Viễn thông (2009), Luật An toàn thông tin mạng (2015), Luật Chuyển giao công nghệ cao và Luật An ninh mạng (2018)...

Để phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng internet, Việt Nam tập trung toàn lực cho việc phủ sóng kết nối trên toàn quốc. Chương trình phủ sóng đầu tiên được thực hiện trong giai đoạn 2005-2010, với tổng vốn đầu tư lên tới 5 nghìn tỷ đồng theo quyết định số 74/2006/QĐ-TTg. Chương trình cung cấp các dịch vụ viễn thông công cộng tới năm 2020 được ban hành vào năm 2015 và sửa đổi vào năm 2018 theo Quyết định số 868/QĐ-TTg với tổng kinh phí 7,3 tỷ USD sẽ được đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng internet băng thông rộng trên toàn quốc, trong đó ưu tiên các vùng sâu, vùng xa, khu vực khó khăn, biên giới và hải đảo; Điểm mấu chốt của chương trình là việc triển khai các dịch vụ 5G theo lịch trình vào năm 2021.

Các chính sách cũng tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, R&D (nghiên cứu và phát triển). Giai đoạn 2005-2017, nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng từ 11% lên mức 15%. Chỉ thị số 16/CT-TTg xác định rõ nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong thực hiện cuộc CMCN 4.0 và đặt ra mục tiêu: Thay đổi chính sách, nội dung,

phương pháp giáo dục và đào tạo nghề để tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được các xu thế sản xuất theo công nghệ mới, trong đó tập trung phát triển mô hình giáo dục khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học (STEM), ngoại ngữ, công nghệ thông tin; thúc đẩy tính tự chủ trong giáo dục đại học và đào tạo nghề; thí điểm các quy định về đào tạo nghề và giáo dục đại học trong một số lĩnh vực cụ thể...

Việt Nam cũng triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, bao gồm: Cơ quan Công nghệ Quốc gia, Doanh nhân và Phát triển thương mại hóa, Quỹ Đổi mới sáng tạo công nghệ quốc gia, Trung tâm Dịch vụ Công nghệ cao Hòa Lạc và Trung tâm Thành phố Silicon Sài Gòn. Chính phủ đã thông qua quyết định thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và Trung tâm Khởi nghiệp Quốc gia, trong đó các doanh nghiệp được đặt làm trung tâm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-CP về việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Xác định phát triển kinh tế số là một quá trình phấn đấu trong tầm nhìn chiến lược dài hạn, Báo cáo "Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ" đề ra nhiệm vụ tận dụng CMCN 4.0 và kinh tế số để đạt mục tiêu thoát "bẫy thu nhập trung bình", phát triển bền vững, đưa Việt Nam vào nhóm hai mươi nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2019 và 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra các nhiệm vụ thúc đẩy kinh tế số, như: Xây dựng giải pháp phát triển nhân lực

quốc gia đáp ứng yêu cầu CMCN 4.0; thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; xây dựng Chiến lược quốc gia về CMCN 4.0; phát triển bùng nổ hạ tầng viễn thông, internet băng rộng và mạng di động 5G; xây dựng Đề án chuyển đổi số quốc gia, từng bước tạo môi trường pháp lý để triển khai kế hoạch chuyển đổi số; thay đổi mô hình quản trị, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, môi trường, đô thị thông minh... Kế thừa và phát huy, Nghị quyết 01 năm 2020 đề ra nhiệm vụ: Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025; Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tăng cường kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước; Xây dựng chiến lược phát triển các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Cùng với xu hướng phát triển kỹ thuật số trên thế giới, những chính sách kịp thời và sát thực này là những đòn bẩy quan trọng đưa nền kỹ thuật số Việt Nam tiếp tục phát triển lên tầm cao mới./.

Nguồn tài liệu:

- Báo cáo "Nền kinh tế số Đông Nam Á 2019" do Google, Temasesk và Brain and Company thực hiện;

- "Tương lai nền kinh tế số Việt Nam hướng tới năm 2030 và 2045" Bản quyền thuộc về ©Cơ quan Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khố thịnh vượng chung Úc (CSIRO);

- Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội các năm của Tổng cục Thống kê;

- Các Bộ luật, Quyết định, Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị của Chính phủ Việt Nam.

THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG PPP

Minh Thư

Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng PPP

Chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về cơ chế thu hút nguồn lực tư nhân vào phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt thông qua hình thức PPP đã được khẳng định từ nhiều năm qua. Theo đó, mô hình đầu tư theo phương thức PPP bắt đầu được thực hiện từ năm 1997 khi Chính phủ ban hành Nghị định 77-CP về Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT áp dụng cho đầu tư trong nước. Qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi để từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế, hiện hoạt động PPP và nội dung lựa chọn nhà đầu tư PPP được quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chịu sự điều chỉnh của các luật khác nhau như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Quản lý nợ công, Luật Đất đai...

Theo văn bản pháp luật, đầu tư theo PPP thông qua 7 hình thức cụ thể như: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO), Hợp đồng Xây dựng

Đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) được xem là một trong những giải pháp tối ưu để giải quyết bài toán thiếu vốn đầu tư phát triển hạ tầng. Trong 2 thập kỷ qua, việc triển khai các dự án PPP đã đóng góp đáng kể trong phát triển hạ tầng. Tuy nhiên, quá trình triển khai các dự án PPP còn chậm, quy mô nhỏ... đây là những vướng mắc cần sớm tháo gỡ để đẩy nhanh thực hiện các dự án trong thời gian tới.

- Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL), Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (BLT), Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) các loại hợp đồng này cùng chung bản chất là hợp tác công tư, nhưng với mỗi hình thức khác nhau sẽ có ưu nhược điểm riêng.

Trên nền tảng pháp lý, nhiều dự án đầu tư theo phương thức PPP để xây dựng các công trình công ích đã được triển khai thực hiện trong nhiều năm qua. Theo Ngân hàng Thế giới, trong giai đoạn 1994-2009, Việt Nam có 32 dự án đầu tư theo hình thức PPP với tổng số vốn cam kết khoảng 6,7 tỷ USD; giai đoạn từ 1990 - 2014, Việt Nam có 95 dự án PPP hoàn thành thu xếp tài chính. Hầu hết các dự án PPP tập trung vào ngành điện (75 dự án), khu vực cảng biển (7 dự án), lĩnh vực viễn thông (4 dự án) và lĩnh vực nước (4 dự án).

Những năm gần đây, lĩnh vực thu hút đầu tư dưới hình thức PPP đã có sự thay đổi, ngoài đầu tư vào ngành điện, các dự án PPP được đề xuất và thực hiện khá nhiều trong lĩnh vực giao thông. Một số lĩnh vực thu hút dự án PPP khác là cấp thoát nước, bảo vệ môi trường. TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các thành phố lớn là những địa phương thu hút chủ yếu nguồn vốn đầu tư dưới hình thức PPP.

Tính đến 11/2019, cả nước có 336 dự án PPP đã ký kết hợp đồng, trong đó, 140 dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, 188 dự án áp dụng loại hợp đồng BT và 8 dự án áp dụng các loại hợp đồng khác. Tổng vốn huy động vào đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

quốc gia đạt khoảng 1,6 triệu tỉ đồng. Các dự án PPP được triển khai khắp cả nước trong những năm qua góp phần tích cực hoàn thiện số lượng, chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng, hạ tầng đô thị, xử lý nước thải, rác thải..., kịp thời giải quyết các nhu cầu bức xúc về dịch vụ công của người dân và nhu cầu cấp bách về cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội đất nước, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kích cầu sản xuất trong nước, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 2017-2018 Việt Nam xếp thứ 79 trong số 137 quốc gia trên thế giới về chất lượng cơ sở hạ tầng, tăng 2 bậc so với năm 2014 và tăng 44 bậc so với năm 2010 (xếp thứ 123).

Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, các dự án được thực hiện còn mang tính đơn lẻ, không có chính sách và tầm nhìn chiến lược để tạo dựng thị trường PPP, thiếu sự chuẩn bị của khu vực nhà nước trong việc hợp tác với khu vực tư nhân và lợi ích xung đột giữa các bên trong nhiều dự án. Hiện quy định về PPP ở nước ta được các nhà đầu tư đánh giá có tính ổn định chưa cao, trong khi đó Hợp đồng dự án PPP thường kéo dài 20 - 30 năm, nhà đầu tư cũng như các bên cho vay thường yêu cầu tính bền vững của các quy định pháp luật điều chỉnh hợp đồng. Do vậy, rủi ro khi chính sách thay đổi là hiện hữu đối với nhà đầu tư, dẫn tới việc nhiều nhà đầu tư đề xuất áp dụng bảo lãnh hoặc yêu cầu mức lợi nhuận cao hơn, thời gian thu hồi vốn dài hơn, nhằm bù đắp những rủi ro mà nhà đầu tư phải chịu. Điều này gián tiếp làm tăng chi phí dự án, chi phí xã hội để thực hiện dự án PPP, cũng như

chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó còn một số tồn tại, bất cập như: Khung pháp lý thể chế chồng chéo, không hiệu quả. Dự án không được chuẩn bị tốt, cơ chế chia sẻ rủi ro không hiệu quả, hợp đồng dự án lỏng lẻo. Hầu hết các dự án được thực hiện kiểm toán đều áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn nhà đầu tư, tiềm ẩn rủi ro lãng phí, thất thoát và chọn nhà đầu tư không có đủ năng lực thực hiện dự án. Dự án kém hấp dẫn nhà đầu tư do thiếu cơ chế bố trí vốn đầu tư công tham gia đầu tư trong dự án PPP cũng như thiếu công cụ chia sẻ rủi ro cho dự án (như: Bảo lãnh doanh thu, lưu lượng, chuyển đổi ngoại tệ, thay đổi quy hoạch...). Việc công bố dự án, danh mục dự án chưa được thực hiện nghiêm túc, công khai. Công tác giám sát trong quá trình thực hiện hợp đồng còn lỏng lẻo.

Ngoài ra, chế tài xử lý vi phạm của nhà đầu tư cũng như cơ quan có liên quan phía Nhà nước còn thiếu, chưa chặt chẽ; Thiếu quy định về vai trò, trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư như về cơ chế chính sách chia sẻ rủi ro, giải quyết tranh chấp giữa các bên tham gia dự án....

Để tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, các vấn đề về kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông, năng lượng, thủy lợi... cần tiếp tục được đầu tư, đi trước một bước. Theo tính toán của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), tổng nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng tại Việt Nam giai đoạn 2015-2025 là 167 tỷ USD, trung bình mỗi năm cần 16,7 tỷ USD; còn theo HSBC, nhu cầu giai đoạn 2016-2030 là 259 tỷ USD, trung bình 17,2 tỷ USD mỗi năm.

Tiềm năng thị trường hạ tầng của Việt Nam được các nhà đầu tư



quốc tế đánh giá rất cao. Ngân hàng ADB ước tính, trong giai đoạn 2017-2030 nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam sẽ vào khoảng 480 tỷ USD. Trong những năm tới, chỉ riêng nguồn vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng cần ít nhất 20 tỷ USD/năm. Còn theo Báo cáo "Khảo sát nhà đầu tư kết cấu hạ tầng toàn cầu năm 2019" do Viện Nghiên cứu cơ sở hạ tầng EDHEC (Singapore) phối hợp với Global Infrastructure Hub thực hiện, Việt Nam đứng trong top 5 quốc gia đang phát triển, cùng với Ấn Độ, Trung Quốc, Brazil và Indonesia, là nơi có thị trường hạ tầng nhiều tiềm năng nhất trong 5 năm tới.

Trong điều kiện nguồn ngân sách Nhà nước chỉ đáp ứng khoảng 50% tổng nhu cầu, nguồn vốn hỗ trợ chính thức ODA sắp hết thì việc huy động vốn đầu tư theo mô hình đối tác công tư (PPP) sẽ góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đóng vai trò then chốt trong giai đoạn phát triển hiện tại và tương lai.

Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng PPP

Khung pháp lý hiện nay mới dừng ở Nghị định là chưa đủ để nhà đầu tư yên tâm, cũng như



không thể giải quyết những vướng mắc trong triển khai do còn bị hạn chế bởi các luật hiện hành. Luật PPP đang được xây dựng với nhiều nội dung đổi mới, được xem là một cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong nỗ lực xây dựng môi trường thể chế pháp lý hiệu quả, ổn định và thuận lợi cho việc triển khai dự án PPP. Dự thảo Luật PPP được xây dựng gồm 11 chương với 102 điều, những điểm mới đáng chú ý trong dự thảo Luật PPP như: Đẩy mạnh đấu thầu rộng rãi cạnh tranh, rút ngắn thủ tục đấu thầu; Việc lựa chọn dự án được thực hiện kỹ lưỡng thông qua cơ chế thành lập Hội đồng thẩm định dự án PPP... luật hóa các quy định nghị định, thông tư để khơi thông dòng vốn đầu tư theo hình thức PPP.

Thể chế pháp lý mới, cơ hội thể hệ dự án mới được kỳ vọng sẽ xuất hiện trong nhiều lĩnh vực, không chỉ giới hạn trong các lĩnh vực truyền thống như: Đường bộ, năng lượng, cấp nước..., mà còn bao gồm các lĩnh vực cơ sở hạ tầng và dịch vụ công ứng dụng công nghệ thông tin, đường sắt, hàng không, logistics, y tế, vệ sinh môi trường...

Khi các rào cản được gỡ bỏ, các dự án PPP tại Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế, tiềm năng thị trường hạ tầng của Việt Nam sẽ là cơ hội cho các nhà đầu tư quốc tế. Đồng thời, nhiều tập đoàn tư nhân trong nước ngày càng mạnh lên về tiềm lực tài chính, công nghệ, xây dựng, kỹ năng quản lý và vận hành các dự án quy mô lớn. Đây còn là điều kiện tạo cơ sở kỳ vọng một thể hệ nhà đầu tư PPP mới trong và ngoài nước chuyên nghiệp và có năng lực tốt hơn để tham gia các dự án PPP thể hệ mới tại Việt Nam trong thời gian tới.

Cùng với những kỳ vọng từ Luật PPP sẽ mang lại khi được ban hành, phát triển cơ sở hạ tầng PPP thời gian tới cũng cần tập trung vào các giải pháp kiến nghị như:

Một là, cần tạo môi trường pháp lý và quy định phù hợp, cụ thể là việc xây dựng Luật Đầu tư, theo hình thức đối tác công-tư. Luật PPP sớm ban hành để không chỉ thúc đẩy mà còn tăng cường hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài vào mọi lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là trong phát triển cơ sở hạ tầng.

Hai là, tăng hiệu quả hợp tác công tư, cơ quan Nhà nước cần thay đổi tư duy quản lý kinh tế, tăng cường các thể chế xúc tiến, phát triển thị trường hợp tác công tư PPP, thành lập quỹ phát triển PPP Quốc gia. Bên cạnh đó, mối quan hệ công tư giữa Nhà nước và khu vực tư nhân cần phải có sự thay đổi để thích ứng với tình hình thời cuộc.

Ba là, Chính phủ, các Bộ ngành liên quan xây dựng các quy định về lập, công bố danh mục dự án thu hút đầu tư thí điểm theo các hình thức PPP. Đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác kế hoạch trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư theo các hình thức hợp đồng PPP phù hợp

với điều kiện thực tế. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận cơ hội đầu tư.

Bốn là, lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán hợp đồng dự án phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam nhằm đảm bảo lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm để tham gia thực hiện dự án. Đảm bảo tính công bằng cho các nhà thầu, có những chính sách hỗ trợ nhằm thu hút các nhà đầu tư tham gia vào các dự án như: Miễn giảm các loại thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm là, tiến hành đào tạo, tăng cường nhân sự đáp ứng công tác quản lý Nhà nước, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các mô hình. Xây dựng nguồn nhân lực đảm bảo trình độ, chuyên môn hiểu biết về PPP. Đồng thời, cử người đi tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thông qua các khóa học về PPP do những nhà quản lý có kinh nghiệm ở Việt Nam và các nhà tư vấn nước ngoài có kinh nghiệm từ các quốc gia đã thực hiện PPP thành công tham gia giảng dạy và tập huấn.

Sáu là, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về lợi ích và chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP, từ đó kêu gọi các nhà đầu tư tham gia vào dự án. Hướng dẫn cụ thể cho các nhà đầu tư khi cần tìm hiểu thông tin, ký kết và thực hiện hợp đồng.

Bảy là, tăng cường sự giám sát, đánh giá của cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện các mô hình đối tác công tư trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Tăng cường sự tham gia đóng góp ý kiến của cộng đồng dân cư, của doanh nghiệp trong việc lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội./

XUẤT KHẨU

SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

GẶP KHÓ

Thu Hường

Những năm qua, Trung Quốc luôn là thị trường lớn và tiềm năng đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực nông, thủy sản. Tuy nhiên, hiện nay đang có nhiều yếu tố gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc như: Các tiêu chuẩn xuất khẩu hàng hóa vào Trung Quốc ngày càng khắt khe và tình hình dịch viêm phổi cấp do virus Corona khởi phát từ Trung Quốc đang có những diễn biến phức tạp.

Thị trường Trung Quốc ngày càng nhiều tiêu chuẩn khắt khe hơn

Thời gian gần đây, Trung Quốc đã có những động thái mới trong chính sách và thực thi chính sách đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Cụ thể, từ năm 2018 đến nay, Trung Quốc đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm bảo đảm thực thi nghiêm túc và đầy đủ các quy định đã ban hành về kiểm nghiệm – kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác, chứng thư xuất khẩu... Để quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo ngành dọc, Trung Quốc đã cơ cấu lại bộ máy quản lý, sáp nhập Tổng cục Giám sát chất lượng, kiểm nghiệm, kiểm dịch

quốc gia (AQSIQ) về Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc cũng tăng cường công tác thực thi pháp luật, các chính sách thương mại biên giới được siết chặt theo hướng ngày càng đi vào chính quy, trọng tâm là tăng cường giám sát, thực hiện nghiêm các quy định của Trung Quốc đối với hoạt động nhập khẩu nông, thủy sản trên tuyến biên giới đất liền.

Nếu như trước đây Trung Quốc được coi là thị trường dễ tính của nông sản Việt thì giờ đã có nhiều thay đổi lớn trong việc nhập khẩu. Trung Quốc áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với một số hàng nông sản nhập khẩu, đồng thời đưa ra một số yêu cầu riêng biệt

nhằm siết chặt việc thực thi các quy định đã ban hành trước đây đối với nhóm mặt hàng này. Đầu tiên là chỉ định cửa khẩu nhập khẩu. Cụ thể, Trung Quốc chỉ cho phép nhập một số mặt hàng nông sản, chủ yếu là trái cây qua các cửa khẩu nhất định như cửa khẩu Quảng Tây, Vân Nam. Ngoài ra, Trung Quốc còn thực hiện nghiêm các biện pháp quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc đối với nông sản, thủy sản của Việt Nam.

Theo thông tin của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ NN&PTNT), nhiều quy định nhập khẩu nông sản vào Trung Quốc đã được thay đổi với những quy chuẩn cao và khắt khe hơn. Đơn cử với quả chuối,

Trung Quốc yêu cầu phải có hộp đóng gói đầy đủ; Với quả mít, yêu cầu bao gói là giấy xi măng sạch sẽ, đầy đủ tem nhãn về truy xuất nguồn gốc; Với dưa hấu, yêu cầu thay lót rơm bằng xốp lưới nylon và phải dán mã truy xuất nguồn gốc... Ngoài ra, tất cả các loại trái cây nhập khẩu sang Trung Quốc phải đăng ký mẫu tem truy xuất nguồn gốc tại cơ quan hải quan của Trung Quốc và dán tem nhãn này trên các sản phẩm hoặc trên bao bì. Thông tin trên tem nhãn phải gồm các thông tin về vườn trồng, cơ sở đóng gói... được cơ quan nước xuất khẩu thông báo chính thức với cơ quan hải quan Trung Quốc. Đặc biệt, Trung Quốc có một số thay đổi trong giám sát xuất nhập khẩu hoa quả vào nước này. Đó là từ ngày 1/10/2019, sản phẩm thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc phải có Chứng nhận an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho các lô hàng. Bên cạnh đó, phía Trung Quốc cũng yêu cầu việc đóng gói nông sản phải thuận tiện cho quá trình lấy mẫu, kiểm tra ngay tại cửa khẩu, đóng bao bì đúng với sản phẩm bên trong.

Không chỉ nông sản, thủy sản cũng chịu chung số phận bị Trung Quốc kiểm soát nghiêm ngặt. Cụ thể, thủy sản xuất khẩu sang Trung Quốc cần phải đáp ứng hai điều kiện: Một là, sản phẩm thủy sản phải được sản xuất tại cơ sở có tên trong danh sách được phép xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu công nhận (tại Việt Nam là do Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Nafiqad); Hai là, từng lô hàng thủy sản khi xuất khẩu phải kèm theo chứng thư an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp (do Nafiqad cấp, theo mẫu chứng thư an toàn

thực phẩm đã được thống nhất giữa hai nước).

Một số hàng hoá thủy sản đã có thông lệ thông quan và có sản lượng xuất khẩu lớn vào thị trường Trung Quốc như ngao hai cùi, hào, rươi, sứa... tuy nhiên, hiện nay không nằm trong danh mục 137 loại hàng thủy sản Việt Nam được cho phép xuất khẩu vào Trung Quốc qua lối mở, cặp chợ. Hơn nữa, phương thức bảo quản hàng hoá xuất khẩu trước đây được thực hiện gồm: Tươi sống, ướp đá, cấp đông; tuy nhiên, hiện nay một số hàng hoá chỉ được thực hiện một trong những phương thức đó.

Ngoài việc siết chặt việc thực thi các quy định đã ban hành trước đây đối với hàng nông sản, thủy sản nhập từ Việt Nam, thời gian qua, Trung Quốc cũng tăng cường quản lý hoạt động trao đổi cư dân biên giới tại các cặp chợ, đường mòn, lối mở giữa hai nước. Hiện Trung Quốc đang hoàn thiện hệ thống hàng rào sắt và camera quan sát dọc biên giới. Họ sẽ tổ chức tuần tra, kiểm soát 24/24 giờ bên trong và bên ngoài hàng rào, sử dụng ô tô tuần tra trên bộ, xuống máy tuần tra trên sông. Đồng thời còn áp dụng chính sách hạn chế hàng tạm nhập tái xuất, kho ngoại quan, hàng chuyển khẩu từ phía Việt Nam qua các cửa khẩu phụ, lối mở... Chính vì vậy, nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam không thể xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hiện nay, hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn chủ yếu dựa vào thương mại qua biên giới và các điểm cửa khẩu thông quan chứ chưa đi sâu vào thị trường nội địa. Việc Trung Quốc tăng cường kiểm soát chất lượng và nguồn gốc hàng hóa nhập khẩu trước mắt sẽ ảnh hưởng tới một số hàng nông, thủy sản của Việt Nam

hiện đang được xuất khẩu sang Trung Quốc theo hình thức “trao đổi cư dân biên giới” (tiểu ngạch). Các chuyên gia kinh tế cho rằng, đây là một trong những nguyên nhân khiến xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc bị chững lại và giảm trong 02 năm trở lại đây, sau nhiều năm đạt mức tăng trưởng khá.

Xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh do dịch bệnh Covid-19

Bên cạnh những quy chuẩn ngày càng khắt khe về hàng hóa nhập khẩu, những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 cũng đang gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng nông, thủy sản.

Trong nhiều năm qua, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn, chiếm từ 22 - 24% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản Việt Nam, trong đó nhiều mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn như rau quả, thủy sản. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2019, Việt Nam xuất khẩu hơn 1,23 tỷ USD thủy sản và trên 2,4 tỷ USD rau quả sang Trung Quốc. Vì vậy, khi Trung Quốc tạm thời đóng cửa biên giới và các hoạt động trao đổi hàng hóa cư dân biên giới, sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu tất cả các mặt hàng nông sản Việt sang thị trường hơn 1 tỷ dân này. Đặc biệt, theo số liệu của Bộ Công thương, thương mại biên giới sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất, bởi hiện kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đất liền khoảng 7 tỷ USD, trong đó xuất khẩu theo đường chính ngạch khoảng 3,7 tỷ USD, xuất khẩu theo đường trao đổi cư dân khoảng 1 tỷ USD, chủ yếu là nông, thủy sản.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

ngành hàng đầu tiên chịu tác động nhiều nhất là rau quả do sức ép thời vụ và bảo quản, khó thay đổi trong thời gian ngắn. Tháng 1/2020, trong các thị trường xuất khẩu rau quả chủ lực, Trung Quốc là thị trường có tốc độ xuất khẩu giảm mạnh thứ 2, sau Hà Lan, (đạt 173,5 triệu USD, giảm 32,4% so với tháng 1/2019). Tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Trung Quốc giảm từ mức 72,6% trong tháng 1/2019, xuống còn 61,8% trong tháng 1/2020. Thông thường, hoạt động xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Trung Quốc qua các tỉnh biên giới phía Bắc vào thời điểm trước và sau Tết Nguyên đán rất sôi động, đặc biệt là mặt hàng trái cây. Tuy nhiên, sau kỳ nghỉ tết Nguyên đán năm 2020, xuất khẩu trái cây Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng do Covid-19. Hiện nay, lượng hàng hóa nông sản, trái cây được vận chuyển lên các cửa khẩu biên giới phía Bắc để xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đang ngày càng nhiều lên. Tuy nhiên, trước diễn biến phức tạp, khó lường và dự kiến dịch bệnh Covid-19 có thể còn kéo dài, các lô hàng nông sản và trái cây của Việt Nam mặc dù có thể được làm thủ tục thông quan xuất khẩu, nhưng tiến độ đã và đang chậm hơn rất nhiều so với thời gian trước do phải thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Bên cạnh đó, việc đàm phán mở cửa chính thức thị trường nông sản với nhiều mặt hàng như: Sầu riêng, yến, khoai lang... vốn diễn biến thuận lợi, nhiều khả năng bị đình trệ do các cơ quan chức năng của Trung Quốc không sang được Việt Nam.

Ngoài rau quả, sản phẩm từ chăn nuôi và thủy sản cũng bị ảnh hưởng tương tự. Dù một số

mặt hàng chăn nuôi đã chính thức được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc từ tháng 10/2019, tuy nhiên, việc xuất khẩu các mặt hàng này cũng sẽ gặp khó khăn khi thông thương nội địa và quốc tế của Trung Quốc bị đình trệ do tác động của dịch bệnh Corona.

Đối với các mặt hàng thủy sản, mặc dù dư địa tăng trưởng khá vào cuối năm 2019, nhưng trong quý I/2020, Trung Quốc thông báo tạm dừng nhập khẩu khiến cho việc xuất khẩu thủy sản cũng gặp khó. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep), XK qua các cửa khẩu hiện chiếm 20% tổng kim ngạch XK thủy sản sang thị trường Trung Quốc, vì thế việc đóng cửa các cửa khẩu do dịch Covid-19 có thể làm giảm ít nhất 20% kim ngạch XK thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2020. Không chỉ hoạt động giao thương qua đường tiểu ngạch mà cả đường chính ngạch sang Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn. Vasep dự báo, trong trường hợp dịch Covid-19 chấm dứt trong quý I/2020, XK thủy sản cả năm sang Trung Quốc có thể đạt 1,5 tỷ USD. Nếu dịch kéo dài đến tháng 8/2020, XK thủy sản sang Trung Quốc cả năm sẽ đạt khoảng 1,33 tỷ USD.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, năm 2019, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc qua cửa khẩu đất liền chiếm khoảng 16% về lượng và 19% về trị giá. Do đó, chỉ tính riêng xuất khẩu thủy sản theo đường biên giới đất liền, xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc có khả năng giảm khoảng 20% về trị giá mỗi tháng trong thời gian chưa kiểm soát được dịch, do tác động hạn chế giao thương qua cửa khẩu đất liền nhằm kiểm soát Covid-19.

Bên cạnh đó, hiện tượng dồn ứ hàng tại các cảng biển của Trung Quốc, tác động của Covid-19 đến kinh tế và tiêu dùng thủy sản của nước này sẽ khiến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc giảm mạnh trong quý I/2020.

Báo cáo đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona gây ra đối với kinh tế - xã hội Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH-ĐT) cho thấy, lĩnh vực xuất nhập khẩu sẽ bị ảnh hưởng khá nặng. Cụ thể, về xuất khẩu, nếu dịch Corona kết thúc cuối quý I/2020, ước tính kim ngạch xuất khẩu quý đầu năm đạt 46,5 tỷ USD, giảm 21% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản và nông sản chế biến, hàng lâm sản, thủy sản giảm mạnh. Riêng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc quý I đạt 5,6 tỷ USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các mặt hàng nông sản và nông sản chế biến, hàng lâm sản giảm khoảng 30%, hàng thủy sản giảm 33%.



Nếu dịch viêm phổi Corona chủng mới kết thúc cuối quý II/2020, Bộ KH-ĐT ước tính xuất khẩu trong quý này đạt kim ngạch 51 tỉ USD, giảm 20% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc lao dốc mạnh, đạt 5,6 tỉ USD, giảm 56% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng nông sản và nông sản chế biến, hàng lâm sản giảm khoảng trên 60%, hàng thủy sản giảm 57%.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, trong tháng 2/2020, giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chỉ đạt 2,1 tỉ USD, giảm hơn 50% so với tháng 12/2019 và 23,3% so với tháng 1/2020. Ngoài ra, tổng trị giá xuất nhập khẩu với Trung Quốc trong tháng 2/2020 đạt 6,5 tỉ USD, giảm gần 42% so với tháng 12/2019.

Đến nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và tốc độ lây lan rộng. Vì vậy, để gỡ khó cho hàng hóa xuất khẩu vào thị trường Trung

Quốc, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan đã chủ động nắm bắt tình hình, đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp và người dân tháo gỡ khó khăn. Theo đó, giải pháp cấp bách tạm thời hiện nay được đưa ra là thu mua hàng hóa, lưu trữ tại các kho đông lạnh để chờ thông quan. Kế đó, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh tiêu thụ trong nước và tìm kiếm thị trường tiêu thụ chính ngạch; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tổ chức các diễn đàn xúc tiến thương mại trong nước kết nối thu mua nông sản giữa các địa phương, doanh nghiệp và nông dân. Các đơn vị chủ quản chủ động phối hợp với cơ quan Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại các nước trên thế giới triển khai toàn diện, hiệu quả công tác xúc tiến, phát triển thị trường tại các địa bàn trọng điểm, tiềm năng và thị trường ngách ngay từ đầu năm 2020, tạo sự đột phá trong đa dạng hàng hóa thị trường xuất khẩu; thường xuyên trao đổi thông tin với Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc cùng các đơn vị liên quan ở phía Trung Quốc bàn các biện pháp tháo gỡ khó khăn...

Theo các chuyên gia kinh tế, đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp và người nông dân nhìn lại, nhận thức rõ hơn về việc tổ chức sản xuất hàng hóa theo nhu cầu thị trường và đảm bảo quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế để không bị phụ thuộc vào một thị trường và có thể chinh phục được những thị trường khó tính.

Hy vọng rằng, với sự sát cánh của Chính phủ; các Bộ, ngành; doanh nghiệp và người dân, thị trường xuất khẩu Việt Nam sẽ vượt qua được khó khăn, giữ vững mục tiêu tăng trưởng đã đề ra./

PHƯƠNG ÁN...

(Tiếp theo trang 11)

Xử lý, chuyển đổi dữ liệu khai thác thông tin từ Tổng cục Thuế

Tổng cục Thống kê thực hiện từ tháng 01/2020 đến 31/7/2020, gồm các công việc: Nghiên cứu cấu trúc, nội dung các trường dữ liệu trong dữ liệu của Tổng cục Thuế (TCT); Xây dựng các bảng danh mục, ánh xạ chỉ tiêu để chuyển đổi dữ liệu từ TCT sang cơ sở dữ liệu (CSDL) Tổng cục Thống kê; Xây dựng metadata, cập nhật phần mềm chuyển đổi dữ liệu từ TCT vào CSDL Tổng cục Thống kê; Tổng cục Thống kê phối hợp với TCT tiến hành xác minh, nhập tin và xử lý những doanh nghiệp không có trong CSDL của TCT; Kiểm tra, xác minh số liệu thực tế từ nguồn CSDL của TCT và kết quả điều tra doanh nghiệp; Tích hợp dữ liệu từ CSDL thuế vào kết quả điều tra doanh nghiệp.

Tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra

- Tổng hợp và phân tích kết quả điều tra của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Từ ngày 01/8/2020 đến ngày 10/10/2020.

- Công bố bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển doanh nghiệp cả nước và các địa phương: ngày 13/10/2020.

- Biên soạn và công bố sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2021: Quý I/2021.

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)



Cùng với các nông sản như bông hoặc cacao, cà phê là loại hàng hóa được giao dịch nhiều thứ hai trên thế giới, chỉ đứng sau dầu mỏ. Đây cũng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn, đứng đầu trong số các mặt hàng xuất khẩu nông nghiệp tại nhiều quốc gia. Tại Việt Nam, cà phê là ngành hàng quan trọng, chiếm 3% GDP cả nước, kim ngạch xuất khẩu nhiều năm đạt trên 3 tỷ USD. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp trên thị trường cà phê thế giới cũng như trong nước đang khiến cho ngành cà phê gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Thị trường cà phê Việt - Triển vọng và áp lực cạnh tranh với nhiều thách thức

Có thể thấy, cà phê Việt đã và đang từng bước chiếm lĩnh thị trường thế giới. Theo thống kê, các sản phẩm cà phê của Việt Nam hiện đã được xuất khẩu đến hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm 14,2% thị phần xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu (đứng thứ 2, sau Brazil); đặc biệt, cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu đã chiếm 9,1% thị phần (đứng thứ 5, sau Brazil, Indonesia, Malaysia và Ấn Độ)...

Hiện, các nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới như Brazil, Indonesia, Colombia... chủ yếu xuất khẩu cà phê dưới dạng hạt (green bean), nghĩa là chỉ dừng ở hoạt động sơ chế sau thu hoạch. Một số nước có hoạt động rang và xay nhưng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng xuất khẩu cà phê. Trong khi đó, ở Việt Nam, kể từ giữa những năm 90 của thế kỷ trước, hoạt động sơ chế sau thu hoạch đã được quan tâm và đẩy mạnh. Nhờ vậy, cà phê Robusta từ chỗ có giá bán tại cảng Việt Nam thấp hơn rất nhiều so với giá tham chiếu tại Sở giao dịch hàng hóa Luân Đôn, nay đã dần thu hẹp

và tiệm cận phù hợp với giá thị trường thế giới.

Đặc biệt, thời gian qua, nhờ ưu đãi về thuế quan đối với cà phê chế biến từ các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết nên ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm, chú trọng đầu tư vào các hoạt động chế biến sâu, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm cà phê nói riêng và kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành nói chung. Đến nay, cả nước có 97 cơ sở chế biến cà phê nhân, 160 cơ sở chế biến cà phê rang xay, 8 cơ sở chế biến cà phê hòa tan và 11 cơ sở chế biến cà phê phối trộn.

Ngoài ra, cà phê bột của Trung Nguyên, cà phê hòa tan của Vinacafe, Trung Nguyên hiện đã không những chiếm lĩnh được thị trường trong nước, mà còn được hoan nghênh ở nhiều thị trường trong khu vực, bước đầu khẳng định được thương hiệu cà phê Việt... Đây chính là những nền tảng vững chắc để ngành cà phê tiếp tục phát huy và tận dụng những tiềm năng này để phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới.

Số liệu thống kê cho thấy, trong những năm qua, xuất khẩu cà phê của Việt Nam duy trì được



THÁCH THỨC

tốc độ tăng trưởng khá, đạt 8,2%/năm với kim ngạch bình quân 3,13 tỷ USD/năm giai đoạn 2011-2018, chiếm 15% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của cả nước. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, với nhiều biến động trên thị trường toàn cầu, ngành cà phê Việt hiện đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Năm 2019, ngành cà phê trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề vì khủng hoảng giá, kim ngạch xuất khẩu giảm đáng kể. Theo Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam, giá cà phê xuất khẩu niên vụ này ở mức thấp kỷ lục trong vòng 10 năm lại đây, có thời điểm xuống mức 1.207 USD/tấn đối với cà phê Robusta, 88 cent/lb đối với cà phê Arabica. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2019 cả nước xuất khẩu cà phê đạt 1,61 triệu tấn (tương đương



Nguyên nhân được xác định là do nông dân chưa áp dụng đúng quy trình tái canh đã được ban hành.

Mặt khác, ở khía cạnh khách quan, tình hình sản xuất cà phê cả nước cũng đang chịu nhiều ảnh hưởng bởi thời tiết, khí hậu. Hạn hán và lũ lụt liên tục làm thiệt hại nghiêm trọng vùng trồng cà phê trọng điểm Tây Nguyên. Cụ thể, chỉ riêng đợt lũ tháng 8/2019 đã làm thiệt hại hơn 1.000 ha cà phê của Tây Nguyên. Đồng thời, mưa lớn trong nhiều ngày khiến quả cà phê bị rụng hàng loạt, gây ảnh hưởng rất lớn cho vụ mùa tới. Hiệp hội cà phê cao Việt Nam dự báo, niên vụ tới sản lượng cà phê cả nước có thể bị giảm đến 15% so với niên vụ này.

Bên cạnh đó, mặc dù mặt hàng cà phê vẫn duy trì lượng xuất khẩu khá, song đây cũng là mặt hàng gặp khá nhiều trở ngại, khi ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh và chi phí vận chuyển nhiều biến động. Cùng với đó, xuất khẩu cà phê dạng thô của Việt Nam hiện vẫn chiếm tỷ trọng cao, trong khi tỷ lệ cà phê chế biến sâu, giá trị tăng cao chỉ chiếm khoảng 10% trong tổng sản lượng cà phê nhân. Mặt hàng cà phê hiện chưa tạo ra nhiều giá trị gia tăng và chưa tạo ra chuỗi sản xuất sâu. Theo tính toán, nếu tính theo giá xuất khẩu tại cảng Việt Nam thì mỗi tấn cà phê hiện chỉ có giá trên dưới 40 triệu đồng, trong khi nếu chế biến sâu sẽ có giá trị gia tăng cao nhất từ 70-100 triệu đồng/tấn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến cà phê hiện chưa quan tâm tới các quy trình bảo quản, chế biến, thị trường tiêu thụ, bao bì, sản phẩm và cả thương hiệu dẫn đến nguồn lợi nhuận thu được khi xuất khẩu cà phê vào các thị trường tiêu thụ lớn của thế giới không cao...

CÀ PHÊ VIỆT

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Thu Hòa

26,8 triệu bao), trị giá 2,785 tỷ USD, giảm 13,9% về lượng và giảm 21,2% về giá trị so với năm 2018. Như vậy, năm 2019, xuất khẩu cà phê Việt Nam bị tuột mốc 3 tỷ USD so với vài năm trở lại đây.

Niên vụ 2019-2020, là năm thứ 3 liên tiếp ngành cà phê chịu khủng hoảng về giá, khiến người nông dân gặp nhiều khó khăn. Theo đó, đối với giá cà phê nội địa, nếu như đầu niên vụ trước ở mức trên 42.000 đồng/kg thì đầu vụ này chỉ ở mức 35.000 đồng/kg và liên tục giảm, hiện chỉ còn khoảng 30.000-32.000 đồng/kg. Những biến động về giá cả luôn theo chiều hướng bất lợi cho người làm cà phê khi chi phí đầu vào luôn tăng. Ở chiều ngược lại, giá bán cà phê lại liên tục ở mức rất thấp. Do đó, những người trồng cà phê rơi vào tình trạng thu không đủ chi,

nhiều vườn cà phê đã bị nông dân chặt bỏ, chuyển sang trồng các loại cây khác có giá trị hơn.

Cùng với khủng hoảng giá, ngành cà phê Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức khác. Điển hình là tình trạng cà phê già cỗi đang tăng nhanh. Mặc dù thời gian qua, việc tái canh cà phê tại Tây Nguyên đã được đẩy mạnh song thực tế diện tích cà phê già vẫn còn rất lớn.

Tại Tây Nguyên, diện tích cà phê trên 20 năm tuổi hiện có khoảng 86 nghìn ha, chiếm 16%, diện tích cà phê 15-20 năm tuổi khoảng 140 nghìn ha, chiếm khoảng 26%. Trong khi đó, việc tái canh gặp rất nhiều khó khăn. Kết quả điều tra của Viện Khoa học kỹ thuật Nông, Lâm nghiệp Tây Nguyên gần đây cho thấy, tỷ lệ vườn cà phê tái canh thất bại lên tới 38%.

Bước sang năm 2020, mặc dù lượng tiêu thụ cà phê quý I/2020 của Việt Nam vẫn được dự báo tăng, song với nhiều yếu tố bất định về tỷ giá, dịch Covid-19 đang phủ “bóng đen” lên thị trường hàng hoá toàn cầu có thể khiến giá cà phê có những diễn biến ngoài dự báo... Đây cũng sẽ là yếu tố gây thêm những khó khăn cho ngành cà phê toàn cầu cũng như thị trường cà phê Việt thời gian tới.

Giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu

Trước thực trạng ngành cà phê đang gặp nhiều khó khăn, thách thức, để đạt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu 6 tỷ USD vào năm 2030 các chuyên gia cho rằng, bên cạnh việc nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm cà phê Việt thì cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường xuất khẩu cà phê thông qua việc triển khai các giải pháp đồng bộ và hiệu quả hơn nữa. Theo đó, trong công tác sản xuất, chế biến, cần đẩy mạnh việc tái cơ cấu ngành cà phê hiệu quả, xây dựng các vùng trồng tập trung, chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến, áp dụng tiến bộ công nghệ cao, thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu để tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và sản lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Áp dụng các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người nông dân, doanh nghiệp thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời, khuyến khích, tăng cường liên kết và hợp tác trong sản xuất kinh doanh cà phê với mục đích ổn định xuất khẩu, giữ vững và mở rộng thị trường.

Song song với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, công tác xây dựng thương hiệu cà phê

trong giai đoạn hiện nay cần được chú trọng và quan tâm hơn nữa, trong đó các doanh nghiệp chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng thương hiệu của riêng mình. Theo đó, các doanh nghiệp cần khảo sát nhu cầu của thị trường về các lĩnh vực gồm thị phần - thị hiếu - chất lượng - giá cả, từ đó xác định tỷ trọng chế biến các loại sản phẩm phù hợp (Tỷ lệ sản phẩm sơ chế; sản phẩm tinh chế) để định hướng phát triển sản phẩm, xây dựng chiến lược quảng bá, marketing, định vị thương hiệu phù hợp với năng lực của mình. Nhà nước sẽ hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu thông qua các chiến dịch truyền thông, quảng bá hình ảnh; các chương trình đào tạo, hướng dẫn, nâng cao năng lực thiết kế, định dạng sản phẩm.

Đặc biệt, để phát triển thị trường xuất khẩu, ngành cần quan tâm đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại. Trong đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam cần chú trọng tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ ngoại ngữ và chuyên môn; chủ động tham gia các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do các bộ, ngành, hiệp hội tổ chức; tham dự các hội chợ, triển lãm quốc tế ở cả trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm bạn hàng.

Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường thông qua việc nghiên cứu, tổng hợp thông tin về thị trường (nhu cầu, chủng loại, quy cách, mẫu mã, cung cầu, giá cả, các chính sách quản lý xuất nhập khẩu và quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm...) đối với mặt hàng cà phê, từ đó tìm kiếm thị trường có tiềm năng xuất khẩu nhằm tạo sự phối hợp tổ chức sản xuất, cơ cấu sản phẩm hợp lý,

tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng tín hiệu của thị trường...

Đẩy mạnh và đổi mới công tác quản lý xúc tiến thương mại theo hướng nâng cao năng lực thực hiện xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp, tạo cơ chế để huy động kinh phí hoạt động xúc tiến thương mại từ các nguồn lực của xã hội, định hướng xúc tiến thương mại đối với ngành hàng cà phê mang tính chiến lược trung - dài hạn, có trọng tâm, trọng điểm, tăng cường sự phối hợp giữa cấp bộ, ngành và các địa phương, các tổ chức xúc tiến thương mại phi Chính phủ và các doanh nghiệp để đạt được hiệu quả cao nhất.

Từng bước cải tiến hoạt động kết nối xuất khẩu theo hướng gắn kết doanh nghiệp Việt kiều tại một số nước như Thái Lan, Pháp, Đức, Úc... với doanh nghiệp trong nước. Sử dụng mạng lưới kiều bào để hỗ trợ doanh nghiệp cà phê Việt Nam tìm hiểu và mở rộng thị trường xuất khẩu, thông qua lực lượng này để tuyên truyền về chất lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam, góp phần hỗ trợ thành công tiêu thụ mặt hàng này trong các hệ thống siêu thị tại nước ngoài...

Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên, kỳ vọng sẽ đem lại những thay đổi tích cực về mặt cơ cấu thị trường đối với các sản phẩm cà phê trong thời gian tới. Theo đó, thị trường xuất khẩu của cà phê Việt Nam sẽ từng bước được mở rộng và đa dạng hóa, đồng thời cũng sẽ định hướng cho sự phát triển sản xuất cà phê trong nước, bao gồm việc chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm cà phê xuất khẩu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường, đặc biệt là những thị trường mới có tiềm năng./.

Nguồn lợi thủy sản từ biển không chỉ đem lại giá trị kinh tế cao mà còn đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế của cả nước. Từ nhiều năm về trước, khi tình trạng nguồn hải sản biển ngày càng suy giảm do khai thác quá mức nhằm đáp ứng cho nhu cầu trong nước cũng như xuất khẩu, nuôi trồng hải sản ngoài biển đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu. Đến nay, nuôi biển không chỉ là một xu hướng bùng phát mà còn có khả năng tạo ra đột phá kinh tế, góp phần tạo nguồn cung nguyên liệu ổn định cho xuất khẩu thủy sản và trở thành trọng điểm trong chiến lược phát triển nghề cá bền vững.



NUÔI BIỂN

Hướng đi chiến lược phát triển nghề cá

Phương Anh

Thủy sản nuôi biển chiến lược phát triển bền vững

Nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam đã xuất hiện từ khoảng cuối những năm 1960 với các hệ thống nuôi cấy quy mô nhỏ, giá trị kinh tế chưa cao. Từ một nghề sản xuất phụ, mang đậm tính chất tự cấp tự túc, trải qua hàng chục năm, nuôi trồng thủy sản trên biển đã trở thành một ngành kinh tế thế mạnh, sản xuất hàng hóa tập trung với trình độ kỹ thuật tiên tiến, phát triển theo hướng bền vững, hài hòa với các ngành kinh tế khác, đem lại nguồn lợi lớn cho bà con nông dân vùng ven biển và hải đảo. Theo các chuyên gia

của Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam, nuôi biển được đánh giá cao hơn về hiệu quả kinh tế - môi trường, do có năng suất cao hơn, hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) thấp hơn (FCR của cá biển sử dụng thức ăn viên chỉ từ 1,0-2,5; trong khi động vật trên cạn 4,0-8,0), lại ít gây hại tới môi trường. Ngoài nuôi cá biển, Việt Nam có thể phát triển nuôi với sản lượng rất lớn những loài thủy sản ăn lọc, tận dụng thức ăn tự nhiên, như các động vật thân mềm (hàu, vẹm, nghêu, sò, trai, ốc...); trồng rong biển có thể đạt 400 kg protein/ha/năm (so với trồng cây trên đất chỉ thu 16kg/ha/năm) mà không hề tốn phân, thuốc bảo vệ thực vật

Việt Nam có hơn 3 nghìn km bờ biển kéo dài từ Móng Cái, Quảng Ninh đến mũi Cà Mau cùng hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ nằm trên hải phận Biển Đông; vùng biển có đặc quyền kinh tế rộng trên 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền và chiếm tới 30% diện tích Biển Đông. Bên cạnh đó, vùng biển Việt Nam còn có tính đa dạng sinh học khá cao, là nơi phát sinh và phát tán của nhiều nhóm sinh vật biển vùng nhiệt đới. Đây là tiềm năng lợi thế rất lớn để phát triển kinh tế biển, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản trên biển đối với Việt Nam mà không phải quốc gia nào cũng có được.

và nước tưới, lại có tác dụng rất lớn làm giảm CO₂ và hấp thu các tác nhân gây ô nhiễm khác trong khí quyển và đại dương. Tại Việt Nam, các loài hải sản chính phù hợp làm đối tượng nuôi biển là cá và tôm; trong đó có các loại cá biển được nuôi như: Cá song, cá giò, cá vược, cá chẽm...; các loại giáp xác như: Tôm hùm, cua, ghẹ...; một số loài nhuyễn thể như: Ngao, hàu, tu hài, ốc hương... và rong biển.

Giai đoạn 2010-2017, quy mô và sản lượng nuôi trồng thủy sản của Việt Nam tăng lên đáng kể. Theo báo cáo của Tổng cục Thủy sản, diện tích nuôi biển tại các vùng biển Việt Nam đã tăng gấp 9,7 lần, từ 38,8 nghìn ha trong năm 2010 lên hơn 246 nghìn ha năm 2017. Cùng với đó, sản lượng nuôi biển cũng tăng từ 156 nghìn tấn lên tới trên 377 nghìn tấn. Nghề nuôi biển phát triển nhanh và mạnh tại một số địa phương ven biển như: Quảng Ninh, Thái Bình, Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Kiên Giang, Cà Mau... với những mô hình nuôi biển có quy mô lớn. Các sản phẩm nuôi trồng trên biển của Việt Nam đã khẳng định được giá trị và góp mặt tại các thị trường lớn với yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng như: Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore...

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ của khoa học công nghệ đã giúp cho nuôi biển chủ động được công nghệ sản xuất giống và con giống, nuôi thương phẩm nhiều loại có giá trị kinh tế, năng suất ngày càng cao, đem lại giá trị vượt trội và tạo ra bước ngoặt lớn cho nghề nuôi trồng thủy sản trên biển của Việt Nam. Điển hình là một số công nghệ sản xuất giống thủy sản đã tiếp cận hoặc vượt cả trình độ các nước trong khu vực như công nghệ

sản xuất giống cua biển, ốc hương... Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đã tăng gấp 5,3 lần, từ 42,5 triệu đồng/ha năm 2004 lên 226,3 triệu đồng/ha năm 2018. Với năng suất sản lượng ngày càng cao, vượt qua cả sản lượng hải sản khai thác. Nuôi trồng thủy sản trên biển đã cho thấy khả năng tăng trưởng theo cấp số nhân, đồng thời thể hiện vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi từ khai thác tài nguyên thiên nhiên sang nuôi trồng trên mặt nước nói chung và nuôi biển nói riêng, góp phần tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, làm tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu chung của ngành Thủy sản và quan trọng là bảo vệ tài nguyên biển Việt Nam và thế giới.

Hiện nay, Việt Nam đã xác định nuôi trồng thủy sản trên biển là một trong những trụ cột chính trong định hướng phát triển chung, hướng đến phát triển bền vững nghề cá và tạo ra đột phá cho ngành Thủy sản nói riêng cũng như kinh tế đất nước nói chung. Vì vậy, để nuôi biển tham gia vào chuỗi sản xuất giá trị bền vững, việc từng bước chuyển dịch nuôi biển thủ công ven bờ sang nuôi biển công nghiệp ở vùng xa bờ và hải đảo với sự tham gia của các doanh nghiệp có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, song song với bảo vệ môi trường được coi là chiến lược phát triển bền vững của lĩnh vực này. Các chuyên gia cũng chỉ ra rằng, việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong nuôi biển công nghiệp giúp quản lý hiệu quả, giảm rủi ro, tăng năng suất chất lượng, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững hơn. Mặt khác, phát triển



kinh tế từ nuôi biển còn kéo theo sự hình thành và phát triển những ngành công nghiệp phụ trợ mới, đặc biệt là lĩnh vực hậu cần, thức ăn chăn nuôi hải sản. Qua đó góp phần tạo thêm việc làm và sinh kế mới, tăng thu nhập cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và đặc biệt là góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, biển đảo của Tổ quốc.

Trước những lợi ích kinh tế - xã hội từ nuôi biển đem lại, để đảm bảo phát triển tiềm năng của đất nước, phát triển nuôi trồng thủy sản cũng như nghề cá theo hướng chất lượng và bền vững, Chính phủ đã thể hiện sự quan tâm sâu sát và định hướng phát triển nuôi biển trong tương lai. Trong đó, chiến lược phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu là duy trì và ổn định vùng nuôi ven biển, đảo gần bờ có hiệu quả, đảm bảo môi trường sinh thái; Phát triển mạnh công nghiệp nuôi biển vùng xa bờ, hình thành ngành sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, bền vững, tạo sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng cao, có thương hiệu, cung cấp cho tiêu thụ



trong nước và xuất khẩu. Cụ thể đến 2030, diện tích nuôi biển đạt 300 nghìn ha, thể tích lồng nuôi 10 triệu m³, sản lượng đạt 1.750 nghìn tấn, giá trị xuất khẩu hải sản nuôi đạt 4-6 tỷ USD; Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam có nền công nghiệp nuôi biển tiên tiến, phát triển bền vững; sản lượng nuôi biển đạt 3,0-4,0 triệu tấn/năm; giá trị thương mại và xuất khẩu trên 10 tỷ USD.

... còn đó những bất cập cần vượt qua

Dù đã trải qua quá trình hình thành và phát triển hàng chục năm, tuy nhiên, nuôi biển vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bộc lộ những bất cập trong hoạt động sản xuất khiến cho sức tăng trưởng của ngành bị kìm hãm. Đặc biệt, quy mô phát triển nuôi biển hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng. Việt Nam có trên 1 triệu km² diện tích vùng biển đặc quyền kinh tế, trong khi diện tích nuôi biển của nước ta đến nay chưa đạt tới 300 nghìn ha và chỉ chiếm khoảng hơn 20% trên 1.140,4 nghìn ha tổng diện tích nuôi trồng thủy sản cả nước (số liệu của Tổng cục Thống kê). Như vậy, nuôi biển còn rất nhiều dư địa để phát triển, trong khi đó,

hoạt động nuôi biển đến nay vẫn còn manh mún, tự phát, thường xuyên phá vỡ quy hoạch.

Mặt khác, khó khăn về nguồn giống cũng là một trong những hạn chế trong hoạt động. Hiện Việt Nam mới chỉ sản xuất được một số giống cá biển nhân tạo với quy mô nhỏ lẻ, còn nguồn cung chủ yếu vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu qua đường tiểu ngạch với chất lượng bấp bênh. Bên cạnh đó, còn là những khó khăn trong khâu cung cấp thức ăn do các mô hình nuôi truyền thống với các lồng bè thô sơ, sử dụng nguồn thức ăn chủ yếu từ cá tươi (cá tạp, cá bột). Nguồn thức ăn này không mang tính bền vững, gây nhiều tác hại đến môi trường và có thể dẫn đến khan hiếm nguồn cá tạp tự nhiên, do nhu cầu lớn dẫn đến khai thác quá mức mà hiệu quả nuôi trồng lại không cao, chi phí phát sinh lớn do giá thành thay đổi theo mùa.

Đặc biệt, nuôi biển tại Việt Nam hiện nay chủ yếu theo quy trình nuôi lồng bè truyền thống gần bờ, hạ tầng nuôi còn nhiều yếu kém, thiếu quy hoạch và chính sách quản lý tốt dẫn đến tình trạng phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức, rõ nhất là suy thoái môi trường. Một số vùng nuôi hiện nay đang có dấu hiệu ô nhiễm nặng do độ sâu và tốc độ dòng chảy thấp, mật độ các lồng nuôi quá cao, chất thải sinh hoạt và chất thải từ hoạt động nuôi quá lớn, dẫn đến mâu thuẫn trong sử dụng mặt nước giữa nuôi biển và các ngành kinh tế khác như: Du lịch, vận tải biển... Hơn nữa, với quy mô manh mún, công nghệ lồng bè nuôi chưa thích ứng được với những thay đổi thời tiết, sóng biển, cộng thêm biến đổi khí hậu gây ra các hiện tượng thiên tai, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường biển... đã khiến cho nghề

nuôi biển phải đối mặt với nhiều rủi ro, thiệt hại do bùng phát dịch bệnh hoặc đối tượng nuôi chết hàng loạt, gây thiệt hại lớn cả môi trường, thu nhập và sinh kế của người dân làm nghề. Trong khi đó, thị trường đầu ra cho các sản phẩm nuôi biển cũng bấp bênh và thiếu tính bền vững, chủ yếu được thương lái thu gom rồi xuất khẩu tiểu ngạch, bán cho du khách qua các nhà hàng và tiêu thụ nội địa tại các chợ địa phương.

Có thể thấy, từ khâu con giống đầu vào, quy trình sản xuất đến đầu ra, nuôi biển đều gặp nhiều khó khăn, thách thức, khiến cho giá trị gia tăng của sản phẩm thấp, chưa thể tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm. Để cải thiện tình hình, tận dụng triệt để tiềm năng lợi thế phát triển nuôi biển, bên cạnh các định hướng về quy hoạch ngành nghề, cần thiết lập khung chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cộng đồng doanh nghiệp nuôi biển (giao quyền sử dụng, cho thuê mặt nước biển, hỗ trợ lãi suất, tiếp cận vốn tín dụng trung dài hạn, ưu đãi thuế) từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước; hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp phát triển các chuỗi giá trị nuôi biển (từ sản xuất con giống, thức ăn, nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu, phân phối, dịch vụ), có cơ chế khuyến khích tích hợp đa ngành và hợp tác quốc tế để tranh thủ công nghệ hiện đại phục vụ cho nuôi biển công nghiệp, hướng đến nuôi biển công nghiệp xa bờ. Từ đó từng bước khắc phục hạn chế, bất cập để nuôi biển có thể tham gia vào chuỗi giá trị cao, hạn chế khai thác tài nguyên, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu thủy sản, nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần phát triển bền vững nghề cá./

ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

ThS. Phạm Thị Thu Hiền
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) ở nước ta đã từng bước đổi mới, khẳng định vai trò tiên phong trên chặng đường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, hòa nhập sâu rộng với mạng lưới nhân lực khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa với nhiều cơ hội và thách thức, GDNN ở nước ta cần đổi mới mạnh mẽ để không chỉ đảm đương trách nhiệm đào tạo nhân lực trực tiếp phục vụ cho sản xuất kinh doanh mà còn đáp ứng yêu cầu hội nhập, cạnh tranh.

Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN – những kết quả đạt được

Theo đánh giá, những năm gần đây hệ thống GDNN ở nước ta đã và đang thực hiện đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ. Trong đó, để tạo điều kiện cho hoạt động GDNN phát triển, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Theo đó, Luật Giáo dục năm 2005 đã có một mục riêng quy định về GDNN. Trên cơ sở đó, Luật Dạy nghề đã được Quốc hội khóa XI thông qua, tạo nền tảng pháp lý và thuận lợi cho hoạt động đào tạo nghề phát triển phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Tiếp đó, năm 2014 nhằm triển khai Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Giáo dục nghề nghiệp với nhiều đổi mới quan trọng và đột phá. Cụ thể như: Hợp nhất các trình độ đào tạo; đổi mới về tổ chức và quản lý đào tạo, về chính sách cho người học,

nhà giáo và cơ sở GDNN; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa GDNN, tăng cường sự phối hợp, tham gia của doanh nghiệp, người sử dụng lao động vào hoạt động đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và xã hội.

Nhờ sự nỗ lực và tích cực trong đổi mới nên các điều kiện bảo đảm chất lượng GDNN như: Chương trình đào tạo, nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo... đã được cải thiện đáng kể, từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đã hình thành mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề nghiệp rộng khắp cả nước, đa dạng về loại hình và ngành nghề đào tạo. Quy mô và chất lượng đào tạo nghề không ngừng tăng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân, góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo. Tính đến 6/2019, thông qua công tác quy hoạch, sắp xếp lại, cả nước có 1.917 cơ sở GDNN, trong đó: 400 trường cao đẳng, 492 trường trung cấp, 1.025 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giảm 37 cơ sở so với năm 2018.

Ước hết năm 2019 còn 1.904 cơ sở, trong đó các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giảm 4,92% so với năm 2018.

Năm 2019, công tác tuyển sinh GDNN có nhiều chuyển biến tích cực, lĩnh vực GDNN tuyển sinh khoảng 2,33 triệu người, đạt 103,5% kế hoạch. Trong đó, trình độ cao đẳng và trung cấp khoảng 568 nghìn người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 1,77 triệu người. Khoảng 2,2 triệu người tốt nghiệp, trong đó: Trình độ cao đẳng và trung cấp gần 500 nghìn người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 1,7 triệu người.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyển sinh, chất lượng đào tạo tại các cơ sở GDNN của Việt Nam cũng ngày càng được nâng lên. Kỹ năng nghề nghiệp của người tốt nghiệp các cơ sở GDNN đã được cải thiện. Hơn 80% người học tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Ở một số nghề và một số cơ sở GDNN, tỷ lệ này đạt gần 100%. Tại các kỳ thi



tay nghề của thế giới, Việt Nam đã dành những thứ hạng cao. Cụ thể như: tại Kỳ thi tay nghề thế giới lần thứ 45 diễn ra (tháng 8/2019) tại Liên bang Nga, đoàn Việt Nam lần đầu tiên giành 1 Huy chương Bạc và được trao 8 Chứng chỉ nghề xuất sắc. Đây là kết quả cao nhất từ trước đến nay của Việt Nam sau bảy lần tham dự sự kiện này.

Về chỉ số xếp loại chất lượng GDNN trong khu vực ASEAN, theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) năm 2019, Việt Nam đã tăng 13 bậc, đạt 44/100 điểm (tăng ba điểm).

Đặc biệt, GDNN ở nước ta đã hình thành mô hình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua các chương trình đào tạo chuyển giao; đáp ứng yêu cầu về lao động chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và thị trường lao động ngoài nước. Kết quả từ việc triển khai thực hiện “Dự án Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN” (Đây là 01 trong 03 Dự án thành phần của Chương trình mục tiêu GDNN - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020

được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 nhằm hỗ trợ đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố căn bản của GDNN) cho thấy, Việt Nam đã thực hiện chuyển giao, tiếp nhận và đào tạo thí điểm theo 34 bộ chương trình giáo trình nghề trọng điểm cấp quốc tế từ Úc và Đức. Theo đó, khoảng 2.000 sinh viên trình độ cao đẳng được trải nghiệm những kỹ thuật hiện đại nhất của thế giới. Sau khi tốt nghiệp, học sinh, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng của Việt Nam và bằng tốt nghiệp của phía chuyển giao, tạo cơ hội cho người học được xuất khẩu lao động đến những thị trường yêu cầu tay nghề cao như Úc, Đức. Đây là khởi đầu tốt, giúp GDNN Việt Nam hội nhập quốc tế một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất từ việc học tập công nghệ đào tạo từ các nước tiên tiến trên thế giới.

Cùng với việc chất lượng sinh viên tốt nghiệp được nâng lên, đội ngũ giáo viên tại các cơ sở GDNN của Việt Nam cũng được chuẩn hóa kỹ năng dạy, thông qua việc đổi mới cấu trúc chương trình GDNN từ tách biệt lý thuyết - thực hành sang đào tạo theo hình thức tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp. Trong 3 năm (2016-2018), 1.200 giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng trong nước về nghiệp vụ sư phạm GDNN; 15.000 giáo viên được đào tạo theo tín chỉ, biên soạn giáo án và tổ chức giảng dạy tích hợp, tổ chức đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện, kỹ năng mềm; 2.850 lượt cán bộ quản lý GDNN; Đào tạo, bồi dưỡng cho 391 giáo viên tại Úc, Đức để dạy các nghề nhận chuyển giao...

Ngoài ra, việc hỗ trợ đầu tư tập trung đồng bộ cho các trường

chất lượng cao và các nghề trọng điểm... đã từng bước góp phần thực hiện quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện về GDNN theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Qua đó, chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở GDNN đã không ngừng được đổi mới, hiện đại hơn, đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo. Đặc biệt, những trường được lựa chọn đầu tư các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN tham gia đào tạo thí điểm theo các bộ chương trình được chuyển giao từ nước ngoài như Úc, Đức thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại hóa, được các tổ chức kiểm định có uy tín trên thế giới đánh giá đủ điều kiện để đào tạo theo các bộ chương trình được chuyển giao. Không những thế, các chương trình đào tạo GDNN đã ngày càng được hoàn thiện phù hợp hơn so với nhu cầu của người sử dụng lao động. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, học viên sau đào tạo GDNN đều đáp ứng hầu hết các hạng mục kiến thức, kỹ năng của yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó, việc tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp bước đầu đi vào chiều sâu, hoạt động hiệu quả; cơ chế phối hợp ba bên: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp bắt đầu hình thành và vận hành khá tốt trong thực tiễn... Các địa phương đã quan tâm đến hoạt động gắn kết với doanh nghiệp; các cơ sở GDNN đã chủ động hơn, thuận lợi hơn khi tìm đến doanh nghiệp; các doanh nghiệp đã tích cực hơn trong việc tiếp cận, tìm đến các nhà trường. Tại Diễn đàn quốc gia “Nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam”

tháng 11/2019 tại Hà Nội, đã có 30 tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia ký kết, hợp tác trong các hoạt động GDNN, cùng nhau đào tạo và cung ứng hàng trăm nghìn lao động. Hầu hết các cơ sở GDNN đều có ký kết hoặc chương trình phối hợp trong đào tạo và tuyển dụng... Nhờ vậy đã tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong suốt quá trình tuyển sinh, đào tạo, đánh giá và việc làm sau tốt nghiệp của các học viên.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN

Có thể thấy, với những nỗ lực trong đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực trong đào tạo nguồn nhân lực của nước ta. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam đã, đang tham gia sâu vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, cùng với các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs) giữa các nước ASEAN về tiêu chuẩn, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp... và dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sẽ mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức cho kinh tế Việt Nam nói chung và GDNN nói riêng. Chính vì vậy, quá trình đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN ngày càng đòi hỏi phải có tầm nhìn xa, toàn diện, liên ngành, liên lĩnh vực trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Với mục tiêu tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng tuyển sinh, chất lượng đào tạo và hiệu quả của GDNN, các chuyên gia cho rằng, Việt Nam cần tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về GDNN. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động

sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN. Theo đó, một số giải pháp cụ thể được đề xuất:

Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN phải đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển GDNN, tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN nhằm khuyến khích năng lực chủ động, sáng tạo của các cơ sở GDNN, tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong phát triển GDNN.

Phát triển hệ thống GDNN với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động. Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN theo hướng mở, bảo đảm quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành), vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng; tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở GDNN chất lượng cao, ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia) và các cơ sở GDNN chuyên ngành, các nhóm đối tượng đặc thù. Khuyến khích thành lập mới cơ sở GDNN tư thực, cơ sở GDNN của doanh nghiệp và có vốn đầu tư nước ngoài.

Đặc biệt, một trong những hướng phát triển bền vững của GDNN chính là tăng cường gắn kết với thị trường lao động và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm

và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động.

Ngoài ra, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN. Phát huy vai trò của các đơn vị sử dụng lao động, người sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp trong đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN. Hình thành mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở GDNN và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp. Tạo điều kiện phát triển tinh thần khởi nghiệp trong các cơ sở GDNN.

Để khắc phục những vướng mắc và hiện thực hóa mục tiêu đề ra, hiện Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030 theo hướng phân tầng: Tầng cơ sở GDNN chất lượng cao được Nhà nước đầu tư trọng điểm; Tầng cơ sở GDNN tự chủ gắn với đặt hàng của Nhà nước và doanh nghiệp; Tầng cơ sở GDNN đặc thù được Nhà nước đầu tư, giao kinh phí hoạt động thường xuyên theo Đề án phát triển và nâng cao chất lượng đã được phê duyệt... Hi vọng rằng, với những nỗ lực và triển khai đồng bộ các giải pháp căn bản, cùng sự chung tay của các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở GDNN, cộng đồng doanh nghiệp... lĩnh vực GDNN ở nước ta sẽ ngày càng phát triển, khẳng định vai trò tiên phong trong tạo nguồn nhân lực trực tiếp phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xã hội theo hướng bền vững, hội nhập./.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Tiền Giang:

Thực hiện tốt nguồn vốn đầu tư - xây dựng

Tháng 2/2020, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý là 136 tỷ đồng, tăng 28,1% so cùng kỳ; Hai tháng đầu năm 2020 thực hiện 295 tỷ đồng, đạt 7,7% kế hoạch, tăng 19,5% so cùng kỳ. Để thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2020, UBND tỉnh Tiền Giang chủ động quản lý, điều hành, bố trí sử dụng các khoản vốn chưa có bố trí danh mục công trình cụ thể trong Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang như: Các dự án phục vụ để án phát triển cây Thanh Long; các công trình nông nghiệp - thủy lợi khác; các cầu yếu trên các tuyến đường tỉnh và các công trình giao thông cấp thiết khác... nhờ đó, khối lượng thực hiện tăng cao hơn so cùng kỳ.

Ngoài ra, nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh cũng đã thực hiện được 238 tỷ đồng, đạt 8% kế hoạch, tăng 22,6% so cùng kỳ, chiếm 80,7% tổng số (trong đó: Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu thực hiện 41 tỷ đồng, tăng 17,8%, vốn xổ số kiến thiết thực hiện 100 tỷ đồng, tăng 24,2% so cùng kỳ...)

Nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện thực hiện 49 tỷ đồng, đạt 10,8% kế hoạch, tăng 7,1% so cùng kỳ, chiếm 16,6% tổng số (trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu thực hiện 17 tỷ đồng, tăng 7,8% so cùng kỳ...).

Nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp xã thực hiện 8 tỷ đồng, đạt 2,1% kế hoạch, tăng 16,5% so cùng kỳ, chiếm 2,7% tổng số (trong đó: Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu thực hiện 2,3 tỷ đồng, tăng 13,5% so cùng kỳ...).

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Lâm Đồng:

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ tăng

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 2/2020 đạt 354,6 tỷ đồng, tăng 5,05% so với cùng kỳ, trong đó: Doanh thu vận tải

đường bộ đạt 304,5 tỷ đồng, tăng 4,42%; doanh thu kho bãi và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 50,1 tỷ đồng, tăng 9,04%. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 2 tháng đầu năm 2020 đạt 756,7 tỷ đồng, tăng 9,05% so với cùng kỳ, trong đó: Doanh thu vận tải đường bộ đạt 652,5 tỷ đồng, tăng 8,32%; doanh thu kho bãi và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 104,2 tỷ đồng, tăng 13,83%.

Doanh thu vận tải hành khách trong tháng 2/2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đạt 133,7 tỷ đồng, giảm 0,63%; khối lượng vận chuyển đạt 3.392 nghìn hành khách, giảm 2,19% và luân chuyển đạt 403,5 triệu hành khách/km, tăng 3,45% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu vận tải hành khách 2 tháng năm 2020 đạt 296,1 tỷ đồng, tăng 6,78%; khối lượng vận chuyển đạt 8.700 nghìn hành khách, tăng 8,62% và luân chuyển đạt 838,4 triệu hành khách/km, tăng 2,88% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải hàng hoá tháng 2/2020 ước đạt 170,9 tỷ đồng, tăng 8,75%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 805 nghìn tấn, giảm 7,92% và luân chuyển đạt 125,7 triệu tấn.km, giảm 2,42% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu vận tải hàng hoá 02 tháng năm 2020 đạt 356,4 tỷ đồng, tăng 9,64%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 1.525 nghìn tấn, giảm 16,47% và luân chuyển đạt 324,9 triệu tấn.km, tăng 16,58% so với cùng kỳ.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng

Đồng Nai:

Tình hình thu hút đầu tư

Tính đến ngày 18/02/2020, tổng vốn đăng ký cấp mới và dự án tăng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đạt 161 triệu USD, bằng 78,2% so cùng kỳ. Trong đó: Cấp mới 15 dự án với vốn đăng ký 54 triệu USD, tăng 6,67%; điều chỉnh vốn 13 dự án với vốn bổ sung 107,67 triệu USD, tăng 196,12% so cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư trong nước đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư và điều chỉnh tăng vốn đến ngày 18/02/2020 là 4,36 nghìn tỷ đồng, tăng 164,9% so cùng kỳ. Trong đó: Cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 15 dự án với số vốn là 4,04 nghìn tỷ đồng, tăng 153,2%; điều chỉnh tăng vốn 1 dự án với số vốn là 321,3 tỷ đồng.

Tính từ đầu năm đến ngày 15/02/2020, tổng vốn đăng ký thành lập mới doanh nghiệp và bổ sung tăng vốn là 3,6 nghìn tỷ đồng, bằng 57,3% so với cùng kỳ, trong đó số đăng ký thành lập mới là

372 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 3,1 nghìn tỷ đồng, bằng 67% so cùng kỳ và 32 lượt doanh nghiệp đăng ký tăng vốn với vốn đăng ký bổ sung là 448 tỷ đồng.

Tiếp tục triển khai thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng và trả kết quả tại nhà, từ ngày 01- 15/02/2020 tỉnh Đồng Nai đã có 415 lượt doanh nghiệp đăng ký trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, 40 doanh nghiệp đăng ký trả kết quả tại nhà./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai

Kon Tum:

Sản lượng thủy sản tăng so với cùng kỳ năm trước

Tính đến 15/02/2020, ước tính diện tích nuôi trồng thủy sản là 695 ha, tăng 1,76% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản là 675 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra: Sản lượng nuôi trồng nước ngọt là 415 tấn, tăng 10,67%; sản lượng khai thác nước ngọt là 260 tấn, tăng 4%. Cục Thống kê tỉnh Kon Tum cho biết, sản lượng thủy sản tăng so với cùng kỳ năm trước là do diện tích nuôi trồng thủy sản tăng lên. Bên cạnh đó, việc khai thác đánh bắt của các hộ trên lòng hồ thủy lợi, thủy điện, sông suối... thuận lợi cũng góp phần làm tăng lên sản lượng thủy sản trong kỳ./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Kon Tum

Thái Bình:

Tập trung sản xuất vụ xuân

Cục Thống kê tỉnh Thái Bình cho biết, ngay từ những ngày đầu tháng 2/2020 toàn tỉnh đã hoàn thành việc cày lật 100% diện tích đất lúa, diện tích cây màu xuân và lấy đủ nước cho sản xuất. Theo kế hoạch vụ xuân 2020, tỉnh Thái Bình gieo cấy trên 77.000 ha, trong đó diện tích lúa chất lượng cao chiếm 35-40%, còn lại là lúa cho năng suất cao... Để đạt được năng suất, sản lượng trong sản xuất vụ xuân 2020, tỉnh Thái Bình đã tập trung chỉ đạo các địa phương thực hiện gieo cấy đúng khung lịch thời vụ, giao cho ngành chức năng chủ động đủ số lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tập huấn quy trình kỹ thuật thâm canh, tiến hành nạo vét hệ thống kênh mương nội đồng, tu sửa trạm bơm, máy bơm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất. Bên cạnh đó, tỉnh cũng làm tốt công tác dự báo phòng trừ sâu bệnh, thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tạo thuận lợi tốt nhất cho bà con nông dân

trong sản xuất. Tính đến 13/02/2020, toàn tỉnh đã gieo cấy được 35, 2 nghìn ha, đạt 45,4% kế hoạch đề ra tập trung ở các huyện Đông Hưng, Thái Thụy, Hưng Hà, diện tích lúa đã cấy cây lúa sinh trưởng và phát triển tương đối tốt.

Bên cạnh việc làm tốt công tác gieo cấy lúa xuân đúng lịch thời vụ, bà con nông dân đang tích cực tranh thủ xuống đồng thu hoạch phần còn lại những diện tích cây màu vụ đông; đẩy nhanh tiến độ gieo trồng và chăm sóc cây màu vụ xuân; chủ yếu là các cây trồng truyền thống như: Ngô, lạc, khoai lang, đậu tương, khoai tây, dưa, bí các loại, rau đậu các loại... Tính đến 13/02/2019, diện tích cây màu xuân đã trồng đạt 9,4 nghìn ha, đạt 63,3% kế hoạch đề ra.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

TP. Đà Nẵng:

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng

Tháng 2/2020, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành công nghiệp TP. Đà Nẵng tăng 42,48% so với tháng cùng kỳ năm 2019, trong đó: Công nghiệp khai thác tăng 68,11%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 44,01%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 36,37%; sản xuất nước và xử lý rác thải tăng 17,67%.

Cộng dồn 2 tháng đầu năm 2020, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 4,53%, ngành khai khoáng tăng 21,2%, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,54%, ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện tăng 24,32%, ngành sản xuất nước và xử lý rác thải tăng 12,83%.

Theo Cục Thống kê TP. Đà Nẵng, một số sản phẩm có mức tăng cao hơn so với mức tăng chung của toàn ngành như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 49,20%; sản xuất hóa chất và sản phẩm từ hóa chất tăng 43,79%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 15,84%; sản xuất và phân phối điện tăng 24,32%... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm như: Sản xuất trang phục; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất giường, tủ, bàn ghế...

Nếu cộng dồn đến tháng 2/2020, nhiều sản phẩm công nghiệp tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước như: Đá xây dựng, tôm đông lạnh, thịt cá đông lạnh giấy copy, vải dệt thoi, đồ nội thất bằng gỗ khác chưa được phân vào đâu, thiết bị câu cá... Một số sản phẩm giảm như: Bia đóng chai, bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, sản phẩm in, xi măng.../.

Nguồn: Cục Thống kê TP. Đà Nẵng

KHẮC PHỤC CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU DÂN SỐ GIỮA CÁC TIÊU CHÍ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI DO BỘ, NGÀNH HƯỚNG DẪN

ThS. Trần Thanh Bình

Phó Cục trưởng CTK tỉnh Hà Tĩnh

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) hàng năm theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ thực sự trở thành một phong trào có ý nghĩa nhân văn, được cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân Hà Tĩnh đồng tình, ủng hộ, khơi dậy được những lợi thế, tiềm năng của địa phương và phát huy vai trò chủ thể của người dân, nhất là ở vùng nông thôn. Qua 10 năm thực hiện, bộ mặt nông thôn Hà Tĩnh có nhiều thay đổi đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp một số khó khăn, nhất là chênh lệch số liệu dân số giữa các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Hà Tĩnh đã đạt được nhiều thành quả nổi bật, làm thay đổi rõ nét nông nghiệp, nông thôn, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh; Các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra đến năm 2020. Bình quân mỗi xã đạt 18,3 tiêu chí (tăng 14,8 tiêu chí so với năm 2010); có 173 xã đạt chuẩn (chiếm 75,5% tổng số xã); không còn xã dưới 12 tiêu chí; có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Hương Trà huyện Hương Khê, Tùng Ảnh huyện Đức Thọ, Tượng Sơn huyện Thạch Hà), huyện Nghi Xuân đạt chuẩn nông thôn mới;

thị xã Hồng Lĩnh và thành phố Hà Tĩnh có 100% số xã đạt chuẩn; tỷ lệ hộ nghèo còn 5,82%; thu nhập bình quân đầu người đạt 30,5 triệu đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc, khó khăn; đặc biệt là chênh lệch số liệu dân số giữa các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

Quá trình tổng hợp số liệu của 23 xã do các Sở, ngành hướng dẫn, đánh giá, thẩm định (năm 2017), số liệu so với tình hình chung 30.082 hộ và 106.051 nhân khẩu, có một số tiêu chí bị chênh lệch như sau: Tiêu chí Hộ về điện bằng 107,60% (tăng 2.286 hộ); Tiêu chí Hộ về nhà ở bằng 94,34% (giảm 1702 hộ); Tiêu chí về Hộ nghèo bằng 98,58% (giảm 426 hộ);

Tiêu chí Hộ về môi trường bằng 96,05% (giảm 1.189 hộ); Tiêu chí về thu nhập bằng 97,36% (giảm 2802 người); Tiêu chí bảo hiểm y tế bằng 94,36% (giảm 5.978 người). Nếu so với số liệu dân số tình hình chung thì một số tiêu chí và một số xã không hoàn thành thực hiện xây dựng nông thôn mới của năm đánh giá thẩm định.

Những nguyên nhân chính dẫn đến chênh lệch số liệu đó là do các ngành đang dựa vào và kế thừa những văn bản chuyên môn chuyên sâu hướng dẫn của từng ngành độc lập; thiếu văn bản thống nhất về nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu, kỳ công bố, cơ quan chịu trách nhiệm... giữa các ngành; từ khâu xây dựng các văn bản quy phạm

pháp luật đến công tác thực thi các văn bản quy phạm pháp luật.

Cụ thể: Chưa có văn bản hướng dẫn về tình hình chung của xã liên quan đến số hộ, số người; Tiêu chí Điện trong xây dựng nông thôn mới có tiêu chuẩn 4.2: Tỷ lệ hộ sử dụng thường xuyên an toàn từ các nguồn >98% (theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương), nhưng chuyên ngành lại đánh giá tỷ lệ hộ sử dụng điện và tỷ lệ công tơ có cấp chì (thiếu cụm từ an toàn); Tiêu chí Nhà ở dân cư theo yêu cầu Quyết định 1980/QĐ-TTg là tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn (3 cứng) theo quy định của Bộ Xây dựng, nhưng khi thống kê lại là thống kê tỷ lệ nhà đạt chuẩn mà không thống kê hộ thực tế. Thống kê về tỷ lệ nhà ở thì chính xác hơn nhưng lại không có số liệu về hộ để kiểm tra, kiểm soát và đánh giá.

Tiêu chí Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo QĐ số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về nghèo đa chiều; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020, tính bằng số hộ nghèo theo tiếp cận đa chiều của xã/tổng số hộ của xã X (nhân với) 100%. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo trong đánh giá NTM theo Công văn số 4999/LĐTBXH-KHTC ngày 12/12/2016 của Bộ LĐTBXH sau khi trừ hộ nghèo theo bảo trợ xã hội (BTXH) khác với nghèo đa chiều và phương pháp cả tử số và mẫu số cũng trừ đi một “số hộ nghèo bảo trợ xã hội” là chưa chính xác;

(6) Tiêu chí về y tế trong NTM được thực hiện theo Thông tư

41/2013/TT-BNNPTNT và Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 về Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đến năm 2020. Trong đó Tiêu chí (15.1) Tỷ lệ người dân tham gia BHYT là tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia tất cả các loại hình BHYT. Tỷ lệ này được tính theo quy định tại Điểm 2, Mục II Hệ thống các biểu mẫu thống kê hoạt động của BHYT được ban hành kèm theo Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 12/10/2009, như sau: Tổng số người tham gia BHYT chia (:) cho tổng số dân trong xã nhân (x) 100%.

Để khắc phục tình trạng chênh lệch số liệu dân số giữa các tiêu chí đánh giá xây dựng NTM, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Sử dụng số liệu dân số trung bình: Tùy theo mục đích nghiên cứu mà sử dụng số liệu dân số: đầu năm, cuối năm và số liệu trung bình. Do đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện xây dựng NTM thường vào cuối năm, có thể sử dụng số liệu cuối năm. Để thống nhất sử dụng số liệu nên quy định sử dụng số liệu trung bình.

Mỗi ngành đều có chức năng, nhiệm vụ và theo dõi nghiên cứu chuyên sâu để xây dựng, phát triển về ngành và lĩnh vực; do đó mục đích nghiên cứu, phạm vi, khái niệm và phương pháp tính các tiêu chí có sự khác nhau, dẫn đến kết quả số liệu khác nhau do vậy, cần thống nhất sử dụng nguồn số liệu từ Ngành Thống kê để đảm bảo tính khách quan.

Cần nâng cao tính phối hợp hiệu quả giữa các Bộ, ngành để thực hiện nghiêm túc, đúng mục tiêu theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Mỗi Bộ, ngành đều có

chức năng và nhiệm vụ từ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực thi các văn bản đã ban hành, cần có sự phối hợp chặt chẽ và thống nhất cao trong quá trình xây dựng, ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản./.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thanh Bình (2019), “Sáng kiến cấp Bộ Giải pháp khắc phục chênh lệch số liệu dân số giữa các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới do Bộ, ngành hướng dẫn”;

2. Trần Thanh Bình (2014), “Giải Nhì cá nhân Cuộc thi tìm hiểu phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới 2012-2014” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức.

3. Trần Thanh Bình (2013), “Ngành Thống kê với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”, Thông tin Khoa học Thống kê, số 05/2013;

4. Trần Thanh Bình (2013), “Cơ sở lý luận và thực tiễn tính tiêu chí thu nhập cấp xã trong xây dựng nông thôn mới”, Thông tin Khoa học Thống kê, số 06/2013;

5. Trần Thanh Bình (2013), “Xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh”, Tạp chí Con số và Sự kiện, số 08/2013;

6. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2017), Quyết định số 2855/QĐ-UBND của UBND tỉnh về thành lập Đoàn Liên ngành kiểm tra, đánh giá các xã đạt chuẩn NTM từ năm 2015 trở về trước và thẩm định kết quả xét công nhận đạt chuẩn năm 2017, ngày 03/10/2017.

7. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2018), Quyết định 2043/QĐ-UBND về thành lập Đoàn Liên ngành kiểm tra, đánh giá các xã đạt chuẩn NTM từ năm 2015 trở về trước, ngày 06/7/2018.



Theo các chuyên gia kinh tế, dù vẫn còn quá sớm để đánh giá triển vọng của thị trường toàn cầu, song đại dịch viêm phổi cấp do virus Corona (Covid – 19) gây ra ở Trung Quốc và đang lan rộng khắp thế giới, không chỉ ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới mà còn tác động mạnh đến nền kinh tế toàn cầu ngay trong những ngày đầu năm 2020.

DỊCH COVID-19 đang "phủ bóng đen" lên kinh tế toàn cầu

Tiến Long

Dịch Covid-19 diễn biến khó lường

Theo Ủy ban Y tế Quốc gia Trung Quốc (NHC), tính đến ngày 9/3/2020, tổng số ca nhiễm và số người chết trong dịch Covid-19 của Trung Quốc lần lượt là 80.735 và 3.119. Các chuyên gia cho biết, mặc dù có xu hướng bị kiểm chế ở Trung Quốc, song mối đe dọa của dịch Covid -19 không thuyên giảm và đang lan rộng ra nhiều nước châu Á, châu Âu và Mỹ. Tính đến ngày 9/3/2020, thế giới đã có 110.026 người mắc bệnh và 3.828 người tử vong; 103 quốc gia/vùng lãnh thổ trên toàn cầu ghi nhận trường hợp mắc bệnh.

Hàn Quốc được coi là ổ dịch

lớn nhất ngoài Trung Quốc. Theo hãng thông tấn Yonhap, Hàn Quốc là nước có số ca nhiễm Covid 19 nhiều nhất sau Trung Quốc và đã phải nâng mức cảnh báo lên mức cao nhất. Số ca nhiễm Covid-19 tại nước này đã tăng lên nhanh chóng, lúc đầu từ vài chục và tăng dần lên đến vài nghìn trường hợp. Tính đến ngày 9/3/2020, Hàn Quốc đã có 7.382 người mắc bệnh và 53 người đã tử vong.

Còn tại châu Âu, theo đài NPR (Mỹ), Italy đã nhanh chóng trở thành điểm nóng mới của dịch Covid-19 khi có thêm hàng nghìn ca nhiễm bệnh. Tính đến ngày 9/3/2020, Italy có 7.375 ca nhiễm Covid-19 và 366 người chết,

là nước có số ca tử vong cao nhất ngoài Trung Quốc. Tại thời điểm này, Italy là một trong những quốc gia ở châu Âu bị tác động mạnh nhất bởi dịch bệnh. Nhiều nước liên minh châu Âu đã lo ngại dịch bệnh sẽ lan rộng vì tại khu vực này, người dân và du khách có thể đi lại tự do giữa các nước.

Iran là quốc gia có số ca tử vong cao thứ hai ngoài Trung Quốc và đang trở thành mối đe dọa cho cả khu vực Trung Đông. Theo kênh CNBC (Mỹ), tính tới 9/3/2020, Iran xác nhận ca tử vong thứ 194 ở nước này do Covid -19 và 6.566 ca nhiễm bệnh. Trong đó, Thứ trưởng y tế Iran cũng nhiễm virus và có thể đã lây nhiễm cho nhiều người khác.

Tốc độ lây lan virus nhanh chóng ở Iran cho thấy rủi ro lớn cho cả khu vực Trung Đông. Một số nước như Iraq, Kuwait, Afghanistan, Bahrain, Liban, các tiểu vương quốc Arab thống nhất và Oman đã có những ca nhiễm bệnh Covid-19 đầu tiên. Tất cả đều liên quan tới Iran, làm dấy lên lo ngại dịch bùng phát rộng hơn ra toàn khu vực.

Trước những diễn biến phức tạp và khó lường của dịch Covid-19, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã tuyên bố, thế giới cần nỗ lực hơn nữa nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19 và chuẩn bị cho nguy cơ xảy ra đại dịch toàn cầu.

Thiệt hại kinh tế khổng lồ

Trước diễn biến nghiêm trọng của dịch bệnh viêm phổi cấp do virus Corona tại Trung Quốc, nhiều chuyên gia kinh tế đưa ra ước tính về thiệt hại kinh tế mà nước này có thể phải gánh chịu dù con số khó tính toán chính xác ở thời điểm hiện tại.

Một số cơ quan truyền thông nhà nước Trung Quốc và các nhà kinh tế dự báo rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới này có thể giảm tới 2 điểm phần trăm trong quý đầu năm 2020, so với mức 6% của quý IV/2019. Mức giảm này tương đương với khoản tổn thất 62 tỷ USD. Đây có thể vẫn chưa là con số cuối cùng khi vẫn còn quá sớm để xác định chính xác mức độ tác động từ dịch viêm phổi cấp do virus Corona gây ra đối với các doanh nghiệp và ngành nghề.

Cơ quan Tình báo Kinh tế (EIU) ước tính, dịch bệnh Covid-19 có thể làm Trung Quốc giảm từ 0,5 đến 1 điểm phần trăm tăng trưởng GDP thực tế trong năm 2020, thậm chí sẽ chỉ còn tăng trưởng khoảng 4,9% GDP; trong đó, chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là du lịch và vận tải (hàng không



và công ty lữ hành). Thậm chí, nền kinh tế Trung Quốc có thể bước vào trạng thái “ngủ đông”...

Hiện nay, có hơn 300 trong tổng số 500 tập đoàn hàng đầu thế giới đang đầu tư tại Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Tình hình dịch bệnh đã khiến nhiều nhà máy, xí nghiệp buộc phải đóng cửa, tạm ngừng sản xuất. Nhà sản xuất ô tô Honda Motor cho biết sẽ hoãn khởi động trở lại hoạt động sản xuất tại nhà máy của hãng ở tỉnh Hồ Bắc. Toyota Motor sẽ kéo dài thời gian đóng cửa các nhà máy ở Trung Quốc. Nhà sản xuất ô tô điện Tesla của Mỹ buộc phải tạm thời đóng cửa nhà máy xây dựng mới ở Thượng Hải. Hoạt động sản xuất của Apple cũng bị gián đoạn do các nhà cung cấp ở Vũ Hán phải ngừng hoạt động... Điều này khiến nền kinh tế Trung Quốc và thế giới chịu nhiều tổn thất nặng nề.

Dịch Covid-19 làm gia tăng nguy cơ suy thoái ở các quốc gia khác. Theo phân tích của trang Nikkei Asian Review và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Nhật Bản dựa trên số liệu từ Ủy ban châu Âu, nếu sản lượng chế tạo của Trung Quốc giảm 10 tỷ USD thì Hàn Quốc thiệt hại đến 500 triệu USD, các quốc gia và vùng lãnh thổ của thế giới

có thể lên đến khoảng 6,7 tỷ USD; nếu khi tính đến cả ảnh hưởng gián tiếp có thể lên đến khoảng 65 tỷ USD.

Mỹ chịu tác động bởi sự gián đoạn nguồn cung linh kiện từ Trung Quốc (Apple phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Quốc cho các sản phẩm như điện thoại thông minh); Đài Loan (Trung Quốc) là nhà cung cấp chính các linh kiện điện tử cho Trung Quốc và hoạt động thương mại với đại lục chiếm đến 36% tổng kim ngạch thương mại của Đài Loan. Con số này với Hàn Quốc là 28%, Nhật Bản là 22%, Đức là 6%...

Viện Nghiên cứu Daiwa dự báo, trong kịch bản lạc quan nhất, nếu Covid-19 được chặn đứng trong vòng ba tháng tới, dịch bệnh này vẫn sẽ khiến Nhật Bản thiệt hại hơn 9 tỷ USD và khiến GDP của nước này giảm 0,14% trong năm 2020, do du khách Trung Quốc tới nước này có thể giảm 1 triệu lượt.

Không chỉ Trung Quốc, Nhật Bản có nguy cơ chịu tác động từ dịch bệnh Covid-19, tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc dự báo sẽ giảm khoảng 0,1-0,2% trong năm 2020 trong bối cảnh dịch đang lây lan nhanh chóng. Nền kinh tế Hàn Quốc đang chịu “tổn thương”



khi dịch bệnh trở nên khó kiểm soát, bởi Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của xứ "kim chi". Các chuyên gia dự báo kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc sẽ giảm từ 150 -250 triệu USD và sản xuất công nghiệp của Hàn Quốc sẽ bị ảnh hưởng vì sự bùng phát dịch ở Trung Quốc.

Đặc biệt, các nhà sản xuất thiết bị điện, ô tô của Hàn Quốc đang đau đầu do thiếu nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc. Đơn cử, các nhà máy của Hyundai tại Hàn Quốc buộc phải ngừng sản xuất vì thiếu phụ tùng. Nhu cầu tiêu dùng cũng sụt giảm do người dân ở nhà để tránh dịch bệnh, nhất là khi Tổng thống Hàn Quốc xác nhận tình hình dịch Covid-19 "rất nghiêm trọng".

Có thể nói, dịch bệnh Covid-19 đang và sẽ tác động ngày càng tiêu cực và toàn diện đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt tại những nước có người nhiễm bệnh và các quốc gia khác có quan hệ kinh tế chặt chẽ với các nước này. Điều này sẽ đe dọa đà phục hồi kinh tế vốn đang rất mong manh của kinh tế toàn cầu.

Trước bối cảnh đó, một loạt các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới đã bước đầu đưa ra dự báo về

ảnh hưởng của dịch bệnh tới tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Trung Quốc nói riêng. Hầu hết các tổ chức quốc tế đều đưa ra nhận định không mấy khả quan về tình hình kinh tế thế giới trong nửa đầu năm 2020. Theo đó, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ rơi vào thời kỳ tối tệ nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.

Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody's (Mỹ) dự báo, đại dịch sẽ khiến kinh tế thế giới nói chung và Mỹ nói riêng rơi vào suy thoái trong nửa đầu năm 2020.

Nhóm các chuyên gia của Bank of America dự báo, tăng trưởng GDP toàn cầu năm nay sẽ chỉ đạt 2,8%, mức thấp nhất kể từ năm 2009. Họ cũng cho rằng nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng chậm nhất trong vòng 4 năm qua.

Trong khi đó, các chuyên gia kinh tế của Công ty tư vấn Oxford Economics (Anh) ước tính, dịch Covid-19 có thể khiến nền kinh tế toàn cầu thiệt hại 1.100 tỉ USD do năng suất lao động sụt giảm, sản xuất đình trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, thương mại và đầu tư giảm, ngành du lịch bị trúng đòn... Kinh tế Mỹ và khu vực đồng Euro cũng sẽ bị suy thoái trong nửa đầu năm 2020.

Theo hãng tin Bloomberg, dịch Covid-19 có thể ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu, thậm chí gây thiệt hại lớn gấp 3 - 4 lần so với dịch SARS (Hội chứng hô hấp cấp) từng xảy ra vào năm 2003. Ước tính, tổn thất do dịch Covid-19 gây ra có thể lên đến 160 tỷ USD. Các chuyên gia Bloomberg cho rằng, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh chóng trong 17 năm qua nên tác động của dịch bệnh tại TP. Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc) sẽ ảnh hưởng tới tăng trưởng toàn cầu đáng kể hơn nhiều so với dịch SARS năm 2003.

Kể từ năm 2003 (thời điểm dịch SARS bùng phát tại Trung Quốc), hiện tỷ trọng sản lượng kinh tế toàn cầu của Trung Quốc đã tăng gấp 4 lần, lên khoảng 17%. Trung Quốc đang là thị trường lớn nhất của xe hơi và chất bán dẫn, nhà chi tiêu lớn nhất cho du lịch quốc tế, nhà xuất khẩu hàng may mặc và dệt may hàng đầu.

Bloomberg cho hay, nhiều cửa hàng, công xưởng lớn đã đóng cửa tại Trung Quốc để theo dõi tình hình dịch bệnh. Starbucks đóng cửa hơn 2.000 cửa hàng, trong khi McDonald's cũng đóng cửa hàng trăm nhà hàng. Walt Disney cũng đóng cửa công viên giải trí ở Thượng Hải và Hong Kong (Trung Quốc). Trong khi đó, Apple đang đối mặt với việc thiếu công nhân cho các dây chuyền lắp ráp. Các công ty có hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan nhiều với Trung Quốc, từ Starbucks đến Tesla, hiện vẫn chưa công bố dự đoán về mức độ ảnh hưởng do nCoV.

Quý Tiên tệ Quốc tế (IMF) nhận định, dịch Covid-19 có thể khiến tốc độ tăng trưởng của kinh tế toàn cầu năm 2020 giảm khoảng 0,1 điểm phần trăm so với mức dự báo 3,3% đưa ra vào tháng 1/2020. Riêng kinh tế Trung Quốc, nơi khởi phát dịch bệnh, có thể chỉ tăng trưởng 5,6% trong năm nay, giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo được đưa ra hồi tháng 1.

Có thể nói, dù còn quá sớm để có con số thống kê đầy đủ và chi tiết về tác động của Covid-19 gây ra cho kinh tế thế giới, song nó đã và đang trực tiếp gây ra những hệ lụy ban đầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chuỗi cung ứng toàn cầu. Vì vậy, thời điểm này, các quốc gia cần chuẩn bị các kịch bản để ứng phó hiệu quả với tình hình dịch bệnh, sẵn sàng hồi phục sản xuất kinh doanh khi dịch bệnh đi qua./

Báo cáo hội nhập ASEAN 2019

Bích Ngọc



Báo cáo hội nhập ASEAN (ASEAN Integration Report) là một trong những ấn phẩm chủ lực của Ban Thư ký ASEAN, được công bố thường niên kể từ năm 2015 đến nay. Báo cáo hội nhập ASEAN 2019 (ASEAN Integration Report 2019 – AIR 2019) được phát hành vào thời điểm kinh tế toàn cầu đang có những bất ổn, có nhiều mối đe dọa tới triển vọng phát triển kinh tế của khu vực cùng với chủ nghĩa bảo hộ đang ngày càng lan rộng, tạo nên những áp lực ngày càng tăng đối với chủ nghĩa đa phương và nguy cơ suy thoái.

Báo cáo hội nhập ASEAN 2019 có khoảng trên 200 trang. Phần nội dung chính của báo cáo gồm 5 chương. Ngoài chương giới thiệu và chương kết luận, Báo cáo hội nhập ASEAN 2019 có 3 chương trọng tâm với nhiều bảng, biểu, số liệu, là: Môi trường kinh tế vĩ mô (gồm 10 trang); Cộng đồng kinh tế ASEAN - những tiến bộ và thành tựu (130 trang); Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (11 trang). Sau đây là một số nội dung chính của báo cáo:

Chương **Môi trường kinh tế vĩ mô**, đề cập về bối cảnh kinh tế vĩ mô và những kết quả phát triển nổi bật của ASEAN trong quá trình hội nhập kinh tế. Chương này phân tích các xu hướng kinh tế trong khu vực dựa trên các sự kiện chính và các chính sách được thực hiện trong giai đoạn 2010-2018. Theo đó, tăng trưởng GDP ở các nền kinh tế tiên tiến trên thế giới có xu hướng chậm lại do sự phát triển kém đi của ngành công nghiệp sản xuất, những bất ổn chính trị và thiên tai; các nền kinh tế mới nổi cũng suy giảm tăng trưởng do việc thắt chặt tài chính và những điều kiện kinh tế không ổn định. Trong khi đó, nền kinh tế ASEAN lại thể hiện vượt trội so với nền kinh tế toàn cầu. Năm 2018, thị phần của ASEAN trong nền kinh tế toàn cầu được mở rộng khi GDP của khu vực chiếm 3,5% GDP toàn cầu và ASEAN đã vươn lên vị trí thứ năm trong số các nền kinh tế lớn nhất thế giới, với ước tính GDP danh nghĩa đạt mức 3,0 nghìn tỷ USD.

Trong chương **Cộng đồng kinh tế ASEAN - những tiến bộ và thành tựu**, đề cập đến sự tiến bộ và những thành tựu của các yếu tố khác nhau theo 5 đặc trưng tác động qua lại lẫn nhau của Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN

đến 2025 là: (i) Một nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết; (ii) Một ASEAN cạnh tranh, đổi mới và năng động; (iii) Nâng cao kết nối và hợp tác chuyên ngành; (iv) Một ASEAN có sức bật, phát triển toàn diện, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm; (v) Một ASEAN toàn cầu, đóng vai trò tích cực trong các kiến trúc kinh tế khu vực và toàn cầu.

Thứ nhất, một nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết. ASEAN và các quốc gia thành viên đang ngày càng trở thành những nền kinh tế mạnh mẽ hơn trong thương mại toàn cầu. Thương mại hàng hóa trong khu vực đã tăng lên đáng kể từ 2 nghìn tỷ USD năm 2010 lên 2,8 nghìn tỷ USD năm 2018, tương đương 7,2% thương mại toàn cầu. Ngoại trừ năm 2015 và 2016, xuất khẩu hàng hóa của khu vực liên tục tăng trong giai đoạn này và đạt trên 1,4 nghìn tỷ USD vào năm 2018. Đồng thời, nhập khẩu hàng hóa cũng có xu hướng tăng và đạt gần 1,4 nghìn tỷ USD năm 2018. Giá trị nhập khẩu luôn thấp hơn giá trị xuất khẩu, cho thấy một cán cân thương mại tích cực của khu vực. Giá trị thương mại hàng hóa nội khối khu vực ASEAN chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng thương mại của khu vực khi chiếm 23,0% năm 2018. Các quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và Liên minh châu Âu đồng thời là những thị trường xuất khẩu cũng như nhập khẩu quan trọng của ASEAN.

Hình 1. Thương mại hàng hóa khu vực ASEAN, giai đoạn 2010-2018



Nguồn: Ban Thư ký ASEAN

Được coi là động lực mới cho tăng trưởng trong ASEAN, dịch vụ tiếp tục là lĩnh vực kinh tế quan trọng và đang phát triển trong khu vực. Lĩnh vực này đóng góp lớn nhất trong tổng GDP của khu vực năm 2018 với tỷ lệ 50,1%.

Thứ hai, một ASEAN cạnh tranh, đổi mới và năng động. Thực hiện Kế hoạch hành động cạnh tranh ASEAN 2016-2025 (ACAP), 9/10 quốc gia thành viên ASEAN đã ban hành Luật cạnh tranh là Indonesia, Thái Lan (1999); Singapore, Việt Nam (2004); Malaysia (2010); Myanmar, Brunei Darussalam, Philippines và Lào (2015). Campuchia dự kiến sẽ ban hành dự thảo luật cạnh tranh trong thời gian tới. Bên cạnh đó, lộ trình xây dựng năng lực khu vực ASEAN 2017-2020 được hoàn thành vào năm 2017. Trong năm 2018 đã có 31 hoạt động xây dựng năng lực được thực hiện ở cấp khu vực, tiểu khu vực và quốc gia về các chủ đề khác nhau, đồng thời tiến hành thu thập dữ liệu để đo lường số lượng các sáng kiến cạnh tranh đã hoàn thành.

Việc hợp tác về bảo vệ người tiêu dùng ở ASEAN được thực hiện tập trung nhiều hơn vào việc thiết lập nền tảng, chia sẻ thông tin, trao đổi và xây dựng năng lực theo Kế hoạch tổng thể AEC 2015, bằng việc tăng cường khung thể chế để thực thi hiệu quả luật bảo vệ người tiêu dùng, tăng cường nhận thức của người tiêu dùng và doanh nghiệp, cũng như tăng cường hợp tác khu vực để giải quyết các vấn đề của người tiêu dùng xuyên biên giới và đưa các điều khoản bảo vệ người tiêu dùng vào các kế hoạch hành động của các cơ quan trong khu vực. Theo đó, 9/10 nước thành viên đã ban hành luật bảo vệ người tiêu dùng, riêng Campuchia sẽ ban hành Luật bảo vệ người tiêu dùng vào đầu năm 2020. Ngoài ra, Bộ công cụ tự đánh giá ASEAN cũng được phát triển để xem xét việc bảo vệ người tiêu dùng của các quốc gia thành viên ASEAN (AMS).

Thứ ba, nâng cao kết nối và hợp tác chuyên ngành trong các lĩnh vực:

Vận tải; Công nghệ thông tin truyền thông; Thương mại điện tử; Năng lượng; Lương thực, nông, lâm nghiệp; Du lịch; Khoáng sản; Khoa học và công nghệ.

Thứ tư, một ASEAN có sức bật, phát triển toàn diện, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm. Để tăng cường vai trò của doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, một loạt các biện pháp đã được thực hiện như: Hình thành thị trường ASEAN, trung tâm dịch vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ ASEAN; xây dựng chương trình giảng dạy chung khu vực ASEAN cho tinh thần doanh nhân; Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực. Ngoài ra, xây dựng Kế hoạch Hành động Chiến lược Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2016-2025, nhằm đạt được mục tiêu đến năm 2025 tạo ra sự cạnh tranh toàn cầu; tăng cường sức mạnh và đổi mới các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực; kết nối thông suốt với cộng đồng ASEAN và chuỗi giá trị khu vực.

Bên cạnh đó, từ năm 2016 đến 2018, đã có tổng cộng 144 cam kết chính thức của ASEAN với khu vực tư nhân trên cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thực hiện để tăng cường vai trò của khu vực tư nhân. Các quốc gia thành viên đồng thời tổ chức các cuộc đối thoại thường xuyên với Hội đồng đối tác như: Hội đồng doanh nghiệp Canada-ASEAN, Hội đồng doanh nghiệp Mỹ-ASEAN và Hội đồng kinh doanh Đông Á.

Về vấn đề thu hẹp khoảng cách phát triển, số liệu thống kê của khu vực cho thấy, tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của ASEAN đạt 5,3% trong giai đoạn 2000-2018, các nền kinh tế nhỏ hơn như CLMV (Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam) có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn so với các nền kinh tế

lớn hơn hoặc ASEAN-6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan). Với nhiều hành động cụ thể được thực hiện, đến nay cả 4 quốc gia CLMV đã vươn lên vào nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Cùng với đó, các nước CLMV cũng có sự tăng trưởng thương mại và đầu tư mạnh mẽ hơn so với ASEAN-6 trong giai đoạn này.

Thứ năm, một ASEAN toàn cầu. ASEAN đã thực hiện các biện pháp để đạt mục tiêu trở thành nền kinh tế tích cực trên toàn cầu. Kể từ khi thành lập AEC vào tháng 12/2015, ASEAN đã có những bước tiến trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Kể từ năm 2009, Trung Quốc đã thay thế Mỹ và Nhật Bản để trở thành đối tác thương mại bên ngoài lớn nhất của ASEAN, với thương mại song phương ước đạt 483,1 tỷ USD vào năm 2018. Bên cạnh đó, ASEAN và các nước thành viên đã tích cực tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương với nhiều nền kinh tế trên toàn cầu.

Chương **Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư**, gồm 11 trang, phân tích sâu về sự chuẩn bị của ASEAN cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với nhiều công việc cụ thể. Theo đó, Ban thư ký ASEAN được giao thực hiện đánh giá mức độ sự sẵn sàng hoặc sẵn sàng của SEAN và các nước thành viên về đổi mới và công nghệ; nguồn lực con người; khung pháp lý; cơ sở hạ tầng và kết nối; tăng trưởng bao trùm và bền vững. Mặt khác, ASEAN đã và đang chuẩn bị cho các cuộc đối thoại và tham vấn trụ cột về CMCN 4.0. Bên cạnh những cơ hội, ASEAN cũng nhìn nhận những rủi ro, thách thức mà CMCN 4.0 đang mang lại cho khu vực và tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận các bước đi tiếp theo của khu vực./

Cao Bằng:

Huy động các nguồn lực hoàn thiện hạ tầng giao thông

Với đặc thù là tỉnh miền núi, địa hình rộng, lại xa các đô thị lớn, tỉnh Cao Bằng xác định việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông có vai trò đặc biệt quan trọng trong thu hút đầu tư nhằm khai thác và phát huy các thế mạnh địa phương.

Thực hiện Chương trình số 09-Ctr/TU của Tỉnh ủy Cao Bằng về phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ngành Giao thông Vận tải Cao Bằng đã tham mưu để Tỉnh đề xuất, kiến nghị Trung ương tiếp tục bố trí vốn; đồng thời huy động ngân sách địa phương và tạo cơ chế thu hút doanh nghiệp, người dân đóng góp phát triển kết cấu giao thông đạt kết quả cao.

Xuất phát từ cách làm mới trong việc xác định danh mục các công trình cấp bách cần làm trước, Tỉnh tập trung dành nguồn lực đầu tư trọng điểm, không dàn trải, xây dựng một số tuyến giao thông trọng điểm tạo đột phá như tuyến kết nối các khu, điểm du lịch và phát triển kinh tế của khẩu và đô thị.

Trong điều kiện nguồn lực của địa phương còn hạn chế, Tỉnh đã đề xuất Chính phủ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó có tuyến đường bộ cao tốc Trà Lĩnh (Cao Bằng) - Đồng Đăng (Lạng Sơn) được xác định là trục đột phá, tạo động lực cho phát triển kinh tế địa phương. Tỉnh đã đề xuất phương án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Trong đó, Cao Bằng cam kết đóng góp gần 2.500 tỷ đồng từ ngân sách địa phương, cùng vốn ngân sách nhà nước và vốn của nhà đầu tư thực hiện dự án. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính bố trí 100 tỷ đồng hỗ trợ tỉnh giải phóng mặt bằng.



Đầu tư hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển kinh tế các huyện của Cao Bằng

Đến nay, việc triển khai dự án cao tốc Trà Lĩnh - Đồng Đăng đã đạt những kết quả tích cực.

Bên cạnh đó, nhiều công trình giao thông trọng điểm khác cũng được triển khai đầu tư, đơn cử như tuyến đường từ động Hang Dơi (xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang) đến khu du lịch thác Bản Giốc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh), tổng dự toán 109 tỷ đồng; dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 211 (Trùng Khánh - Trà Lĩnh) tổng dự toán đầu tư gần 256 tỷ đồng; dự án đường phía nam khu đô thị mới TP. Cao Bằng, tổng vốn đầu tư gần 647 tỷ đồng,... Các dự án trên cùng với các tuyến quốc lộ, cao tốc trong tương lai sẽ tạo nên hệ thống giao thông đồng bộ, kết nối liên hoàn giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn đáp ứng tốt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Cao Bằng.

Đối với giao thông nông thôn, Tỉnh ban hành cơ chế "Nhà nước và Nhân dân cùng làm", tùy từng tuyến đường Nhà nước có mức hỗ trợ cụ thể về vật liệu chính (cát, đá, xi măng, thép), phần còn lại huy động nhân dân đóng góp. Với cách làm trên, cùng sự vào cuộc quyết liệt của các địa phương, từ năm 2010 đến nay, tỉnh Cao Bằng đã đầu tư hơn 3.700 tỷ đồng xây dựng, phát triển mạng lưới giao thông nông thôn; trong đó, có gần 1.000 tỷ đồng từ ngân sách địa phương,

doanh nghiệp và nhân dân đóng góp. Trong đó, tiêu biểu nhất là huyện Hà Quảng (từ năm 2016 đến nay, Huyện đã đầu tư 276 tỷ đồng cải tạo, nâng cấp, mở mới 195 km đường giao thông).

Đến năm 2019, toàn tỉnh có 145/199 xã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa theo tiêu chuẩn của Bộ Giao thông Vận tải (chiếm 73%); Còn 54 xã có đường ô tô đến trung tâm xã nhưng chưa được cứng hóa (chủ yếu là đường đất, cấp phối) đều thuộc các xã khó khăn và diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020. Có 1.706/2.450 thôn bản có đường trục giao thông được cứng hóa, bê tông hóa không lầy lội vào mùa mưa (chiếm 70%).

Mạng lưới giao thông hoàn thiện đã tạo thuận lợi thúc đẩy sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Những tuyến đường liên xã, liên xóm, đường nội đồng được đầu tư mở rộng, vươn xa đã tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa cho người dân. Nhờ vậy, Nhiều miền quê vùng cao, vùng sâu, vùng xa của tỉnh Cao Bằng đã trở nên trù phú, thành những vùng chuyên canh hàng hóa, điểm du lịch hấp dẫn./.

Trịnh Long



Nâng cao năng lực các trang thiết bị y tế trong khám và điều trị bệnh tại Trung tâm

Trong tâm Y tế huyện Hạ Lang quy mô 65 giường bệnh theo kế hoạch; 05 phòng chức năng, 12 khoa chuyên môn; tổng số nhân lực là 98 người, trong đó có 26 bác sỹ. Thời gian qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, song đơn vị đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn.

Xác định chất lượng nhân lực giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, do đó Trung tâm đã cử cán bộ, nhân viên y tế đi tập huấn, đào tạo chuyên sâu về tay nghề, chuyển giao kỹ thuật mới. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế của Trung tâm thường xuyên tu dưỡng,

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HẠ LANG TỪNG BƯỚC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH

rèn luyện, tìm tòi học hỏi để áp dụng kiến thức mới phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; đồng thời tích cực đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, khám chữa bệnh, đảm bảo nhanh, gọn, chính xác.

Song song với đó, Trung tâm Y tế huyện Hạ Lang cũng luôn thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch, nhất là các dịch mới nổi, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, nhân lực sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có dịch xảy ra. Công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, nhất là vào dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn. Đặc biệt, Trung tâm luôn tăng cường thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện, Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã.

Với những biện pháp hiệu quả, thiết thực, công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Hạ Lang có những chuyển biến toàn diện;

số lượt người đến khám, điều trị bệnh đều cơ bản đạt chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm. Trong năm 2019, tổng số lần khám bệnh tại Trung tâm và các trạm y tế xã, thị trấn đạt gần 25,7 nghìn lượt người. Trung tâm thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, đảm bảo công tác chuyên môn, hạn chế để xảy ra tai biến, tai nạn trong điều trị.

Trong thời gian tới, Trung tâm Y tế huyện Hạ Lang sẽ tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế các khoa, phòng; Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và tinh thần thái độ phục vụ người bệnh. Cùng với đó, Trung tâm đảm bảo sử dụng thuốc điều trị chất lượng, hiệu quả, an toàn và hợp lý; Thực hiện chương trình mục tiêu y tế quốc gia gắn với thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới; Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tăng cường năng lực quản lý..., đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân./

P.V

QUẢNG UYÊN: ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH

Hoàng Văn Sóng

Giám đốc TTYT huyện Quảng Uyên

Trong những ngày cuối tháng 01/2020, Trung tâm Y tế huyện Quảng Uyên đã tham mưu cho UBND huyện ban hành Kế hoạch số 94/KH - BCĐ ngày 31/01/2020 của Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện Quảng Uyên về Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh viêm phổi cấp do chủng vi rút Corona trên địa bàn huyện Quảng Uyên; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cấp huyện. Trung tâm Y tế đã ban hành Kế hoạch Phòng chống dịch bệnh của đơn vị, Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, Quyết định kiện toàn đội phản ứng nhanh; Quyết định phân công viên chức thường trực cấp cứu

chống dịch, thường trực chống dịch cơ động trên phạm vi địa bàn huyện; Tổ chức các cuộc họp Ban giám đốc và lãnh đạo các khoa, phòng và Trạm Y tế xã, thị trấn triển khai, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh; Triển khai đầy đủ các văn bản, hướng dẫn các cấp cho toàn thể viên chức; Chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm Y tế xã, thị trấn triển khai, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở.

Trung tâm đã triển khai biện pháp cách ly điều trị ca bệnh nghi ngờ mắc bệnh do vi rút Corona tại khoa Truyền nhiễm, thực hiện triệt để các nghiệp vụ chuyên môn phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm theo quy định;

Tổ chức phun thuốc khử trùng các khu vực xã Hồng Định, xã Hồng Quang, tại Trung tâm Y tế huyện cơ sở 1, cơ sở 2; Tổ chức truyền thông, tuyên truyền cho nhân dân phòng, chống dịch bệnh Corona tại một số xóm trọng điểm. Treo các tờ rơi, áp phích tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh do vi rút Corona tại các khoa, phòng và các trạm Y tế xã, thị trấn; Chuẩn bị đầy đủ các phương án về nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế đảm bảo cho công tác phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

Theo dự kiến, Trung tâm Y tế huyện sẽ tổ chức phun thuốc khử trùng phòng, chống dịch bệnh tại Trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non, Giáo dục thường xuyên, Nội trú và Khu chợ trung tâm Quảng Uyên; Kết hợp truyền thông, tuyên truyền nhân dân biết cách phòng, chống dịch bệnh nói chung và bệnh viêm phổi cấp do vi rút Corona gây ra./

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẢO LẠC: CHĂM SÓC TỐT HƠN SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Xác định công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu, những năm qua, Trung tâm Y tế huyện Bảo Lạc đã vượt qua mọi khó khăn của một cơ sở y tế tuyến huyện để triển khai đồng bộ công tác chăm sóc toàn diện cho người bệnh. Nhờ vậy, y đức và chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên, góp phần củng cố niềm tin, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn.

Năm 2019, thực hiện chủ trương hợp nhất các đơn vị y tế trên địa bàn (bao gồm BVĐK, TTYT dự phòng và Trung tâm Dân số - KHHGD), TTYT huyện Bảo Lạc đã nhanh chóng tổ chức, sắp xếp khoa phòng chuyên môn đi vào hoạt động ổn định. Được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở Y tế Cao Bằng, huyện Bảo Lạc, cơ sở vật chất của TTYT huyện gồm: Bệnh viện trung tâm huyện và một số trạm y tế ở các xã được sửa chữa nâng cấp để đạt chuẩn quốc gia về y tế. Bên cạnh đó, thông qua các nguồn từ chương trình trái phiếu Chính phủ, Dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh miền núi phía Bắc (NUP), Trung tâm đã được trang bị thiết bị máy móc hiện đại như: Máy Monitor, máy chụp X Quang KTS, máy siêu âm màu, máy nội soi, máy xét nghiệm. Đây chính là điều kiện quan trọng để TTYT mở rộng phạm vi phục vụ, nâng cao công suất điều trị và chất lượng khám, chữa bệnh.

Mặt khác, để nâng cao chất lượng chuyên môn, thời gian qua, TTYT huyện Bảo Lạc đặc biệt quan tâm đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ban giám đốc TT luôn động viên, tạo điều kiện bố trí về thời gian, công việc để đội ngũ cán bộ tham gia các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn. Hiện, Trung tâm có 5 bác sĩ đang học CKI. Tổng số bác sĩ tại tuyến huyện là 32 người và tại các trạm là 10 người. TTYT huyện cũng đã được Sở Y tế thẩm định phê duyệt danh mục vượt tuyến trên 200 Kỹ thuật, trong đó,

nổi bật có các kỹ thuật sử dụng máy gây mê kẹp thở hoặc phẫu thuật cấp cứu sơ sinh...

Để người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS tiếp cận tốt hơn các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, TTYT huyện tham mưu cho UBND huyện trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đồng thời Trung tâm cũng bố trí cán bộ có kinh nghiệm về các xã, thị trấn làm tốt công tác chuyên môn, thực hiện theo bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Đến cuối năm 2019, toàn huyện có 11/17 xã thị trấn đạt và duy trì chuẩn Quốc gia về Y tế.

Với quan điểm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh phải đi đôi với thay đổi thái độ ứng xử, phục vụ bệnh nhân, TTYT huyện Bảo Lạc đã đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính, giảm phiền hà, rút ngắn thời gian chờ đợi cho người bệnh; đồng thời thực hiện quyết liệt các giải pháp nhằm "đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh" gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ y bác sĩ nên công tác tiếp đón, điều trị, chăm sóc bệnh nhân được đảm bảo chu đáo, kịp thời. Tính đến hết năm 2019, Trung tâm đã khám (cả tuyến huyện và xã) gần 67,5 nghìn lượt người, điều trị nội trú cho gần 6,7 nghìn lượt bệnh nhân (bằng 129% kế hoạch), thực hiện 351 ca phẫu thuật (bằng 87,8% kế hoạch), công suất sử dụng giường bệnh là 131%...



Một ca phẫu thuật nội soi tại TTYT huyện Bảo Lạc

Đối với công tác dự phòng và dân số, sau khi sáp nhập, TTYT huyện Bảo Lạc đã đạt được quả đáng ghi nhận, đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao. Công tác giám sát dịch bệnh được duy trì thường xuyên, thực hiện tốt các quy định về thông tin, thống kê, báo cáo theo quy định. Không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Công tác tiêm chủng đảm bảo an toàn không có tai biến xảy ra. Chương trình tiêm chủng mở rộng được triển khai tại các điểm tiêm trên địa bàn toàn huyện. Trung tâm cũng đã tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế tại địa phương, tạo sự chuyển biến mới về nhận thức và hành động; ý thức phòng, chống dịch bệnh của nhân dân được cải thiện. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng triển khai nhiều hoạt động truyền thông và cung cấp dịch vụ KHHGD tại các xã đặc biệt khó khăn và có tỷ lệ sinh cao; triển khai chương trình chăm sóc bà mẹ và trẻ em tại cộng đồng. Các chỉ tiêu về công tác dân số cũng đạt kế hoạch được giao./.

Đình Long

HUYỆN QUẢNG UYÊN

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



Tuần lễ học tập suốt đời được triển khai trong hệ thống giáo dục huyện Quảng Uyên

Thi đua dạy tốt, học tốt được Phòng Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT) huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng phát động đến toàn ngành phòng cũng triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT với chủ đề “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” gắn với thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”...

Hàng năm, Phòng GD&ĐT huyện Quảng Uyên tăng cường chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch GD&ĐT cụ thể đối với từng cấp học, phù hợp với thực tiễn địa phương. Đặc biệt, trong công tác chuyên môn, đã triển khai các hoạt động, chỉ đạo các trường hợp các tổ chuyên môn ngay từ đầu năm học để thống nhất chương trình, bài dạy; sắp xếp hợp lý năng lực giáo viên các khối lớp; đồng thời, kiểm tra chặt chẽ, bảo đảm 3 mặt: Kiến thức cơ bản, kiến thức vận dụng và kiến thức tư duy. Chỉ đạo các trường chủ động phối hợp

với chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ học sinh khó khăn để các em có điều kiện đến trường, hạn chế thấp nhất học sinh bỏ học; lồng ghép tổ chức các hoạt động vui chơi, hoạt động ngoại khóa, tạo môi trường giáo dục thân thiện để thu hút học sinh đến trường. Do đó, công tác quản lý giáo dục từng bước được đổi mới, chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng học sinh giỏi toàn huyện được nâng lên theo hướng bền vững.

Năm học 2018-2019, bậc THCS, số học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện 160/274 em (tỷ lệ đạt giải 58,3%); 30/47 em đạt học sinh giỏi cấp tỉnh (tỷ lệ đạt giải 63%). Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%, trong đó tốt nghiệp loại giỏi đạt 12,9%, khá đạt 44,4% và trung bình chiếm tỷ lệ 42,69%. Bậc Tiểu học đạt 83 giải trong cuộc thi Olympic môn Toán, Tiếng Việt cấp huyện; đạt 05 giải trong cuộc thi Olympic môn Toán, Tiếng Việt lớp 5 cấp tỉnh. Huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi,

đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Song song với việc đẩy mạnh chất lượng giáo dục, mạng lưới trường lớp, quy mô lớp học, phòng chức năng của các cấp học được Phòng GD&ĐT chỉ đạo quản lý có hiệu quả. Tập trung triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt, ưu tiên các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; chủ trương xã hội hóa cho giáo dục, thu hút đầu tư từ các tổ chức cá nhân, phi chính phủ (năm học 2018-2019, thu hút được trên 10 tỷ đồng) đã góp phần kiên cố hóa trường lớp, nâng cao chất lượng giáo dục địa phương, phát triển theo đúng quy hoạch. Vì thế, số trường đạt chuẩn quốc gia được tăng lên, năm học 2018-2019, huyện có thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường chuẩn quốc gia lên 11/46 trường (phần đầu xây dựng thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia trong năm học 2019-2020).

Từ những đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục tỉnh nhà, năm học 2018-2019 nhiều tập thể, cá nhân trong ngành giáo dục huyện Quảng Uyên được công nhận là Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp sở, Tập thể lao động tiên tiến cấp huyện, Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh, Tập thể được nhận bằng khen và cờ thi đua của tỉnh. Phòng GD&ĐT huyện Quảng Uyên được Sở GD&ĐT Cao Bằng đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nhận giấy khen./

P.V

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠ LANG TỰ HÀO DƯỚI MÁI TRƯỜNG GIÀU TRUYỀN THỐNG



Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng trao Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho tập thể nhà trường.

Ảnh: Tư liệu.

Trường THPT Hạ Lang, tiền thân là trường cấp 2-3 Hạ Lang, thành lập từ tháng 10 năm 1967. Từ chỗ chỉ là những mái nhà tranh tre vách đất, có 1 lớp đầu cấp với 26 học sinh, đến nay, trải qua gần 53 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã được xây dựng kiên cố, khang trang, cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, có khuôn viên độc lập... Những năm gần đây, Trường luôn duy trì từ 15 lớp trở lên với trên 500 học sinh. Trong suốt chặng đường gần 53 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp giáo dục của huyện Hạ Lang nói riêng, tỉnh Cao Bằng nói chung, xứng đáng là cái nôi đào tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số chất lượng cao cho địa phương.

Với phương châm “Chất lượng, hiệu quả giáo dục là mục tiêu hàng đầu; đổi mới quản lý, phương pháp dạy và học là trọng tâm; xây dựng tập thể sư phạm là biện pháp lâu bền”, những năm qua, các thế hệ thầy và trò Trường THPT Hạ Lang đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động, trong đó, đặc biệt chú trọng đến phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”. Nhờ vậy,

chất lượng giáo dục được duy trì và tương đối ổn định. Những năm học gần đây, Trường đều có học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh; tỷ lệ HS lên lớp thẳng chiếm từ 79,4% đến 81,1%; tỉ lệ HS đạt hạnh kiểm khá, tốt chiếm từ 86,8% đến 96%; tỉ lệ HS đỗ tốt nghiệp THPT trong 3 năm học gần đây đạt từ 92,4% đến 99,29%; HS thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng được duy trì và có chiều hướng tăng dần qua các năm, bình quân đỗ từ 30-40%/năm.

Thầy giáo Lê Văn Toàn, Hiệu trưởng Trường THPT Hạ Lang cho biết: “Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, bên cạnh việc quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, những năm gần đây, nhà trường cũng đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục như: Khuyến khích các thầy cô giáo tự học và sáng tạo; phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng năng lực của từng người; hàng năm tổ chức khảo sát chất lượng giáo viên, những giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng theo chuyên đề trong năm học; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo nội dung bài học; tăng cường thăm dò, dự giờ rút kinh nghiệm; quan tâm dạy văn hóa song song với

giáo dục ý thức đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh...”

Bên cạnh đó, các thầy cô không ngừng đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng tối đa trang thiết bị, đồ dùng dạy học (100% giáo viên sử dụng thành thạo máy vi tính và soạn giáo án điện tử). Hiện tại, các thầy cô giáo Trường THPT Hạ Lang cũng rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và tạo sự chuyển biến trong giáo dục đại trà. Bước vào đầu năm học, các thầy cô giáo ở các khối lớp đều tiến hành khảo sát chất lượng học sinh, theo đó có kế hoạch phụ đạo cho từng đối tượng học sinh. Đối với học sinh yếu kém, sẽ được bố trí phụ đạo, dạy thêm theo quy định; những học sinh có học lực tốt sẽ được tuyển chọn vào các đội tuyển thi học sinh giỏi của trường và có kế hoạch bồi dưỡng riêng.

Song song với không ngừng đổi mới công tác dạy và học, từ nhiều năm nay, Trường THPT Hạ Lang cũng rất tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nhằm rèn luyện kỹ năng sống và phát huy năng khiếu của học sinh như: Tham quan các điểm di tích lịch sử cách mạng, danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh; Tổ chức thi đấu bóng đá, bóng chuyền hơi, chơi trò chơi dân gian; Tổ chức Hội thi “Học sinh thanh lịch”, “Tri ân tình thầy cô”, nhận chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ của huyện...

Phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THPT Hạ Lang hôm nay không ngừng phấn đấu học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động. Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đưa nhà trường vững bước đi lên ./.

Trọng Nghĩa

Ngôi trường nơi vùng biên cương Tổ quốc

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT) huyện Trà Lĩnh (Cao Bằng) là trường chuyên biệt, thành lập năm 2004, tiếp quản khu UBND cũ của huyện, sửa chữa các phòng làm việc thành lớp học. Được các cấp ngành quan tâm đầu tư và xây dựng mới nhiều hạng mục từ phòng học, phòng hiệu bộ, sân chơi, bãi tập đến nhà đa năng, nhà ký túc xá, đến nay, Nhà trường có cơ sở vật chất tương đối khang trang, đáp ứng yêu cầu dạy và học, nuôi dưỡng học sinh...

Hàng năm, Trường bám sát nhiệm vụ, chỉ đạo của tỉnh, lấy học sinh làm trung tâm để đề ra các mục tiêu, trọng tâm là đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới phương pháp dạy và học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số (DTTS), nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, kiểm tra đánh giá; dạy học theo phương pháp tích hợp và trường học kết nối, định hướng phát triển năng lực học sinh...

Thầy giáo Nguyễn Ngọc Quang, Hiệu trưởng nhà trường cho biết: Năm học 2019-2020, nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nuôi dưỡng 220 học sinh là con em đồng bào DTTS. Để nâng cao chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên nhà trường luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động, công tác giảng dạy, năng động,



Tập thể cán bộ giáo viên Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Trà Lĩnh

sáng tạo trong công việc; nâng cao chất lượng đội ngũ bằng nhiều hình thức như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (100% giáo viên trực tiếp giảng dạy đã đạt trình độ chuẩn trở lên); tổ chức các hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, thao giảng và dự giờ các lớp trong trường và các trường bạn; tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng thông qua các hội nghị, hội thảo, học tập, giao lưu giữa các nhà trường và trong khối thi đua... Cùng với đó, nhà trường chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; phụ đạo học sinh yếu kém xuyên suốt năm học thông qua tổ chức dạy học hai buổi/ngày. Với đặc thù 100% học sinh là con em đồng bào DTTS, song song với nâng cao chất lượng giáo dục, nhà trường luôn chú trọng công tác quản lý học sinh, xây dựng kỷ cương, nền nếp, tạo môi trường học tập lành mạnh; chăm lo đời sống, sinh hoạt, đảm bảo nơi ăn, chỗ ở cho học sinh luôn sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh. Đồng thời, qua các buổi ngoại khóa, nhà trường giáo dục kỹ năng sống với các nội dung thiết thực, phù hợp tâm lý, lứa tuổi và đặc điểm văn hóa DTTS nhằm hình thành nhân cách tốt, xây dựng lối sống văn minh, thanh lịch cho các em... Đặc biệt, giúp học sinh dần cấp sớm hòa nhập, làm quen với điều kiện học tập, sinh hoạt và tiếp cận phương pháp dạy học và giáo dục của nhà trường... Nhờ tích cực đổi mới, nâng cao

chất lượng dạy và học nên chất lượng giáo dục nhà trường không ngừng nâng lên, năm sau cao hơn năm trước, xứng đáng với danh hiệu Trường đạt chuẩn quốc gia.

Qua từng năm học, tỷ lệ học sinh lớp 9 đỗ tốt nghiệp đạt 100% và được theo học tại các trường THPT ở huyện nhà, trường PTDT NT tỉnh, trường chuyên, trường vùng cao Việt Bắc...; học sinh có học lực khá, giỏi đạt 60% trở lên (năm học 2018-2019 đạt 64,8%); các cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh nhà trường đều đạt giải cao; các cuộc thi HSG các cấp đều ổn định, luôn dẫn đầu các trường THCS trong huyện, nhiều em đạt giải cao cấp tỉnh như: giải Nhì môn Tiếng Anh (năm học 2016-2017), giải Nhất môn Ngữ văn cùng nhiều giải khác (năm học 2017-2018). Ngoài ra, nhà trường còn đạt 01 giải Khuyến khích cấp Bộ về Cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết vấn đề thực tiễn; 03 huy chương vàng cấp tỉnh và 02 huy chương đồng cấp quốc gia cho giải thể thao điền kinh (năm học 2017-2018); được Giám đốc công an tỉnh tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào "toàn dân bảo vệ an ninh trật tự" (năm 2018)... Nhiều sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên được Sở Giáo dục & Đào tạo công nhận và được áp dụng thực tế tại nhà trường; nhiều giáo viên đạt danh hiệu GVDG cấp huyện và GVDG cấp tỉnh, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen./

Kiều Thủy



Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Trà Lĩnh tổ chức hoạt động ngoại khóa tuyên truyền về pháp luật

TRƯỜNG THPT NÀ GIÀNG: VIẾT TIẾP THÀNH TÍCH TỰ HÀO



Trường THPT Nà Giàng được thành lập từ năm 1962 tại Bản Chá, xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng, đến năm 1995, trường chuyển về địa điểm Nà Giàng. Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy và trò Trường THPT Nà Giàng vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, nỗ lực vươn lên trong mọi hoàn cảnh, chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong công tác dạy và học.

Ngược dòng thời gian, trở lại thời điểm ban đầu khi mới thành lập, trong bối cảnh cả nước đang oằn mình trong khói lửa chiến tranh, điều kiện để đầu tư cho nhà trường cũng rất hạn chế, trường, lớp chỉ là nhà tranh vách đất. Tuy nhiên bằng tinh thần hiếu học và nỗ lực vượt khó, thầy và trò Trường THPT Nà Giàng vừa dạy học, vừa phục vụ chiến đấu đã cùng nhau thi đua “Dạy tốt - Học tốt”. Trong giai đoạn này, theo tiếng gọi của Tổ quốc, hàng trăm học sinh của Trường đã tạm gác bút nghiên để lên đường tòng quân, tham gia khắp các chiến trường miền Nam và 66 người đã hy sinh, mãi mãi không trở về.

Khi đất nước bước vào giai đoạn mở cửa và hội nhập sâu,

sự nghiệp giáo dục cũng được quan tâm nhiều hơn. Trường THPT Nà Giàng đã được đầu tư, nâng cấp ngày một khang trang. Trường có đủ phòng học kiên cố cho các lớp, đủ phòng làm việc cho khu hiệu bộ, ngoài ra còn có 3 phòng sinh hoạt chuyên môn, 5 phòng bộ môn (trong đó có 2 phòng Tin học), 16 phòng công vụ cho giáo viên... Nhà trường cũng triển khai tốt công tác xã hội hóa để tăng cường các thiết bị dạy học, đặc biệt thiết bị thông minh như máy chiếu thể hệ mới. So với trước đây, Trường đã thay đổi rất nhiều, tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu đổi mới, Trường vẫn còn thiếu phòng học đa năng, trong khi một số công trình đã xuống cấp, cần tiếp tục được đầu tư bổ sung.

Kế thừa và phát huy truyền thống vượt khó vươn lên, nhà trường luôn động viên, khuyến khích, tạo mọi điều kiện để cán bộ, giáo viên tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời, thường xuyên tổ chức các buổi dự giờ, thăm lớp để các giáo viên trao đổi, học hỏi, rút kinh nghiệm và giúp nhau cùng tiến bộ... Hiện nay, Trường có 37 cán bộ, giáo viên, nhân viên, 100% đạt trình độ chuẩn, trong đó có 3 giáo viên có trình độ thạc sĩ. Trường đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức. Trong năm học 2018-2019, đội ngũ giáo viên nhà trường đã thực hiện dạy học theo chủ đề được 17 giờ, dạy học theo hướng phát triển năng lực người học được 42 giờ, tổ chức 32 chuyên đề chuyên môn và dạy học sử dụng CNTT được 172 giờ. Song song với việc dạy văn hóa

nhà trường luôn quan tâm giáo dục “kỹ năng mềm” cho học sinh thông qua các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT... với những nội dung thiết thực liên hệ với thực tiễn ở địa phương.

Trong những năm học gần đây, chất lượng giáo dục toàn diện của Trường duy trì ổn định, thường nằm ở tốp giữa trong khối các trường THPT trên toàn tỉnh. Cụ thể, năm học 2017-2018, tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi trở lên đạt 46,2%; năm học 2018-2019 đạt 49,3%. Nhiều giáo viên, học sinh và Trường THPT Nà Giàng đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo, UBND tỉnh, Sở Giáo dục & Đào tạo, UBND huyện Hà Quảng tặng nhiều Bằng khen, giấy khen.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Trường THPT Nà Giàng đã đào tạo gần 10 nghìn học sinh. Dưới mái trường thân yêu, các em đã được học tập, rèn luyện và trưởng thành, rồi từ đây mang theo tri thức đi khắp bốn phương trời. Trong số đó, không ít người đã trở thành cán bộ lãnh đạo, những nhà khoa học tài năng, nhà sản xuất kinh doanh giỏi, những thầy thuốc, nhà giáo, giáo sư, tiến sĩ, sỹ quan quân đội... Tiêu biểu như các đồng chí: Nông Thế Cừ, nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Đàm Thơm, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh; Triệu Đình Lê đang giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Cao Bằng, Trung tướng Đàm Đình Trại, nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam, Thiếu tướng Bế Ngọc Báu, nguyên Giám đốc Công an tỉnh...

P.V

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THÔNG NÔNG: VỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN



Khuôn viên trường PT DTNT Thông Nông

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT) huyện Thông Nông tiền thân là Trường Thiếu nhi vùng cao huyện Thông Nông được thành lập ngày 18/11/1967. Trải qua 53 năm xây dựng, các thế hệ thầy cô giáo Trường PTDTNT Thông Nông đã vượt qua bao thử thách, cống hiến tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp giáo dục, dạy dỗ con em các dân tộc thiểu số, giúp các em nuôi dưỡng tâm hồn, nâng cao nhận thức, trí tuệ, ương mầm trở thành người có ích cho địa phương và đất nước.

Lá cờ đầu khối giáo dục DTNT

Kế thừa và phát huy truyền thống vượt khó "dạy tốt, học tốt" của các thế hệ đi trước, những năm gần đây, Trường PT DTNT Thông Nông đã đạt được những thành tích đáng khích lệ và luôn nằm trong top 3 trường dẫn đầu về chất lượng đào tạo trong các trường DTNT cấp huyện.

Nổi bật, trong 3 năm học (2016-2017, 2017-2018, 2018-2019) Trường luôn duy trì sĩ số 100%, tỷ lệ học sinh chuyển lớp thẳng từ trên 98%, tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp đạt 100%. Học sinh xếp loại hạnh kiểm khá và tốt đều từ 97% trở lên, riêng 2 năm học 2017-2018, 2018-2019, Trường không có học sinh hạnh kiểm yếu. Về học lực, tỷ lệ học sinh đạt khá giỏi các năm đều trên 73%, riêng 2 năm học, 2017- 2018, 2018- 2019, học sinh giỏi chiếm trên 32%. Trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, 3 năm học vừa qua, bình quân mỗi năm Trường có từ 20-24 giải

cấp huyện và 15-17 giải cấp tỉnh; và trong cuộc thi KHKT cấp tỉnh, trường đều có các dự án tham dự và đạt giải.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm là không ngừng nâng cao chất lượng dạy học, Trường PT DTNT Thông Nông đã chú trọng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Đội ngũ giáo viên không ngừng tự học hỏi, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy. Trong 3 năm vừa qua, Trường đều có từ 15 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp huyện, có 6 - 8 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận loại khá.

Bên cạnh đó, Trường PT DTNT Thông Nông cũng là đơn vị triển khai hiệu quả việc đổi mới phương pháp giáo dục. Cụ thể, Trường đã chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên rà soát sắp xếp lại nội dung chương trình theo hướng tinh giản nội dung trùng lặp, bổ sung kiến thức mới, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học và các chủ đề tích hợp, liên môn. Đồng thời, áp dụng phương pháp dạy học tích cực, dạy học theo hướng nghiên cứu bài học, dạy học trải nghiệm sáng tạo, áp dụng kỹ thuật dạy học theo hoạt động nhóm, vấn đáp, sơ đồ tư duy, đóng tiểu phẩm....

Xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực

Thầy Nông Mã Trãi - Hiệu trưởng Nhà trường chia sẻ: "Với đặc thù của một trường nội trú dành riêng cho con em người DTTS trên địa bàn huyện, tất cả các em ăn, học và ở tại trường. Vì vậy để có được chất lượng giáo dục tốt, trước hết nhà trường thực hiện xây dựng được môi trường

giáo dục tốt". Những năm gần đây, được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Cao Bằng, UBND huyện, Trường đã được đầu tư xây dựng mới nhiều công trình như nhà ký túc xá, hiệu bộ, nhà - bếp ăn học sinh, phòng bộ môn, phòng bảo vệ, nhà để xe, nhà công vụ 16 phòng (đang xây dựng trong năm nay)... Ngoài ra, Trường được sửa chữa 8 phòng học bộ môn, được bổ sung thiết bị dạy học đảm bảo theo quy định tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Trường cũng tổ chức cho học sinh trồng thêm cây xanh vào đầu xuân để tạo cảnh quan không gian xanh.

Không chỉ quan tâm tới thời gian trên lớp, Trường đặc biệt coi trọng công tác quản sinh trong khu ký túc xá và ngoài giờ học. Ban Giám hiệu nhà trường có sự phân công cho các bộ phận để trong ngày luôn có người (có thể là cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách lớp, bảo vệ...) đến kiểm tra từng phòng, nhắc nhở các em về các vấn đề trang phục, nề nếp, sử dụng trang thiết bị... Mỗi phòng đều có sổ sinh hoạt phòng để giáo viên nhận xét đánh giá. Nhờ vậy, các em rèn luyện được ý thức tự giác, tự quản, tự chịu trách nhiệm, đoàn kết thân ái giúp đỡ nhau trong sinh hoạt và học tập. Trường PTDTNT Thông Nông cũng quan tâm tới giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ như tổ chức sinh hoạt đội, sinh hoạt nội trú, phối hợp với các đơn vị trong huyện tổ chức tuyên truyền giáo dục về an toàn giao thông, an toàn học đường, phòng chống ma túy, giáo dục về giới tính...

Long Đình

Một số thành tích nổi bật của Trường những năm gần đây

- Tập thể lao động xuất sắc (2016-2017, 2017-2018), Bằng khen của Bộ GD&ĐT, Cờ thi đua của Chính phủ (2016-2017).
- Cờ thi đua của UBND tỉnh dành cho Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua (2018-2019);
- Trường đạt chuẩn chất lượng cấp độ 2 và chuẩn Quốc gia mức độ I (2019-2020).

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 0866 - 7322. Số kỳ II - 3/2020 (570) Ra hàng tháng. Năm thứ 59

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội thảo góp ý sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia
3. Hội thảo Phương án điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020
4. Công tác phương pháp chế độ thống kê năm 2019 và triển khai năm gốc so sánh năm 2020
6. Ngành Thống kê với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0
9. Phương án Điều tra doanh nghiệp năm 2020 - Một số nội dung chủ yếu

KINH TẾ - XÃ HỘI

12. Việt Nam chủ động phòng, chống dịch bệnh Covid-19
Bích Ngọc
16. Triển vọng kinh tế số tại Việt Nam
ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo
19. Thực trạng và kiến nghị phát triển cơ sở hạ tầng PPP
Minh Thư
22. Xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc gặp khó
Thu Hường
26. Cà phê Việt thách thức phát triển thị trường xuất khẩu
Thu Hòa
29. Nuôi biển - hướng đi chiến lược phát triển nghề cá
Phương Anh
32. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp
ThS. Phạm Thị Thu Hiền
35. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

37. Khắc phục chênh lệch số liệu dân số giữa các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới do bộ, ngành hướng dẫn
ThS. Trần Thanh Bình

QUỐC TẾ

39. Dịch Covid-19 đang "phủ bóng đen" lên kinh tế toàn cầu
Tiến Long

SÁCH HAY THỐNG KÊ

42. Báo cáo hội nhập ASEAN 2019
Bích Ngọc

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH CAO BẰNG

44. Cao Bằng: Huy động các nguồn lực hoàn thiện hạ tầng giao thông
Trịnh Long
45. Quảng Uyên: Đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh
Hoàng Văn Sóng
47. Huyện Quảng Uyên: Nâng cao chất lượng giáo dục
49. Ngôi trường nơi vùng biên cương Tổ quốc
Kiều Thủy
50. Trường THPT Nà Giàng: Viết tiếp thành tích tự hào
51. Trường Phổ thông DTNT Thông Nông: vững bước phát triển
Long Đình

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUẢNG UYÊN

HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 60 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Được thành lập từ năm 1960, sau 60 năm xây dựng và trưởng thành, trường THPT Quảng Uyên đã từng bước vươn lên tự khẳng định vị thế là một trong những trường THPT có quy mô trường lớp lớn của tỉnh Cao Bằng, là địa chỉ tin cậy thân thương của các học sinh tại địa phương.

Nhìn lại chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy trò đã từng học tập và công tác tại đây đều cảm thấy vô cùng vinh dự và tự hào với bề dày thành tích đã đạt được hoa c của Nhà trường. Nhớ lại những năm đầu mới thành lập, cơ sở vật chất nghèo nàn lại hoạt động trong bối cảnh đất nước còn chiến tranh, đến thời kỳ cả nước chuyển mình đổi mới đã khiến cho việc dạy và học của nhà trường gặp muôn vàn khó khăn. Tuy nhiên, với tinh thần vượt khó, thầy và trò trường THPT Quảng Uyên đã cùng nhau nỗ lực phấn đấu không ngừng, từng bước khắc phục khó khăn để thi đua “Dạy tốt - Học tốt”.

Đến nay, Trường đã được đầu tư xây dựng tương đối khang trang, đáp ứng cơ bản cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh với 23 phòng học, 05 phòng máy chiếu, 02 phòng Tin học, 02 phòng học Ngoại ngữ, các phòng thí nghiệm thực hành bộ môn: Lý, Hóa, Sinh, phòng Hội đồng, phòng Ban giám hiệu, phòng Truyền thống. Ngoài ra, nhà trường đang được đầu tư sửa chữa 02 khu nhà và xây mới nhà đa năng...

Cùng với đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên của Trường ngày càng đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có năng lực sư phạm tốt và tinh thần trách nhiệm cao, chất lượng giảng dạy của nhà trường ngày càng đi lên. Nhiều giáo viên của trường được công nhận là giáo viên dạy giỏi và chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Cũng từ mái trường này,



Hoạt động ngoại khóa tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống ma túy

lớp lớp các thế hệ học sinh đã nuôi dưỡng ước mơ và trưởng thành, đã và đang cống hiến sức lực và tài năng cho quê hương, đất nước. Trong số hàng vạn học sinh các dân tộc được đào tạo tại Trường qua các thời kỳ, có nhiều người đã đỗ đạt, có học vị cao trong xã hội và được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện, các sở, ban ngành tỉnh.

Thực hiện mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, trong những năm qua, Trường THPT Quảng Uyên đã nỗ lực thực hiện tốt phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” với các nội dung phù hợp điều kiện thực tế của trường như: Thi đua dạy tốt, học tốt; Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo,...

Bên cạnh đó, Trường THPT Quảng Uyên cũng tích cực khuyến khích giáo viên và học sinh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập; tăng cường sử dụng hợp lý, khai thác tối đa hiệu quả của các thiết bị dạy học, phương tiện nghe nhìn; coi trọng thực hành, thí nghiệm; chú trọng liên hệ thực tế trong từng bài giảng phù hợp với nội dung từng bài học. Nhờ đó, chất lượng giáo dục của trường không ngừng nâng lên. Cụ thể: Có 95% HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt; 95% HS có học lực từ trung bình trở lên; HS có học lực khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ HS khá, giỏi Năm học 2016-2017 đạt 47,3%; Năm học 2017-2018 đạt 50,06%; Năm học 2018-2019: đạt 52%. 100% HS lớp 12 đủ điều kiện

để dự thi tốt nghiệp THPT cuối khóa; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm đạt từ 90% trở lên. Về văn hóa mũi nhọn, trường đứng top 10/30 trường THPT trong toàn tỉnh; Tỷ lệ HS thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, TCCN hàng năm bình quân từ 50-60%...

Song song với công tác chuyên môn, Trường THPT Quảng Uyên cũng rất quan tâm đến việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Từ các chương trình ngoại khóa theo hướng hoạt động trải nghiệm, thông qua các hình thức như: Câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, tổ chức diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan dã ngoại, hội thi, hoạt động giao lưu, nhân đạo, tình nguyện, lao động công ích, sinh hoạt tập thể... Với các hình thức phong phú, đa dạng, các em học sinh được tham gia, tiếp xúc thực tế đã phát huy được tính sáng tạo, tư duy tích cực thông qua việc phản biện, phân tích, nhận định, đánh giá... để chuyển hóa trải nghiệm thực tiễn thành giá trị, năng lực của bản thân, đồng thời biết chia sẻ và quan tâm tới mọi người xung quanh.

Phát huy truyền thống vẻ vang của mái trường thân yêu, thầy và trò Trường THPT Quảng Uyên hôm nay đang ra sức thi đua dạy tốt, học tốt. Tạo lập những giá trị mới để hướng tới Kỷ niệm 60 năm thành lập trường (1960-2020), xứng đáng là “điểm sáng” đào tạo ra những công dân tốt, có đức, có tài, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước./.

Trọng Nghĩa

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG NỖ LỰC VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng là đơn vị hạng III có tổng diện tích 3.098 m² và quy mô 70 giường bệnh (thực kê 105 giường), thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên 08 phường và 03 xã trên địa bàn.



Ông Hoàng Quang Hùng, Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố tặng hoa chúc mừng cán bộ, viên chức, người lao động tại Trung tâm

Với phương châm “lấy con người làm trung tâm”, trong nhiều năm qua mỗi cán bộ, nhân viên y tế của Trung tâm đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, đổi mới chính mình bằng phong cách, thái độ phục vụ, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của người thầy thuốc hướng tới sự hài lòng của nhân dân “Người bệnh đến niềm nở - Người bệnh ở tận tình chu đáo - Người bệnh về dặn dò chu đáo”; cùng nhau thi đua “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh” gắn với nhiệm vụ chuyên môn... tinh thần đó còn được thể hiện bằng việc nêu cao ý thức tự học, tự rèn luyện nâng cao trình độ và bắt kịp công nghệ, làm chủ máy móc hiện đại nhằm đáp ứng hiệu quả công việc... Cùng với đó, Trung tâm thiết lập đường dây nóng để lắng nghe, ghi nhận về phục vụ KCB, thái độ, ứng xử, kỹ năng giao tiếp của nhân viên y tế, kịp thời giải quyết khẩn cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ KCB; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, lắp đặt camera giám sát, ứng dụng công nghệ tin học

vào quản lý khám, chữa bệnh, dược, tài chính, trang thiết bị.

Ông Hoàng Quang Hùng, Thạc sĩ y khoa, Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng chia sẻ: “Trong những năm gần đây, khi nhu cầu của người dân trên địa bàn thành phố về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, việc phát triển và mở rộng phạm vi chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, trong đó chú trọng đến các dịch vụ kỹ thuật cao là mối quan tâm hàng đầu của đơn vị. Trung tâm đã cử bác sĩ tham dự đào tạo nâng cao về trình độ chuyên môn chuyên khoa sâu về mắt, răng hàm mặt, hoàn thiện các ê kíp để thực hiện phẫu thuật kỹ thuật nội soi, triển khai dịch vụ mổ nội soi tiêu hóa, các dịch vụ về y học cổ truyền và phục hồi chức năng. Trong thời gian tới, Trung tâm tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo các chuyên khoa nhi, ngoại, sản để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn”.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, đội ngũ cán bộ làm công tác y tế dự phòng mỏng, kinh phí đầu tư cho các chương trình hạn hẹp, hàng năm Trung tâm

vẫn luôn chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa công tác chỉ đạo tuyến; tăng cường tập huấn, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng trên toàn mạng lưới y tế; làm tốt công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức về cách chăm sóc bản thân và gia đình đến đông đảo quần chúng nhân dân; phổ biến các kiến thức VSATTP, dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS; đồng thời chuẩn bị tốt các nguồn lực, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế phòng chống dịch, sẵn sàng đối phó, dập tắt các ổ dịch và khi có dịch bệnh bùng phát. Nhờ vậy, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tương đối ổn định trong nhiều năm; công tác phòng chống dịch thực hiện kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ mắc dịch ở mức thấp nhất, không để dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi bùng phát; bảo vệ được thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ trên 95% cho trẻ dưới 1 tuổi, trên 80% phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân giảm từ 11,7% năm 2015 xuống còn 11,4% năm 2017 và duy trì tỷ lệ này đến nay... kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dưới 0,3% và giảm số người nhiễm mới...

Với sự cống hiến thầm lặng, thành quả đạt được của đội ngũ cán bộ Y tế Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng đã được nhân dân và lãnh đạo các cấp, ngành ghi nhận, được nhân dân trên địa bàn tin tưởng, mến yêu./

P.V

